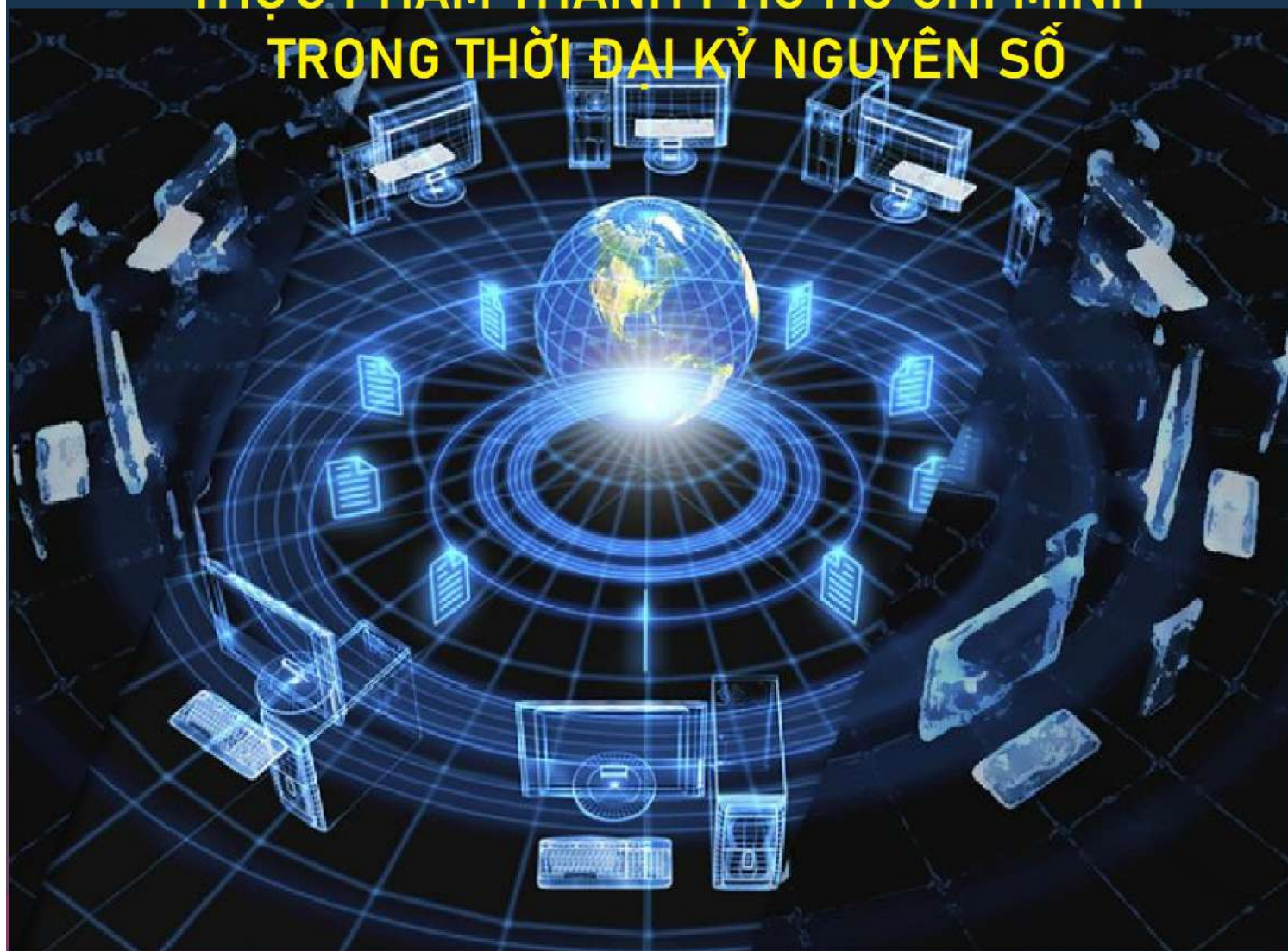


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT

HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP KHOA - NĂM 2023

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC
MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LUẬT
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRONG THỜI ĐẠI KỸ NGUYÊN SỐ**



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 2023

HỘI THẢO KHOA HỌC KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT, NĂM 2023

“Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật
tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
trong thời đại Kỷ nguyên số”

BAN TỔ CHỨC

(Thành lập theo Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học cấp Khoa, ban hành ngày
14/10/2022 của Trường khoa Chính trị - Luật)

1	TS. Nguyễn Thị Thu Thoa	Trưởng ban
2	TS. Phan Thị Thu Thúy	Phó trưởng ban
3	TS. Nguyễn Nam Hà	Ủy viên
4	TS. Nguyễn Thị Tường Duy	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thị Tú Trinh	Ủy viên
6	TS. Mai Quốc Dũng	Ủy viên
7	ThS. Trần Thùy Liên	Ủy viên

MỤC LỤC

STT	Tên bài viết	Trang
-----	--------------	-------

PHẦN 1: THAM LUẬN BÁO CÁO

	Vai trò của giảng viên trong việc phát huy ý thức tự giác học tập các	
1	môn Lý luận Chính trị của sinh viên trong thời đại cách mạng số <i>TS. Nguyễn Thị Tường Duy</i>	2
2	Các môn Lý luận Chính trị - những vấn đề cần quan tâm <i>TS. Nguyễn Minh Tiến, ThS. Hoàng Ngọc Kiên</i>	9
3	Nâng cao chất lượng giảng dạy Luật Hiến pháp thời kỳ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>TS. Nguyễn Nam Hà</i>	13

PHẦN 2: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ

4	Tính tất yếu chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay <i>TS. Nguyễn Thị Thu Thoa</i>	25
5	Tác động của thời đại kỷ nguyên số đối với ngành giáo dục Việt Nam <i>TS. Nguyễn Thị Tú Trinh</i>	32
6	Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường đại học hiện nay <i>ThS. Nguyễn Thị Lợi, ThS, NCS Nguyễn Phước Trọng</i>	45
7	Nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập các môn Lý luận Chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay <i>TS. Mai Phú Hợp</i>	51
8	Nâng cao chất lượng giảng viên - yếu tố quyết định nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị trong thời đại kỷ nguyên số <i>TS. Phan Thị Thu Thúy</i>	60

9	Phát huy tính sáng tạo của giảng viên các môn Khoa học Mác – Lênin bắt đầu từ cơ sở <i>TS. Phan Thị Hiền</i>	73
10	Phát triển nội dung nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập Học thuyết Kinh tế chủ nghĩa Mác – Lênin trong bối cảnh hiện nay <i>ThS, NCS Phan Thị Ngọc Uyên</i>	78
11	Vận dụng bản đồ tư duy trong dạy học các môn Lý luận Chính trị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy ở Việt Nam hiện nay <i>ThS, NCS Huỳnh Tuấn Linh</i>	85
12	Một số phương pháp dạy học tích cực, gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy Lý luận Chính trị áp dụng ở các trường đại học <i>TS. Mai Quốc Dũng</i>	90
13	Sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM <i>ThS. Nguyễn Văn Dương, ThS. Nguyễn Thị Tươi</i>	100
14	Nâng cao tính thực tiễn giảng dạy các môn Lý luận Chính trị ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM trong thời đại kỷ nguyên số <i>ThS. Phạm Kim Thành</i>	105
15	Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM trong giai đoạn hiện nay <i>ThS. Phan Thị Thành</i>	111
PHẦN 3: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LUẬT TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ		
16	Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Luật Thi hành án Dân sự <i>ThS. Trần Thùy Liên</i>	119
17	Ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong công tác giảng dạy môn Pháp luật Thương mại Điện tử	124

	<i>ThS. Vũ Việt Tiến</i>	
18	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Pháp luật Đại cương cho sinh viên không chuyên luật tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	131
	<i>ThS. Phan Ái Nhi</i>	
19	Nâng cao chất lượng giảng dạy môn kỹ năng nghiên cứu và lập luận sinh viên ngành Luật Kinh tế trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	137
	<i>ThS, NCS Nguyễn Phước</i>	
20	Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, chủ động trong giảng dạy môn Luật Dân sự cho sinh viên chuyên ngành Luật Kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	143
	<i>ThS. Nguyễn Thị Huyền</i>	

PHẦN 1
THAM LUẬN BÁO CÁO

VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC PHÁT HUY Ý THỨC TỰ GIÁC HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG SỐ

TS. Nguyễn Thị Tường Duy

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: duyntt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 14/02/2023, ngày sửa bài: 21/03/2023, ngày chấp nhận: 01/04/2023

Tóm tắt: Cách mạng công nghiệp 4.0 với việc ứng dụng phổ biến những thành tựu khoa học kỹ thuật cùng với công nghệ hiện đại đang là xu hướng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống con người. Trong đó, giáo dục là lĩnh vực chịu sự tác động rõ rệt nhất, nó đòi hỏi người lao động nói chung đặc biệt là sinh viên nói riêng cần phải có thái độ tích cực trong học tập nhất là trong việc học các môn lý luận chính trị.

Đặc thù của các môn lý luận là chính sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức chuyên môn cần thiết mà còn phải hình thành được niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản, xây dựng được thế giới quan khoa học và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Để đạt được điều đó, sinh viên phải phát huy tối đa ý thức tự giác học tập và giảng viên phải là người tạo động lực và truyền cảm hứng tự giác chủ động học tập cho sinh viên, phát huy tính chủ động học tập của người học, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng số - cách mạng 4.0.

Từ khóa: ý thức tự giác, cách mạng số, giảng viên.

Nội dung

1. Vai trò tích cực của cách mạng số và sự cần thiết của việc phát huy ý thức tự giác học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên

Vai trò tích cực của cách mạng số trong việc phát huy ý thức tự giác học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên

Ngày nay, việc học tập trong thời đại công nghệ số và mạng Internet vượt qua sự giới hạn về không gian, thời gian, người học có thể tiếp cận tri thức từ nhiều nguồn, từ nhiều phương tiện và nhiều kênh khác nhau. Trong đó, Internet là kho chứa nguồn dữ liệu vô cùng phong phú và khổng lồ. Những kiến thức, thông tin cơ bản ở hầu khắp các lĩnh vực từ xưa đến nay hầu như có thể tìm trên Internet mà chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh hay máy tính bảng người học dễ dàng tìm được. Hơn thế nữa, người học có thể trao đổi trực tiếp với người giảng bài. Điều này đặc biệt thuận lợi cho việc xây dựng ý thức tự giác học tập cho người học nói chung và sinh viên nói riêng, hình thành cho họ ý thức và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người, đáp ứng những yêu cầu của con người trong thời đại 4.0.

Thứ nhất, cách mạng 4.0 tạo ra hiệu ứng về nội dung học tập và nguồn tài liệu vô cùng phong phú, đa dạng. Đây là một thuận lợi cực kỳ to lớn cho sinh viên dễ dàng tiếp cận

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

với nguồn tri thức, từ đó kích thích và làm gia tăng ham muốn tìm hiểu, nghiên cứu của sinh viên. Sinh viên có cơ hội cập nhật các thông tin, kiến thức hiện đại trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có nền giáo dục phát triển, hạn chế tiếp thu và chủ động loại bỏ dần các kiến thức đã lỗi thời, không còn phù hợp với thực tiễn. Với nguồn big data khổng lồ cùng với mạng internet, kho tàng tri thức của nhân loại được lưu trữ từ thế hệ này sang thế hệ khác, việc xử lý thông tin và tiếp cận tài liệu vô cùng dễ dàng và nhanh chóng bất kể không gian, thời gian, làm cho người học hăng say và có động lực mạnh mẽ trong học tập, chiếm lĩnh tri thức.

Thực tế, theo quy luật tâm lý, con người thường nản chí và dễ dàng từ bỏ cố gắng để trau dồi tri thức khi các điều kiện không cho phép họ thực hiện hành vi tìm kiếm thông tin. Chẳng hạn, sinh viên ham mê tìm hiểu tri thức về một vấn đề nào đó, nếu như trước đây, công nghệ chưa phát triển muốn nghiên cứu tài liệu, sinh viên buộc phải tìm đến thư viện, nhà sách và có khi cũng không tìm ra được nguồn tài liệu đang cần. Trong tình huống ấy, sinh viên thường dễ dàng nản chí. Giờ đây với kho dữ liệu đồ sộ được cập nhật liên tục từng phút, từng giây, chỉ cần một cú nhấp chuột, hàng loạt thông tin đa dạng hiện ra trước mắt, đưa sinh viên vào thiên đường của tri thức, sinh viên cảm giác như đang có trong tay một quyển bách khoa toàn thư giúp họ hứng khởi hơn trong quá trình tìm tòi và khám phá tri thức. Thông qua “kho tàng tri thức điện tử”, sinh viên học được cách tư duy, cách đánh giá các tình huống, các vấn đề phức tạp trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề.

Thứ hai, cách mạng 4.0 tạo ra hiệu ứng về tâm thế và mục đích học tập tích cực cho sinh viên.

Trong giáo dục, trước khi dạy tri thức, rèn luyện kỹ năng, người dạy phải giúp cho người học biết rằng “học tập là mục tiêu tự thân”. Chỉ khi nào sinh viên tự xác định được và nhà trường giúp sinh viên xác định được những mục tiêu học tập đúng đắn cho chính họ làm động cơ tự thân thì họ mới tích cực nỗ lực học tập. Theo UNESCO (1996) các mục tiêu trụ cột của việc học trong thời đại ngày nay là “học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau và học để tồn tại”. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để sinh viên có thái độ tích cực để đạt các mục tiêu này? Cách mạng 4.0 với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, tri thức toàn cầu và kết nối vạn vật có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý thức tự giác học tập của sinh viên trong việc xác định mục tiêu học tập.

Thứ ba, cách mạng 4.0 tạo ra hiệu ứng về việc đổi mới phương pháp giảng dạy của người dạy- yếu tố quyết định đến việc tạo hứng thú học tập cho sinh viên.

Thời đại công nghiệp 4.0 này đòi hỏi cần phải đào tạo ra những con người có năng lực tư duy, sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, có khả năng làm việc độc lập và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các chứng cứ và dữ liệu. Đây là những kết quả cần phải đạt được của người học có tính tích cực. Song để người học, cụ thể là sinh viên có được những phẩm chất này, người dạy cũng cần phải có phương pháp truyền đạt hiệu quả. Vấn đề này được giải quyết bởi thành tựu vượt bậc của cách mạng 4.0. Với cách mạng công nghiệp

4.0, khái niệm “biết đọc” bao gồm “biết đọc công nghệ”. Điều đó đã tạo ra một nhu cầu rất lớn của xã hội đối với ngành giáo dục mà trong đó giáo viên là đối tượng cần phải “biết đọc công nghệ” để có thể đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong việc truyền tải kiến thức đến người học. Như vậy, nền giáo dục cần chuyển đổi cách thức giáo dục từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực của sinh viên. Tức là phương pháp giảng dạy cũng phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trong việc tổ chức giáo dục. Qua đó, hình thức giáo dục sẽ linh hoạt về thời gian, không gian, phù hợp với điều kiện và nhu cầu cá nhân, phát triển E- learning hay sử dụng ứng dụng công nghệ điện toán đám mây cho phép người dạy có thể cung cấp tài liệu học tập cho người học và thu thập lại các kết quả của quá trình dạy học từ phía người học một cách liên tục và linh hoạt.

Thứ tư, cách mạng 4.0 đem lại không gian học tập mở, thời gian học tập linh hoạt, giúp sinh viên làm chủ việc học tập, nâng cao tính sáng tạo, mở rộng hiểu biết cho bản thân. Bởi vì “Mục đích của giáo dục 4.0 phải là sáng tạo và tạo ra giá trị; chương trình đào tạo là xuyên ngành. Việc giảng dạy diễn ra ở mọi nơi và đâu ra là người sáng tạo và khởi nghiệp.

Bản chất của cuộc cách mạng 4.0 là việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối và dữ liệu lớn, nên trong giáo dục, những yếu tố này hoàn toàn có khả năng được áp dụng một cách có hiệu quả trong việc gia tăng tinh thần tích cực học tập không giới hạn của sinh viên. Thông tin dưới sự kết nối của internet sẽ làm mờ dần ranh giới giữa các ngành học, lĩnh vực học mà ngược lại làm cho chúng phải hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau. Vì vậy, đây là cơ hội để sinh viên chủ động tích lũy tri thức, làm chủ công nghệ, cập nhật kịp thời những ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật mới nhất để có thể cạnh tranh về việc làm trong kỉ nguyên toàn cầu hóa. Đây là cơ hội để mở rộng sự hiểu biết cũng như quan hệ trong và ngoài nước, giúp sinh viên có nhiều trải nghiệm để hoàn thiện bản thân, trở thành “những công dân toàn cầu” năng động, sáng tạo và tràn đầy nhiệt huyết.

Sự cần thiết phát huy ý thức tự giác học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên

Ngày 13/8/2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức ban hành bản Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT. Theo quy chế thì một tiết lý thuyết lên lớp sinh viên phải có 2 tiết chuẩn bị bài ở nhà để nghiên cứu tài liệu, tự nghiên cứu tức là thời gian tự học gấp đôi thời gian lên lớp. Việc đổi mới này đã đem lại cho sinh viên và giảng viên một lượng thời gian để có thể đào sâu thêm kiến thức, vận dụng những kiến thức đã được học vào phân tích những vấn đề cụ thể của thực tiễn, khắc phục tình trạng học lý thuyết suông hoặc chỉ học những gì giảng viên truyền đạt. Quy chế cũng thể hiện rất rõ việc nâng cao vai trò hoạt động của sinh viên, lấy sinh viên là trung tâm của quá trình đào tạo, mọi hoạt động sư phạm đều lấy nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của người học làm trung tâm. Với những chủ trương trên đã góp phần thấy được sự cần thiết nâng cao tính tự học các môn học Lý luận chính trị của sinh viên

Các môn học Lý luận chính trị là những môn học mang tính trừu tượng và khái quát cao, là hệ thống kiến thức mở, khối lượng kiến thức rất lớn, bao quát những vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội và cả lĩnh vực tư duy của con người. Nó có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, xây dựng quan hệ đạo đức mới,

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỷ nguyên số

xác lập lối sống tiên bộ trong thanh niên, sinh viên. Vì thế, đòi hỏi khi học các môn này sinh viên phải phát huy tích cực khả năng tự học, tự nghiên cứu ở mức tối đa.

Đặc điểm nổi bật của các môn học Lý luận chính trị là trực tiếp trang bị thể giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, nhân sinh quan cách mạng, ý thức hệ, hình thành được tính độc lập trong tư duy và sử dụng được lý luận, tri thức, kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề đặt ra mà không phụ thuộc vào người khác. Những kiến thức này tạo nên niềm tin, lý tưởng và định hướng cho hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của sinh viên trong quá trình học tập ở nhà trường và trong cả cuộc sống sau khi ra trường. Chính vì vậy, việc nâng cao tính tích cực tự học cũng như hiệu quả của việc tự giác chủ động nghiên cứu các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh cực kỳ quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học.

Các môn học Lý luận chính trị thuộc khoa học chính trị – xã hội, nó không chỉ thể hiện những nguyên lý, tính quy luật của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam mà còn gắn liền với việc quán triệt những nguyên lý đó vào thực tiễn đời sống xã hội, gắn liền với từng giai đoạn phát triển của lịch sử vào đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Thực tiễn đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và cục diện thế giới đang diễn ra phức tạp, giữa lý luận và quan điểm chính trị cũng thường có nhiều quan điểm khác nhau.

Xuất phát từ vai trò đặc biệt của môn học, việc tự học các môn lý luận chính trị là đòi hỏi bức thiết, là yếu tố đóng vai trò quyết định trong việc học tập hiệu quả các môn này. Và ý thức tự giác học tập của sinh viên đạt hiệu quả đến đâu thì yếu tố đóng vai trò cốt lõi chính là vai trò hướng dẫn của người giảng viên.

2. Vai trò của giảng viên trong việc phát huy ý thức tự giác học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên

Quá trình dạy học là quá trình biện chứng, bao gồm hai quá trình: quá trình dạy và quá trình học. Trong đó, quá trình dạy là hoạt động lãnh đạo, tổ chức, điều khiển mọi hoạt động học của sinh viên. Quá trình học là hoạt động do được sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển nên nó là hoạt động nhận thức đặc biệt. Trong quá trình dạy học thì sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên chính là chìa khóa mở cánh cửa thành công đối với chất lượng dạy và học.

Đặc biệt, từ khi các trường đại học chuyển đổi từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo theo tín chỉ, số giờ giảng dạy trên lớp của giảng viên giảm khá nhiều, do vậy số giờ yêu cầu sinh viên tự học tăng lên gấp đôi. Nhưng thực tế cho thấy đa số sinh viên vẫn chưa hình thành một cách tích cực tính tự giác trong học tập, vẫn còn trông chờ vào bài giảng của giảng viên để ghi chép, sinh viên ít chủ động đặt câu hỏi, khi giảng viên đặt câu hỏi thì rất ít sinh viên giơ tay xin phát biểu.... Thực trạng vấn đề trên do nhiều nguyên nhân:

Về phía sinh viên: Nhiều sinh viên chưa có ý thức trong việc tự học, cho rằng việc dạy học là việc của giảng viên, sinh viên chỉ làm theo sự chỉ dẫn của thầy cô. Những ý kiến trên bắt nguồn từ tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò của người thầy như: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, “không thầy đố mày làm nên”... do vậy, việc tự học còn bỏ ngõ. Bên cạnh đó, do sự phát triển của công nghệ thông tin làm cho việc tự học của sinh viên bị ảnh hưởng như: nghiện game, nghiện phim, facebook, zalo...

Về phía giảng viên: Nhiều giảng viên thường truyền thụ kiến thức theo lối đọc chép, không ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy, thiếu kinh nghiệm thực tế nên bài giảng thiếu sinh động. Với bối cảnh giữa giảng và sinh viên như vậy thì việc tự học gần như bị vô hiệu hóa, chỉ một số ít sinh viên có khả năng điều chỉnh hành vi học tập để có khả năng tự học thực sự. Bên cạnh đó, do chuyển từ phương thức đào tạo từ niên chế sang phương thức đào tạo tín chỉ nên số giờ lên lớp được rút ngắn lại, từ đó gây áp lực đối với đội ngũ giảng viên.

Về phía nhà trường: Nhà Trường chưa chú trọng đúng mức đến việc hướng dẫn kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, sinh viên chưa được trang bị cho những tri thức liên quan đến ý thức tự học, ý thức và kỹ năng tự học chưa được xem là một nội dung của quản lý hoạt động học tập; cơ sở vật chất phục vụ cho việc tự học còn thiếu và yếu, hệ thống sách, giáo trình chưa phong phú, hệ thống internet còn lạc hậu, chưa đáp ứng được nhu cầu tự học cho sinh viên; không gian tự học của nhà trường còn thiếu....

Có thể nói, khơi dậy và phát huy ý thức tự giác trong học tập các môn lý luận chính trị không chỉ là nhiệm vụ quan trọng đối với nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường, mà còn là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc củng cố niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do vậy, với trách nhiệm là một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, giảng viên có một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo điều kiện và động lực để phát huy ý thức tự giác trong học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên. Cụ thể:

Thứ nhất, Giảng viên phải nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ tuyên truyền, lan tỏa những giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực hiện công tác giảng dạy; nhiệm vụ tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Chủ động, sáng tạo trong việc kết hợp giảng dạy lý luận với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy; thường xuyên cập nhật những kiến thức mới vận dụng vào quá trình giảng dạy.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy người học làm trung tâm, người học là chủ thể chính trong quá trình đào tạo. Chú trọng liên hệ thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy lý luận chính trị; định hướng người học vận dụng những kiến

thức, kỹ năng được học để tuyên truyền, lý giải, thuyết phục nhân dân về các vấn đề đang diễn ra trong thực tế, nhất là những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau.

Thứ ba, phát huy dân chủ, khuyến khích, khơi gợi, truyền cảm hứng cho người học tích cực tham gia ý kiến trong quá trình học tập tạo nên buổi học sinh động, hiệu quả và chất lượng.

3. Kết luận

Hiện nay, trong các trường đại học một bộ phận sinh viên còn thụ động trong việc tiếp nhận tri thức, đặc biệt là những tri thức về chính trị, xã hội, một bộ phận sinh viên chưa có sự quan tâm đúng mức đến bộ môn này, vẫn học theo kiểu đối phó, chưa nhận thức được vai trò cần thiết của môn học trong nhận thức cũng như trong thực tiễn hoạt động của bản thân, từ đó dẫn đến lơ là trong việc học, thiếu niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn, không vững vàng về lập trường chính trị, dễ dao động và bị lôi kéo bởi những xu hướng văn hóa không lành mạnh. Chính sự non yếu về phương pháp luận, sự ngây thơ về chính trị, thiếu vững vàng về quan điểm, lập trường, thiếu từng trải trong đấu tranh, sinh viên thiếu tin tưởng vào những điều thầy giảng. Vì vậy, giảng viên phải có phương pháp dạy học tích cực, phải tạo dựng được một không khí học tập sôi nổi, giúp cho người học biết cách tiếp cận tri thức và cảm thụ nó một cách tự giác, nhằm hình thành hứng thú tự học tập cho sinh viên, giúp sinh viên có niềm tin hơn nữa về chủ nghĩa xã hội, về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, để sinh viên thấy rõ nhiệm vụ từng giai đoạn cách mạng và nghĩa vụ công dân trong xã hội mới.

Tóm lại, tự giác học tập luôn là bài toán khó cho không ít sinh viên, để sinh viên tự giác, tự lập được thì cần phải có sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên để hoạt động tự học được phát huy đúng mức, trở thành một thói quen, một nhu cầu của mỗi sinh viên. Đồng thời, Nhà trường cần cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, tài liệu, giáo trình cho sinh viên để sinh viên thuận lợi trong quá trình tự học. Từ đó, thúc đẩy, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực có trình độ cao cho xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Bá Hoàn (1998), *Vị trí của tự học tự đào tạo trong quá trình dạy học giáo dục và đào tạo*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 3.
3. Lưu Xuân Mới (2001), *Phương pháp dạy học Đại học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Đức Ngọc (2004), *Dạy cách học một trong những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 5.
5. Vũ Văn Tảo (2001), *Học và dạy cách học*, Tạp chí Tự học, số 1.

6. Thái Duy Tuyên (2003), *Dạy tự học cho sinh viên trong các nhà trường Cao đẳng Đại học chuyên nghiệp*, Chuyên đề Phương pháp dạy học cho học viên Cao học, ĐH Huế.

**THE ROLE OF THE TEACHER IN PROMOTING STUDENTS'S AUTHORIZED
CONFIDENCE OF LEARNING POLITICAL THEORY
IN THE AGE OF DIGITAL REVOLUTI**

Nguyễn Thị Tường Duy

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: duyntt@hufi.edu.vn

Submitted date: 14/02/2023, edited date: 21/03/2023, accepted date: 01/04/2023

Abstract: *The industrial revolution 4.0 with the popular application of scientific and technical achievements along with modern technology is a trend that has a strong influence on all aspects of human life. In which, education is the most affected field, it requires workers in general, especially students in particular, to have a positive attitude in learning, especially in learning theoretical subjects politics.*

The peculiarity of the theoretical subjects is that the students themselves not only acquire necessary professional knowledge but also have to form a belief in communism, build a scientific worldview and have a strong political will. To achieve that, students must maximize their sense of self-directed learning and lecturers must be the ones who motivate and inspire self-discipline to actively learn for students, promote learners' active learning, especially in the digital revolution - 4.0 revolution.

Keywords: *self-consciousness, digital revolution, lecturers*

CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

TS. Nguyễn Minh Tiến¹

ThS. Hoàng Ngọc Kiên²

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

¹Email: tiennm@hufi.edu.vn

²Email: kienhn@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 17/02/2023, ngày sửa bài: 21/03/2023, ngày chấp nhận: 05/04/2023

Tóm tắt: Ngày nay việc giảng dạy các môn lý luận chính trị bao gồm : Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong các trường đại học là các môn học cứng, với thời lượng là 11 tín chỉ, tương đương với 165 tiết, theo Quy định 57-QĐ/TW năm 2022, có định nghĩa về đào tạo lý luận chính trị như sau:

Đào tạo lý luận chính trị là quá trình truyền thụ, tiếp thu hệ thống tri thức lý luận chính trị; củng cố thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa;

Việc đào tạo lý luận chính trị nhằm nâng cao tầm nhìn, tư duy, phương pháp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và vận dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ.

Từ đó có thể hiểu, lý luận chính trị là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, phản ánh mối quan hệ của các giai cấp trong việc giành và giữ chính quyền; thể hiện thái độ và lợi ích giai cấp đối với quyền lực Nhà nước trong xã hội có giai cấp.

Lý luận chính trị là bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại, là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên việc hiểu, dạy và học các môn lý luận chính trị trong các trường đại học còn nhiều vấn đề nhận thức vai trò của nó cần bàn luận, đây chính là mục đích của bài viết mà tác giả quan tâm.

Từ khóa: Vị trí, lý luận chính trị, trường đại học

1. Đặt vấn đề

Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của các môn lý luận chính trị trong quá trình tổ chức dạy và học. Bài viết trình bày 3 vấn đề mà chúng tôi thấy cần quan tâm trong việc giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị trong các trường đại học và cao đẳng. Một là quan niệm về dạy và học các môn lý luận chính trị, hai là tính khoa học của các môn lý luận chính trị, ba là tính thực tiễn của các môn lý luận chính trị.

2. Quan niệm về dạy và học các môn lý luận chính trị

Có quan niệm cho rằng dạy các môn chính lý luận chính trị là tuyên truyền chính trị của Đảng, giống như ban tuyên huấn, thậm chí họ coi các môn học chính trị là các môn học

cho có, bắt buộc học theo quy định của bộ Giáo dục và đại học, nên việc tổ chức học dạy và học nặng về đối phó, giảng và học cho xong nghĩa vụ, sự nhận thức không đúng về dạy và học các môn chính trị dẫn đến chất lượng giảng dạy chưa đạt yêu cầu.

Đối với giảng viên cũng chỉ chú trọng giảng dạy truyền tải nội dung chủ yếu trong giáo trình để sinh viên hiểu, vận dụng vào cuộc sống ở dạng chấp nhận các nhận định có sẵn trong sách vở giáo trình, đặc biệt nhớ các lời dạy, các câu nói của các lãnh tụ, giống như lời dạy có bốn phải phải vâng lời, tuân theo và làm theo, coi các ý trong giáo trình như là các định lý mặc định nghe theo làm theo coi đó là chân lý mặc định.

Khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, CNXH ở Cu Ba, Triều Tiên có nhiều vấn đề cần bàn luận thì tư tưởng về nhận thức và học các môn lý luận chính trị có vấn đề nảy sinh lòng tin về các điều đã được học, làm cho sinh viên không hứng thú, say mê học tập, nghiên cứu, mà chủ yếu học để lấy điểm, để đối phó.

Một số sinh viên có tư tưởng về chủ nghĩa Mác có vấn đề nên có tư tưởng hướng về các tư tưởng của phương Tây và Mỹ, coi xã hội phương Tây và Mỹ là các xã hội cần hướng tới.

Việc coi các môn lý luận chính trị như là các môn tuyên truyền chính trị, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc dạy và học của giảng viên và sinh viên dẫn đến ảnh hưởng đến mục tiêu và chất lượng các môn lý luận chính trị.

Sinh viên chỉ quan tâm đến các môn chuyên ngành coi nhẹ các môn lý luận, đặc biệt là sinh viên các ngành khoa học kỹ thuật càng khó tiếp cận các môn lý luận chính trị, vì vậy họ không chịu đọc, nghiên cứu tìm hiểu, không chú ý đầu tư thời gian vào việc nghiên cứu các môn lý luận chính trị, học đối phó nên cho rằng các môn lý luận chính trị là khô khan, trừu tượng, khó tiếp thu.

1. Cần nhận thức các môn lý luận chính trị là các môn khoa học

Như tôi đã trình bày ở phần một, về việc coi việc dạy và học các môn lý luận chính trị như việc tuyên truyền chính trị, thì việc coi giảng dạy và học tập các môn chính trị thực chất phải như việc giảng dạy một môn khoa học, thực ra giảng viên nào cũng nhận thức được vấn đề này, nhưng trong giáo trình, trong giảng dạy vẫn nặng về hình thức giảng dạy theo kiểu truyền đạt các nguyên lý, quy luật vốn có trong giáo trình và sinh viên thụ động chấp nhận như việc đương nhiên, làm cho việc dạy và học thiếu đi tính lập luận, dẫn chứng của một luận cứ khoa học, làm cho sinh viên coi đây như tuyên truyền và mặc định chấp nhận.

Việc thi cử, kiểm tra cũng nặng về số lượng kiến thức sinh viên lãnh hội được, các câu hỏi nặng về mục đích kiểm tra việc sinh viên nhớ các sự kiện các ý trong bài, mà ít khi kiểm tra về lý luận nhận thức theo khoa học, đặc biệt kiểu đánh giá bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan nặng về kiểm tra trí nhớ của sinh viên đối với môn học.

Vì vậy cần coi việc giảng dạy và học các môn lý luận chính trị của sinh viên thật sự là các môn khoa học, và việc dạy và học cũng phải được dạy và học, kiểm tra đánh giá như các môn khoa học, làm cho các môn học lý luận chính trị thực sự sôi động lôi người học, khi họ tiếp thu một cách khoa học họ sẽ có niềm tin và có tư tưởng vững vàng về niềm tin đã được tiếp nhận tự nhiên như chân lý không gò ép.

Việc coi các môn lý luận chính trị là các môn khoa học nên việc giảng dạy và học tập cũng phải được thể hiện dưới hình thức là môn khoa học, không nên coi là môn lý thuyết

dạy lý thuyết với khối lượng đông sinh viên, mà phải coi là các môn khoa học nên môi trường giảng dạy cũng khác hẳn như một môn lý thuyết truyền đạt thuần túy.

2. Tính thực tiễn

Muốn trình bày về tính thực tiễn là cho ví dụ, và lấy thực tiễn sinh động của cuộc sống để minh chứng cho các luận điểm khoa học, đặc biệt nên dùng phương pháp so sánh, phương pháp thống kê để minh chứng cho các lập luận khoa học của mình, sinh viên học để đi làm, nên việc gắn thực tế sinh động, khách quan vào bài giảng sẽ tránh khô khan, làm cho buổi học luôn sôi nổi và hào hứng làm cho sinh viên dễ tiếp thu, dễ cảm nhận.

Việc chọn thí dụ điển hình về thực tế cuộc sống sẽ là minh chứng cho các luận điểm mà mình muốn trình bày, sẽ thuyết phục hơn là lý luận khô khan.

3. Tổ chức dạy và học các môn lý luận chính trị

a. Làm cho sinh viên nhận thức được việc cần thiết phải học các môn lý luận chính trị

Làm cho sinh viên hiểu là một trí thức, ngoài kiến thức chuyên ngành sinh viên cần có kiến thức lý luận, về xã hội. Là chuyên gia, kỹ sư, cử nhân còn là người lãnh đạo, vì dưới bậc đại học, có các bậc cao đẳng, trung cấp, công nhân. Là cán bộ khoa học, kỹ thuật cần nắm bắt đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước,...vvv từ đó sinh viên sẽ tự giác và thấy được tầm quan trọng của các môn lý luận chính trị trong chương trình học tập của mình.

b. Đổi mới phương pháp truyền đạt của giảng viên

Giảng viên cần nghiên cứu luôn luôn đổi mới các truyền đạt của mình một cách năng động, làm cho sinh viên tiếp thu tốt nhất, biết truyền đạt những vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sinh động thu hút sự chú ý của sinh viên, làm cho sinh viên luôn tư duy trong nhận thức, không thụ động tiếp thu, khi sinh viên hiểu bài thì kiến thức trở thành tri thức của sinh viên.

4. Tổ chức cho sinh viên học tập

Khi đã coi các môn lý luận chính trị là môn khoa học thì giáo viên tổ chức các hình thức nghiên cứu học tập của sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú như nghe giảng, thảo luận, thuyết trình, viết tiểu luận, tham quan thực tế, vv làm cho bài giảng luôn sinh động và tránh việc giảng dạy trên giảng đường khô khan, đơn điệu, tạo cho sinh viên nhận thức vấn đề bằng tư duy chứ không bằng trí nhớ.

Việc đổi mới tổ chức học tập tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên nhận thức môn học theo đúng nghĩa là môn khoa học và phải nhận thức nó bằng việc nghiên cứu, tiếp cận nó theo con đường khoa học.

Kết luận

Việc nhận thức đúng, dạy và học các môn khoa học lý luận chính trị sẽ góp phần tạo nên một tầng lớp trí thức có tri thức toàn diện cả về khoa học kỹ thuật và các khoa học xã hội, làm cho trí thức gắn liền giữa lý luận và cuộc sống thực tại, tạo niềm tin và lý tưởng khoa học đối với nhà nước và chế độ xã hội, hiểu được một cách khoa học các đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước.

Tài liệu tham khảo

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

1. Nghị quyết của Bộ chính trị, về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Số 32-NQ/TW.

2. Chữa “bệnh” ngại học lý luận chính trị ở sinh viên, báo Quân đội nhân dân, 17/02/2022, Thu Hà.

3. Phùng Danh Cường, *Dạy và học các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng – thực trạng và giải pháp*, Tạp chí lý luận chính trị số 6-2017

4. Đỗ Ngọc Phương, *Một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí khoa học, số 22/2018.

POLITICAL THEORY SUBJECTS, ISSUES THAT NEED ATTENTION

Nguyen Minh Tien¹

Hoang Ngoc Kien²

Ho Chi Minh City University of Food Industry

¹Email: tiennm@hufi.edu.vn

²Email: kienhn@hufi.edu.vn

Submitted date: 17/02/2023, edited date: 21/03/2023., accepted date: 05/04/2023

Abstract: Today, the teaching of political theory subjects including: Philosophy, Political Economy, Scientific Socialism, Ho Chi Minh Thought, History of the Communist Party of Vietnam in universities are subjects. hard study, with a duration of 11 credits, equivalent to 165 periods, according to Regulation 57-QD/TW in 2022, has the following definition of political theory training:

Political theory training is the process of transmitting and absorbing the political theory knowledge system; strengthening the worldview, human outlook, scientific and revolutionary methodology of Marxism - Leninism, Ho Chi Minh's thought, viewpoints and lines of the Party, policies and laws of the State; raise political awareness and bravery, strengthen confidence in the Party, State and the socialist regime;

The training in political theory aims to improve the vision, thinking, methods, leadership skills, management and practical application for cadres.

From that, it can be understood that political theory is a system of knowledge about the political field, reflecting the relationship of classes in winning and holding power; expressing class attitudes and interests towards state power in a class society.

Political theory is an important part of mankind's theoretical treasure, the result of scientific research activities and practical summaries over many generations.

Keywords: Position, political theory, university

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY LUẬT HIẾN PHÁP THỜI KỲ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TS. Nguyễn Nam Hà

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: hann@hufi.edu.vn

Ngày nhận bài 11/02/2023; ngày sửa bài: 22/03/2023; ngày chấp nhận 02/04/2023

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn giảng dạy môn luật hiến pháp trong chương trình đào tạo ngành luật kinh tế trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM. Từ đó, đề xuất đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy học phần luật hiến pháp trong thời kỳ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ khóa: Luật hiến pháp, giảng dạy luật hiến pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy luật hiến pháp.

1. Đặt vấn đề

Khoa học Luật hiến pháp là một trong các phân ngành khoa học pháp lý chuyên sâu. Trong đào tạo nghề luật, Luật hiến pháp luôn được thiết kế là môn học quan trọng hàng đầu trong chương trình đào tạo trình độ đại học ở tất cả các Trường đào tạo nghề luật như Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật thuộc Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Luật TP.HCM, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM,... Các Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP.HCM có chương trình đào tạo chuyên ngành Luật hiến pháp không chỉ ở bậc đại học, mà còn ở bậc cao học, bậc nghiên cứu sinh. Môn học Luật hiến pháp trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn rất quan trọng, bao gồm các nguyên tắc cốt lõi, cơ bản, bao trùm, mang tính chất hiến định về: chế độ chính trị; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quốc tịch; các chính sách cơ bản của quốc gia về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, bảo vệ tổ quốc; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trung ương và chính quyền địa phương; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống bầu cử các cơ quan quyền lực nhà nước; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hai chế định quyền lực nhà nước độc lập gồm Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước. Chính vì vậy, nghiên cứu về nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Luật hiến pháp luôn là vấn đề mang tính cấp thiết tại các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo nghề luật.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Thực trạng xây dựng đề cương môn học, hoạt động giảng dạy và học tập môn Luật hiến pháp

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỳ nguyên số

1.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung môn học Luật hiến pháp

Học phần Luật hiến pháp được thiết kế trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn về khoa học Luật hiến pháp, ngành Luật hiến pháp, các định chế, nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp Việt Nam. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đánh giá các vấn đề phát sinh trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân dựa trên các nguyên tắc của Hiến pháp; khả năng thực hiện và hướng dẫn người khác thực đúng các qui định, nguyên tắc của Hiến pháp. Kiến thức Luật hiến pháp được xác định là cơ sở để người học tiếp thu kiến thức các học phần luật cơ sở ngành (luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự...) và các học phần chuyên ngành Luật kinh tế (Luật thương mại, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai...).

Bảng 1. Mô tả mục tiêu học phần luật hiến pháp [1]

Mục tiêu học phần [1]	Mô tả mục tiêu [2]	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	Giải thích các chế định, nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp	PLO1.2	4
G2	Áp dụng các nguyên tắc của Hiến pháp để phân tích, giải thích, đánh giá các vấn đề xã hội phát sinh trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân	PLO8.1 PLO8.2	4
G3	Tự giác thực hiện đúng các qui định, nguyên tắc của Hiến pháp	PLO12.1 PLO12.2	4

Chuẩn đầu ra của môn học được xác định theo 3 nhóm tiêu chuẩn cơ bản là chuẩn đầu ra về kiến, chuẩn đầu ra về kỹ năng và chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Chuẩn đầu ra học phần luật hiến pháp [2]

Mục tiêu học phần [1]	CDR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
G1	CLO1.1	Phân tích được các chế định, nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị, chính sách về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học,	4

Mục tiêu học phần [1]	CĐR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
		công nghệ, môi trường, bảo vệ tổ quốc, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	
	CLO1.2	Phân tích được các chế định, nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp về chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước trung ương và địa phương, các thiết chế hiến định độc lập	4
G2	CLO2.1	Hình thành năng lực phân tích, đánh giá các quan hệ pháp luật liên quan đến các chế định, nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp	4
	CLO2.2	Vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các học phần luật chuyên ngành chính	4
G3	CLO3.1	Nhận thức được vai trò quan trọng của luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật	4
	CLO3.2	Thực hiện và tuân thủ qui định mang tính nguyên tắc của Hiến pháp	4

Nội dung học phần luật hiến pháp được xác định theo nội dung các Chương đồng thời cũng là các chế định quan trọng của Hiến pháp năm 2013.

Bảng 3. Nội dung học phần luật hiến pháp [3]

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
1	Chương 1. Khái quát về luật hiến pháp	CLO1.1; CLO3.1	9	2	1	6
2	Chương 2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam	CLO1.1; CLO3.1	9	2	1	6
3	Chương 3. Chế độ chính trị	CLO1.1; CLO2.2	9	2	1	6

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
4	Chương 4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	CLO1.1; CLO2.1 CLO3.2	9	2	1	6
5	Chương 5. Quốc tịch Việt Nam	CLO1.1; CLO3.2	9	2	1	6
6	Chương 6. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia	CLO1.1; CLO2.2	9	2	1	6
7	Chương 7. Hệ thống bầu cử	CLO1.2; CLO2.1 CLO3.2	9	2	1	6
8	Chương 8. Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	CLO1.2; CLO2.1	9	2	1	6
9	Chương 9. Quốc hội	CLO1.2; CLO2.1	9	2	1	6
10	Chương 10. Chủ tịch nước	CLO1.2; CLO2.1	9	2	1	6
11	Chương 11. Chính phủ	CLO1.2; CLO2.1	9	2	1	6
12	Chương 12. Toà án nhân dân	CLO1.2; CLO2.1 CLO3.2	9	2	1	6
13	Chương 13. Viện kiểm sát nhân dân	CLO1.2; CLO2.1	9	2	1	6
14	Chương 14. Chính quyền địa phương	CLO1.2; CLO2.1 CLO3.2	9	2	1	6
15	Chương 15. Các cơ quan hiến định độc lập	CLO1.2; CLO2.1 CLO3.2	9	2	1	6

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học
Tổng			135	30	15	90

1.2. Thực trạng hoạt động giảng dạy và học tập môn luật hiến pháp

1.2.1. Yêu cầu chung đối với việc giảng dạy và học tập môn luật hiến pháp

Môn học Luật hiến pháp có những đặc điểm riêng thuộc về đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của môn học.

Thứ nhất, luật hiến pháp điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản nhất của quốc gia như chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, chính sách cơ bản của quốc gia về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước... Những nguyên tắc chung này là chủ đạo và mang tính định hướng nhằm bảo đảm tính thống nhất của toàn bộ hệ thống pháp luật.

Thứ hai, Hiến pháp, các Luật và Nghị quyết do Quốc hội ban hành vừa là nguồn cơ bản vừa là đối tượng nghiên cứu của khoa học luật hiến pháp. Cho đến nay, đã có năm bản Hiến pháp được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn của công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước, đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân, hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh những vấn đề mới đặt ra của mỗi giai đoạn lịch sử, có thể thấy rằng những vấn đề cơ bản của luật hiến pháp như chế độ chính trị, bản chất nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân được các bản Hiến pháp tiếp tục khẳng định, trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình xây dựng nhà nước Việt Nam. Mục đích và nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được khẳng định lần đầu tiên trong Hiến pháp năm 1992. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 1992, các Luật thể chế hóa các nguyên tắc của Hiến pháp về xây dựng nhà nước pháp quyền như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã được ban hành với nhiều nội dung đổi mới thể hiện quá trình tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức bộ máy nhà nước ta, phù hợp với đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ ba, việc thực thi các quy định mang tính nguyên tắc của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Trưng cầu ý dân đã thể chế hóa quyền chính trị của công dân: “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước*” [4].

Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư do Quốc hội ban hành đã hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh của các cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam: “*Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật*” [5]; “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*” [6]. Luật Quốc tịch được ban hành đã luật hóa mối quan hệ chính trị - pháp lý giữa nhà nước và công dân.

Thực thi Hiến pháp một mặt phản ánh những đặc điểm của quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước Việt Nam, mặt khác, lại được đặt trong bối cảnh triển khai thực hiện một cách đồng bộ và gắn kết với các chương trình mục tiêu quốc gia như: xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển đất nước, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực và cam kết quốc tế của Việt Nam.

Có thể nói, thực trạng nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở bậc đại học cùng với những đặc điểm của môn học luật hiến pháp đã và đang tác động mạnh mẽ và đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương pháp dạy và học tập môn học luật hiến pháp. Cho đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn chưa có qui định cụ thể, hướng dẫn thống nhất về phương pháp giảng dạy và học tập ngành luật ở các cơ sở giáo dục đại học. Do đó, trong khi chờ đợi những giải pháp cơ bản, đồng bộ ở tầm quốc gia, để thật sự đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành luật ở bậc đại học, thì việc phân tích, nhận thức rõ những vấn đề đang đặt ra để có giải pháp, cải tiến mang tính vi mô, trong phạm vi môn học luật hiến pháp, là điều cần thiết.

1.2.2. Thực trạng hoạt động giảng dạy và học tập môn luật hiến pháp

Hoạt động giảng dạy môn luật hiến pháp tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đang được tiến hành theo phương pháp truyền thống, áp dụng phổ biến tại các Trường đào tạo luật tại TP.HCM. Theo đó, giảng viên giảng lý thuyết, sinh viên chia nhóm làm đề tài và thuyết trình đề tài, làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm, thảo luận vấn đề do giảng viên đưa ra. Chương trình môn học bao gồm phần lý luận chung về luật hiến pháp, lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung chương trình môn học bám sát tên gọi các chương và cấu trúc của bản Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Như vậy, chương trình môn học chỉ tập trung nghiên cứu pháp luật thực định, coi trọng việc am hiểu Hiến pháp năm 2013 và lý luận luật hiến pháp Việt Nam, giới hạn nhận thức của sinh viên trong phạm vi tư duy của các nhà lập hiến Việt Nam.

Bảng 4. Hình thức đánh giá học phần [7]

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
QUÁ TRÌNH			40	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	CLO3.2	10	Số I.1-11

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
Hoạt động nhóm	Suốt quá trình học	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1	5	Số I.2-11 Trưởng nhóm được cộng tối đa 10% số điểm của nhóm nếu làm bài tập tốt đạt 8 điểm trở lên
Bài tập				
Bài tập cá nhân Chủ đề: Hiến pháp 2013	Sau khi hoàn thành chương 2	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1	5	Theo thang điểm của câu hỏi
Bài tập nhóm Chủ đề: Hiến pháp 2013	Sau khi hoàn thành chương 3	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1	20	Số I.3-11
THI CUỐI KỲ			60	
Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1		Theo thang điểm của đề thi

Về kết quả học tập của người học: Căn cứ kết quả học tập trên hệ thống quản lý điểm của Nhà trường, tỷ lệ người học đạt loại trung bình (điểm C theo hệ thống đào tạo tín chỉ) chiếm 35,94%, tỷ lệ người học đạt loại khá (điểm B theo hệ thống đào tạo tín chỉ) chiếm 35,63%, tỷ lệ người học đạt loại giỏi (điểm A theo hệ thống đào tạo tín chỉ) chiếm 28,44%, không có người học loại kém (điểm F theo hệ thống đào tạo tín chỉ). Kết quả này cho thấy, mặc dù mới triển khai đào tạo ngành luật kinh tế, nhưng sinh viên luật kinh tế Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đã đạt được kết quả tốt trong thực hiện nhiệm vụ học tập môn luật hiến pháp.

Bảng 5. Kết quả học tập [8]

Người học		Kết quả học tập			
		Kém	Trung bình	Khá	Giỏi
Số lượng	320	0	115	114	91
Tỷ lệ	100%	0%	35,94%	35,63%	28,44%

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỳ nguyên số

III. Khuyến nghị và đề xuất

Từ thực trạng đã phân tích, tác giả đưa ra một số khuyến nghị và đề xuất như sau:

3.1. Khuyến nghị đối với Nhà trường

Cần phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, bồi dưỡng năng lực, trình độ và khả năng chuyển tải kiến thức đến sinh viên;

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cho việc dạy và học như phòng học, máy chiếu luôn trong tình trạng hoạt động tốt, thư viện với đầy đủ các nguồn tài liệu giấy, tài liệu điện tử, văn bản luật sinh viên dễ dàng tiếp cận.

Có kế hoạch rà soát, cải tiến, hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương môn học hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nói chung và chương trình giảng dạy môn luật hiến pháp nói riêng.

3.2. Khuyến nghị đối với giảng viên

Về nhận thức, cần nhận thức đầy đủ về phạm vi và nội dung môn học, thường xuyên cập nhật kiến thức và thực tiễn, nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, đề xuất cập nhật hoàn thiện đề cương chi tiết môn học hàng năm. Mục đích là nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay của việc dạy và học, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo pháp luật. Vai trò của giảng viên cần được chuyển từ việc trình bày, giải thích các nội dung cơ bản của giáo trình thành người nêu vấn đề, hướng dẫn, dẫn dắt quá trình thảo luận, tổng kết vấn đề tại giảng đường.

Về tài liệu giảng dạy, cần tiếp tục hoàn thiện giáo trình môn học về nội dung và cách thức trình bày các vấn đề thuộc nội dung của môn học. Đối với nội dung của môn học phải được cập nhật kịp thời thực tiễn thi hành các quy định mang tính nguyên tắc của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, thực tiễn xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp 2013, cơ chế thực hiện, giám sát quyền lực nhà nước của Nhân dân, cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đối với cách thức trình bày các vấn đề thuộc nội dung của môn học, cần xác định một cách hài hòa mức độ các vấn đề lý luận và thực tiễn của môn học, đồng thời cần đặt nội dung nghiên cứu của môn học luật hiến pháp Việt Nam trong mối liên hệ với nội dung nghiên cứu của các môn học khác trong chương trình đào tạo.

Về phương pháp hướng dẫn sinh viên thảo luận, giảng viên cần đưa ra những tình huống có thực trong mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước để sinh viên làm quen với thực tế. Ví dụ: “Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và thực tế là đa số các đại biểu Quốc hội còn hoạt động kiêm nhiệm”; “Quốc hội là cơ quan có quyền lập hiến và lập pháp với thực tế đa số các dự án luật do Chính phủ xây dựng, trình lên”... Điều này giúp đánh giá khách quan với kết quả học tập, theo đó, các câu hỏi kiểm tra

theo dạng mở sẽ hạn chế việc học thuộc, nhớ bài một cách máy móc và phát triển tư duy phân tích, phản biện của sinh viên.

Tài liệu, giáo trình giảng dạy cần thiết kể theo hướng tiếp cận các vấn đề của nội dung môn học dưới dạng dạng tình huống, câu hỏi mở mang tính định hướng cho người học phát triển tư duy phản biện. Nguồn tài liệu nghiên cứu, học tập cần được mở rộng tối đa để người học phát triển khả năng tư duy, khả năng tự suy nghĩ và tìm hiểu thêm các vấn đề có liên quan đến các nội dung môn học.

3.2. Khuyến nghị đối với người học

Cần chủ động tiếp thu kiến thức lý luận cơ bản do giảng viên truyền đạt, nhưng không tự giới hạn mình trong tư duy giảng dạy của giảng viên, tư duy lập hiến của các nhà luật hiến Việt Nam. Luôn ý thức tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức lý luận và thực tế của bản thân, rèn luyện tư duy phản biện xã hội đối với các chế định cơ bản của Hiến pháp 2013, tự nhận xét đánh giá việc thực thi các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, thực tiễn xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp 2013, cơ chế thực hiện, giám sát quyền lực nhà nước của Nhân dân, cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp,...

Về phương pháp học, cần tránh thói quen đọc và nhớ kiến thức một cách máy móc, rèn luyện thói quen tự nhận xét, đối chiếu, phân tích, đánh giá các vấn đề trong nội dung môn học, liên kết so sánh với các vấn đề liên quan, với thực tiễn áp dụng, từ đó rút ra các kết luận, bài học cho bản thân.

3.4. Đề xuất một số phương pháp giảng dạy mới

3.4.1. Thảo luận theo chủ đề mở

Yêu cầu và mục tiêu dạy học: Giảng viên nêu ra các chủ đề, nhóm sinh viên tìm hiểu nội dung chi tiết ở nhà và thảo luận tại lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Từ đó, mỗi sinh viên tự rút ra cho mình những bài học cần thiết, nhận thức được bản chất pháp lý của chủ đề. Thông qua thảo luận, sinh viên được tiếp cận với nhiều quan điểm, thể hiện thái độ rõ ràng; giảng viên sẽ nhận được phản hồi về cách học của sinh viên để có những điều chỉnh hợp lý nhằm hướng đến mục tiêu rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, phê phán và giải quyết vấn đề. Một số chủ đề thảo luận làm ví dụ: “Những giá trị pháp lý cần kế thừa của Hiến pháp năm 1946”, “Quyền con người và quyền công dân trong Hiến pháp 2013”, “Thực thi quyền tự do kinh doanh của các cá nhân, tổ chức trong Hiến pháp 2013”,...

3.4.2. Mô phỏng và đóng vai

Yêu cầu và mục tiêu dạy học: Buổi học sẽ được mô phỏng như một phiên chất vấn các Bộ trưởng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại nghị trường Quốc hội. Giảng viên chia lớp học thành các nhóm sinh viên (khoảng 5 sinh viên/nhóm), mỗi nhóm sinh viên sẽ đóng vai trò đoàn chủ tịch (điều khiển phiên chất vấn), các đại biểu Quốc hội (người chất vấn), các Bộ

trưởng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (người trả lời chất vấn). Qua đó, sinh viên sẽ có trải nghiệm về quy trình chất vấn và trả lời chất vấn tại nghị trường nói riêng, hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội nói chung; nhận diện rõ hơn về địa vị pháp lý của các đại biểu Quốc hội và Bộ trưởng. Ví dụ về nội dung chất vấn: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trả lời chất vấn về việc Tòa án các cấp xét xử một số vụ án hình sự gây nhiều ý kiến trái chiều trong xã hội vì có dấu hiệu oan sai. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời chất vấn về việc biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, Bộ trưởng Bộ Xây dựng trả lời chất vấn về việc phát triển nhà ở xã hội... Buổi học mô phỏng cung cấp kinh nghiệm gián tiếp nhưng được bắt chước sao cho giống với tình huống trực tiếp của một phiên chất vấn thành viên Chính phủ tại nghị trường. Việc mô phỏng đặc biệt có ích đối với thực tiễn hành nghề luật cũng như phát triển nhiều đặc tính cá nhân như quản trị thời gian, sự quyết đoán, tinh thần cầu thị cũng như giải quyết các khía cạnh cảm xúc trong hành nghề luật. Việc thực hành bài tập đóng vai thì hướng tới ba mục tiêu giáo dục như sau: khả năng nhận thức hay phân tích, các kỹ năng thực hành luật, các đặc tính cảm xúc trong kinh nghiệm hành nghề luật. Tóm lại, buổi học mô phỏng và đóng vai giúp sinh viên tăng cường khả năng thuyết trình, tranh luận; giúp sinh viên động não qua kinh nghiệm thực tiễn nghị trường giả định; ứng dụng tri thức về chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động Chính phủ cũng như quy chế hoạt động chất vấn của Quốc hội; mở mang và hệ thống hóa kiến thức xã hội của sinh viên. [9]

3.4.3. Giải quyết tình huống

Giảng viên đưa ra các tình huống pháp lý thực tế có liên quan đến các chế định của luật hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Giảng viên chia lớp học thành các nhóm sinh viên (khoảng 5 sinh viên/ nhóm), mỗi nhóm sinh viên sẽ được phân vai, tự thảo luận trong nội bộ nhóm và trình bày, tranh luận trước lớp về các tình huống pháp lý thực tế. Mục tiêu là giúp sinh viên nhận diện và giải quyết vấn đề pháp lý bằng những trải nghiệm thực tế trong lớp học. Từ đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và giải thích luật, điều tra sự việc, thu thập thông tin, quan hệ công chúng, tư vấn và giải quyết các vấn đề thuộc phạm trù đạo đức nghề nghiệp dựa trên tư duy phản biện. Bởi học luật là học cảm nhận về công lý, lẽ đúng sai và công bằng. Nhân bản là nền tảng quan trọng của luật. [10]

IV. Kết luận

Hoạt động dạy học luật nói chung, Luật Hiến pháp nói riêng cần hướng tới mục tiêu không chỉ trang bị cho người học những kiến thức pháp luật thực định mà đặc biệt hơn cả là cần phải giúp người học rèn luyện tư duy pháp lý. Bởi luật pháp thay đổi theo thời gian và không gian, nên điều quý giá nhất mà môi trường trường đại học có thể mang lại chính là giúp cho người học tư duy như một luật gia.

Giảng viên và sinh viên đều là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình dạy và học, sự nỗ lực và cố gắng từ cả hai phía đều hết sức quan trọng. Điềm khởi đầu và cần phải làm ngay để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn luật hiến pháp chính là giải pháp nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên để từ đó tạo

lực đẩy cho việc nâng cao chất lượng đào tạo luật ở bậc đại học và môn học luật hiến pháp nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1, 2, 3. Đề cương chi tiết môn học Luật Hiến pháp trong Chương trình đào tạo ngành luật kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM năm 2022;

4. Điều 6 Hiến pháp năm 2013;

5. Điều 57 Hiến pháp 1992;

6. Điều 33 Hiến pháp 2013;

7. Đề cương chi tiết môn học Luật Hiến pháp trong Chương trình đào tạo ngành luật kinh tế trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM năm 2022

8. Kết quả học tập trên hệ thống quản lý điểm của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM;

9, 10. Lưu Đức Quang, *Việc dạy học luật hiến pháp của một số Trường luật tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí điện tử Pháp lý, Viện KH Pháp lý và Kinh doanh Quốc tế (IBLA - Hội Luật gia Việt Nam), [https://phaply.net.vn/viec-day-hoc-luat-hien-phap-cua-mot-so-truong-luat-tai-thanh-pho-ho-chi-minh-a244052.html].

IMPROVING THE QUALITY OF TEACHING THE CONSTRUCTION LAW IN THE PERIOD OF THE VIETNAM' SOCIALIST LEGAL STATE

Nguyen Nam Ha

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: hann@hufi.edu.vn

Submitted date: 11/02/2023, edited date:22/03/2023, accepted date:02/04/2023

Abstract: *The article focuses on the theoretical and practical issues of teaching constitutional law in the economic law training program at the Ho Chi Minh City University of Food Industry. From there, it is proposed to renovate the content and teaching methods to improve the teaching quality of the constitutional law section in the period of building a socialist rule of law state in Vietnam.*

Keywords: *Constitutional law, teaching constitutional law, improving the quality of teaching constitutional law.*

PHẦN 2
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ

TÍNH TẤT YẾU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Thu Thoa

Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Email: thoantt@hufi.edu.vn

Ngày nhận bài 29/01/2023; ngày sửa bài: 12/02/2023; ngày chấp nhận 27/03/2023

Tóm tắt: Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam trong những năm gần đây, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đặt ra yêu cầu “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học” đáp ứng xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Vì vậy, việc ứng dụng các thành tựu nghiên cứu về nền tảng công nghệ số và chuyển đổi số trong giáo dục là vấn đề được đặt ra cấp thiết hiện nay. Bài viết trình bày khái quát chung về chuyển đổi số, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học; đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số, giáo dục, đại học, hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã và đang làm thay đổi căn bản mọi hoạt động của con người. Để thích ứng, các quốc gia đã và đang thực hiện chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực. Đối với Việt Nam, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo được xác định có tầm quan trọng đặc biệt và là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện. Bởi lẽ, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo có vai trò to lớn góp phần nâng cao năng suất lao động, tạo cơ hội lớn để nước ta hội nhập quốc tế.

2. Nội dung

2.1 Chuyển đổi số và chuyển đổi số trong giáo dục

Thứ nhất, về chuyển đổi số.

Mặc dù đã xuất hiện từ lâu trên thế giới, song đến khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ, chuyển đổi số (Digital transformation) mới xuất hiện và trở nên phổ biến trong thời gian gần đây. Hiện nay, chưa có khái niệm chung thống nhất về chuyển đổi số. Tùy theo góc độ nghiên cứu mà các nhà khoa học đã đưa ra những quan điểm khác nhau về chuyển đổi số. Theo Garner, “Chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới”. Theo Microsoft thì “Chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới” [5].

Có thể hiểu một cách khái quát, chuyển đổi số là quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số, bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data),

điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence) ... các phần mềm công nghệ để thay đổi cách thức điều hành, quy trình làm việc, văn hóa của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp; chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã và đang tích cực triển khai và xây dựng chiến lược quốc gia về chuyển đổi số với nội dung rất đa dạng, phong phú. Trong đó, cơ bản nội dung lĩnh vực chuyển đổi số đều hướng tới: Chính phủ số (như dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu mở); kinh tế số (như tài chính số, thương mại điện tử, phát triển các doanh nghiệp số); xã hội số (như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn xã hội) và chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước (điện lực, giao thông, du lịch, nông nghiệp).

Thứ hai, về chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung, dạy và học đại học nói riêng, chuyển đổi số là việc nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới mô hình, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên, giúp họ phát huy được năng lực tư duy, tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong hoạt động dạy và học. Nói cách khác, khi thực hiện chuyển đổi số, việc tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học sẽ thay đổi. Có thể hiểu “Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là một thay đổi trong đó có áp dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của học sinh sinh viên, giảng viên và các trường học; tạo ra một môi trường học tập nơi mà mọi thứ được kết nối. Đây là một hệ sinh thái kết hợp công nghệ, dịch vụ và bảo mật để thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số; tạo ra trải nghiệm học tập hợp tác, tương tác và cá nhân hóa” [1]

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo được thể hiện ở hai nội dung chủ yếu: Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục; chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học. Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục bao gồm các nội dung: Số hóa thông tin quản lý, tạo ra hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (AI, blockchain, phân tích dữ liệu) để điều hành, quản lý, định hướng, dự báo trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo chính xác, khoa học, nhanh chóng. Trong hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học bao gồm: số hóa học liệu (sách giáo trình, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo, nghiên cứu khoa học trực tuyến.

Có thể nói, chuyển đổi số trong giáo dục đại học, một mặt là sự số hóa bài giảng, ứng dụng phần mềm vào soạn bài giảng, sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương thức giảng dạy, cách thức quản lý lớp học, tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình học tập trực tuyến, mặt khác, toàn bộ dữ liệu về sinh viên (thông tin cá nhân, đăng ký học tập, quản lý điểm, xét tốt nghiệp, lịch thi, thời khóa biểu...) được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ, số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, các cấp lãnh đạo ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động trong nhà trường.

2.2 Tính tất yếu và tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Thứ nhất, tính tất yếu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Thực tế ở nước ta cho thấy, cùng với sự phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đang được quan tâm chú trọng. Bởi vì, một mặt để ứng phó với đại dịch Covid-19, mặt khác, để đáp ứng yêu cầu “phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đại học ở nước ta là tất yếu. Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt ra những thách thức và yêu cầu mới đối với nguồn nhân lực trong hiện tại và tương lai là phải phát triển toàn diện “có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)” [3, tr.233]. Chính vì vậy, những năm gần đây, đặc biệt từ cuối năm 2019 khi dịch Covid-19 bùng nổ, ngành giáo dục Việt Nam đã rất quan tâm, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy, học.

Thứ hai, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Một là, chuyển đổi số tạo môi trường dạy và học linh hoạt, thích ứng với những biến đổi của thực tiễn: Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động dạy và học ở trường đại học đã làm thay đổi dần cách thức giảng dạy và học tập từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, giúp giảng viên và sinh viên phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo, chủ động, tích cực, tự giác trong các hoạt động. Từ mô hình lớp học tập trung, sử dụng phương tiện dạy học chủ yếu là phấn, bảng đã dần chuyển sang các mô hình dạy học trực tuyến, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, học tập. Giảng dạy và học tập được diễn ra mọi lúc, mọi nơi nếu như được trang bị đầy đủ về các thiết bị công nghệ hiện đại như máy tính, điện thoại thông minh, kết nối internet. Nhờ đó, giảng viên chủ động trong việc giảng dạy, sinh viên chủ động trong việc học tập, phát triển tối đa năng lực, khả năng tự học, làm việc nhóm và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Sự chuyển đổi số trong giáo dục đã, đang và sẽ tạo ra những phương thức giáo dục phi truyền thống, thúc đẩy “Chuyển đổi mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng” [4, tr.232].

Hai là, chuyển đổi số giúp cho việc truy cập tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học dễ dàng, thuận lợi, không giới hạn và tăng tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên, thực hành và ứng dụng thực tế: Nếu như với hình thức dạy học truyền thống, việc học tập tiếp thu kiến thức của sinh viên phần lớn được cung cấp từ giáo trình, sách vở và giảng viên, thì với chuyển đổi số đã tạo ra kho học liệu, dữ liệu mở phong phú, đa dạng cho sinh viên. Đồng thời, chuyển đổi số đã giúp giảng viên và sinh viên chia sẻ tài liệu nhanh chóng, dễ dàng và tiết kiệm, giảm thiểu được các chi phí về in ấn, chụp, thu thập tài liệu.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ mới như ứng dụng thực tế ảo (Virtual Reality - VR), thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR) để tạo dựng các phòng thí nghiệm ảo, mô hình thực tế ảo (phòng kế toán, thực hành ảo) có khả năng tương tác với người, dùng giúp sinh viên tiếp cận trải nghiệm thực tế, dễ hiểu, dễ nhớ và gây tò mò, hứng thú cho sinh

viên, đồng thời, tăng mối quan hệ biện chứng giữa việc học tập lý luận với thực hành và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn ngay trong lớp học của sinh viên.

Ba là, chuyển đổi số góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động dạy và học: Chuyển đổi số sẽ hỗ trợ đổi mới dạy và học theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu. Các thành tựu công nghệ như Big data giúp lưu trữ mọi kiến thức lên không gian mạng, IoT giúp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát trong các trường đại học; phân tích hành vi học tập của sinh viên để có sự hỗ trợ, tư vấn kịp thời, phù hợp, Blockchain giúp xây dựng hệ thống quản lý thông tin và hồ sơ của sinh viên, cho phép hợp nhất, quản lý và chia sẻ dữ liệu từ nhiều cơ sở đào tạo, ghi chép lại lịch sử học tập, bảng điểm của sinh viên, đảm bảo thông tin dữ liệu được đồng nhất, cụ thể và minh bạch.

Kỹ thuật xây dựng các tư liệu dạy học hấp dẫn (có sử dụng các thông tin và công cụ ICT), sinh viên sẽ có khả năng tiếp cận, lĩnh hội và xử lý khối lượng thông tin lớn, phong phú. Điều này, thúc đẩy một nền giáo dục mở, giúp người dạy và người học tiếp cận thông tin đa chiều, thu hẹp mọi không gian, tiết kiệm tối ưu về thời gian, từ đó, thay đổi nhận thức và tư duy, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Đồng thời, do chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, các nhiệm vụ nhận thức, các vấn đề học tập đã được giảng viên mã hóa và mô phỏng thông qua các tư liệu, tình huống dạy học. Thông qua sự tương tác sư phạm giữa sinh viên và các tình huống trong dạy học (do giảng viên xây dựng), giúp sinh viên phát hiện và giải quyết các vấn đề học tập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Đồng thời, chuyển đổi số sẽ tạo động lực quan trọng cho các trường đại học trong việc áp dụng mô hình giáo dục thông minh, liên kết chủ yếu giữa nhà trường - doanh nghiệp. Đó chính là môi trường thuận lợi tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, gắn kết giữa giáo dục đại học với doanh nghiệp trong việc đào tạo nhân lực.

Bốn là, chuyển đổi số giúp giảm và tiết kiệm chi phí đào tạo: Việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các cơ sở giáo dục đại học đã trở nên phổ biến rộng rãi. Trong đó, công nghệ đa phương tiện (Multimedia technology), các công cụ hỗ trợ việc trình diễn, sự mô phỏng nhờ máy tính và các lớp học ảo, học tập điện tử đã dần quen thuộc với sinh viên. Do vậy, việc học tập không còn bị ràng buộc bởi mô hình đào tạo truyền thống. Sinh viên còn có thể tùy chọn những khóa học, môn học phù hợp với bản thân họ. Điều này, giúp cho việc học tập của sinh viên có chất lượng và hiệu quả hơn.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy, học, đặc biệt là các mô hình dạy học trực tuyến sẽ giúp nhà trường tiết kiệm được chi phí trang bị cơ sở vật chất, chi phí chi trả cho giảng viên và chuyên gia; sinh viên tiết kiệm chi phí sinh hoạt và tài liệu học tập. Đồng thời, lãnh đạo các trường đại học, giảng viên có thể thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá chính xác về sinh viên; theo dõi quá trình học tập, kiểm tra mức độ hoàn thành bài tập và thông báo kết quả học tập tới sinh viên, giảm tải các lãng phí về kinh phí, nguồn nhân lực, tăng hiệu suất và chất lượng làm việc. Hiện nay, có nhiều tập đoàn công nghệ lớn đã cho ra đời các thiết bị và phần mềm thông minh phục vụ giáo dục như: Công cụ giáo dục Google (G-Suite for Education) cung cấp miễn phí bộ xử lý văn bản (Word), trình chiếu (Slide), bảng tính (Sheet); công nghệ Chroma Key tạo trường quay thu nhỏ để người học tự sản xuất sản

phẩm truyền thông; ứng dụng tài liệu (Google Docs) giúp người học tạo và chỉnh sửa tài liệu trực tuyến miễn phí; công nghệ đám mây (Cloud) cung cấp những phần mềm học tập trên Internet có sử dụng tài khoản... Điều đó, giúp cho việc dạy và học trong điều kiện chuyển đổi số thuận lợi hơn.

2.3 Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục

Thứ nhất, tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo, giảng viên, sinh viên về sự cần thiết của chuyển đổi số, nội dung chuyển đổi số. Cơ sở giáo dục đại học cần giáo dục, phổ biến rộng rãi và quán triệt đầy đủ các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục của Chính phủ và của ngành giáo dục. Từ đó, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho giảng viên, sinh viên, phụ huynh về vai trò, vị trí, sự cần thiết của công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; cách thức ứng dụng kỹ thuật số và những lưu ý để phòng, tránh rủi ro khi thực hiện các hoạt động giáo dục trên môi trường điện tử.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, khung khổ pháp lý trong hoạt động giáo dục thích ứng với chuyển đổi số, tạo thuận lợi và thúc đẩy các mô hình trong quản lý, điều hành trong lĩnh vực giáo dục theo hướng bứt phá, đổi mới, sáng tạo, song vẫn chú trọng tới công tác đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ quyền lợi người học nhằm hạn chế những rủi ro, thách thức do tác động của công cuộc chuyển đổi số hiện nay. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đẩy mạnh phát triển hệ thống dữ liệu toàn quốc về giáo dục và đào tạo, phát triển hệ thống học liệu và môi trường học tập số...

Thứ ba, nâng cao chất lượng cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo là động lực, nhân tố đảm bảo cho giáo dục đại học nước ta hội nhập với nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Suy đến cùng, chất lượng giáo dục đại học như thế nào phần lớn phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên. Do vậy, “phải đặc biệt chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn hoá đội ngũ giáo viên cũng như cán bộ quản lý giáo dục cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ... Phát huy truyền thống “tôn sư trọng đạo”, sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ theo tài năng và cống hiến với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học” [2, tr.13]. Cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện chuẩn hóa, đảm bảo đồng bộ về cơ cấu số lượng, chất lượng giảng viên, cán bộ quản lý ở các trường đại học; các cơ sở giáo dục đại học tạo điều kiện cho giảng viên tham quan trao đổi học tập mô hình dạy học mới; giảng viên tự học tập để nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển năng lực tin học, ngoại ngữ, có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong các hoạt động giảng dạy. Tăng cường giảng dạy, nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin cho sinh viên đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Thứ tư, các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào điều kiện thực tế để đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị, chương trình, giáo trình, tài liệu, học liệu và hệ thống mạng phục vụ đào tạo

công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông và ứng dụng công nghệ thông tin ở tất cả các cơ sở giáo dục đại học. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho một số cơ sở đào tạo trọng điểm về công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và quốc tế. Xây dựng và phát triển hạ tầng công nghệ theo hướng đồng bộ, tập trung, thống nhất, kết nối mạng internet, thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo phục vụ tốt cho dạy học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho sinh viên các trường, giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, tăng cường hợp tác liên kết với các doanh nghiệp lớn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đại học.

Thứ năm, thực hiện số hóa triệt để, thay thế văn bản, tài liệu giấy bằng sử dụng văn bản điện tử (sổ sách, bài giảng, sổ điểm điện tử...); hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn, hội thảo được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng. Tăng cường kết hợp công nghệ như Big data, Blockchain, AI, Open API... với cơ sở dữ liệu số chuyên ngành để xây dựng các hệ thống thu thập thông tin, đưa ra các dự báo, dự đoán và tạo ra các ứng dụng, dịch vụ phù hợp với đối tượng sinh viên các chuyên ngành đào tạo. Đồng thời, xây dựng hành lang pháp lý vệ bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu nhằm tạo dựng môi trường giao dịch số an ninh, an toàn, bảo vệ người học, người dạy, thúc đẩy lòng tin của họ đối với thực hiện giao dịch số, sử dụng dịch vụ số.

Thứ sáu, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp, hình thức tổ chức, quản lý hoạt động dạy và học phù hợp với tốc độ phát triển của công nghệ thông tin. Hiện nay, chương trình đào tạo, giáo trình nhiều môn học bậc đại học đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Nội dung chương trình đào tạo thiết kế còn mang lý thuyết hàn lâm, tính ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong dạy, học đại học đòi hỏi các tiêu chuẩn về nội dung chương trình đào tạo được xây dựng hiện đại, tăng các học phần thực hành, thực tế, chuẩn đầu ra phù hợp với từng chuyên ngành. Đây chính là cơ sở giúp giảng viên, sinh viên có những định hướng đúng, tạo ra sự đồng thuận trong nhà trường đối với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học. Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức, quản lý dạy và học, tận dụng tối đa các công cụ hỗ trợ cho quá trình tổ chức, quản lý dạy và học mà công nghệ thông tin mang lại nhằm tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học.

3. Kết luận

Có thể nói, trong bối cảnh đổi mới hiện nay, nhất là sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì vậy, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa thực sự là bước đột phá, bước ngoặt quan trọng để hướng tới một nền giáo dục thực chất, “Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”⁸ và góp phần vào công cuộc xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Lưu Thị Thùy Chi, “*Chuyển đổi số trong giáo dục: Biến thách thức thành cơ hội*”, đăng ngày 16 tháng 04 năm 2021, truy cập <https://hachium.com/blog/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-bien-thach-thuc-thanh-nhung-co-hoi/> truy cập ngày 16 tháng 04 năm 2021.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. <https://amis.misa.vn/5577/chuyen-doi-so-la-gi/>, truy cập ngày 01/3/2022.

THE INEVITABILITY OF DIGITAL TRANSFORMATION IN HIGHER EDUCATION IN VIETNAM TODAY

Nguyen Thi Thu Thoa

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: thoantt@hufi.edu.vn

Submitted date:29/01/2023, edited date:12/02/2023, accepted date:27/03/2023

Abstract: *Implementing fundamental and comprehensive renovation of Vietnam's education and training in recent years, the guiding documents of the Government and the Ministry of Education and Training have set the requirement “Promoting the application of information technology in teaching and learning activities” to meet the development trend of the Fourth Industrial Revolution. Therefore, the application of research achievements on digital technology platforms and digital transformation in education is an urgent issue today. The article presents a general overview of digital transformation, the importance of digital transformation in higher education; propose a number of key solutions to improve the efficiency of digital transformation in higher education to meet the requirements of fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today.*

Keywords: *Digital transformation, education, university, present*

TÁC ĐỘNG CỦA THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ ĐỐI VỚI NGÀNH GIÁO DỤC VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Tú Trinh

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: trinhntt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 05/02/2023, ngày sửa bài: 17/03/2023., ngày chấp nhận: 28/03/2023

Tóm tắt: Chúng ta đang trong thời kỳ của cách mạng công nghiệp 4.0 - giai đoạn phát triển rực rỡ nhất cho đến nay trong thời đại kỷ nguyên số. Rất nhiều các hoạt động đã và đang dần thay đổi phương thức tổ chức và hoạt động, trong đó có ngành giáo dục. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam trong những năm gần đây, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đặt ra yêu cầu “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học” đáp ứng xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, việc ứng dụng các thành tựu nghiên cứu về nền tảng kỹ nguyên số trong giáo dục là vấn đề được đặt ra cấp thiết hiện nay. Bài viết trình bày khái quát chung về thời đại kỷ nguyên số, những cơ hội và thách thức của kỷ nguyên số trong giáo dục Việt Nam; đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kỹ nguyên số trong giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay

Từ khóa: kỷ nguyên số; giáo dục Việt Nam; cách mạng công nghiệp 4.0

1. Đặt vấn đề

Với sự phát triển vượt bậc của khoa học – công nghệ và đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 được thúc đẩy bởi quá trình toàn cầu hóa, thế giới đương đại đang bước vào kỷ nguyên số. Kỷ nguyên số làm xuất hiện những dạng thức mới trong đời sống của xã hội của thế giới đương đại như đời sống số, tri thức số, văn hóa số, chính phủ số, đô thị số, công dân số. Kỷ nguyên sẽ được cấu thành bởi kinh tế số và xã hội số. Đó là hai yếu tố có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau cùng nâng tầm phát triển của văn minh nhân loại. Có thể thấy thời đại kỷ nguyên số tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó ảnh hưởng sâu sắc đối với ngành giáo dục.

2. Nội dung

2.1. Thời đại kỷ nguyên số

Thuật ngữ “kỷ nguyên số” (digital age) đã được hầu hết các tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng. Đây là một giai đoạn trong lịch sử nhân loại với sự chuyển đổi từ ngành công nghiệp truyền thống mà cách mạng công nghiệp đã mang lại thông qua công nghiệp hoá, tới nền kinh tế dựa trên tin học hoá. Thời đại kỷ nguyên số được hình thành bằng cách tận dụng sự tiến bộ của máy tính. Sự tiến triển của công nghệ trong cuộc sống

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỷ nguyên số

hàng ngày và tổ chức xã hội đã dẫn đến sự hiện đại hoá các quá trình thông tin và truyền thông, trở thành động lực của tiến hoá xã hội.

Theo Từ điển Cambridge: “Thời đại kỷ nguyên số là thời điểm hiện tại, khi hầu hết thông tin ở dưới dạng số” [9]. Từ điển Your Dictionary đưa ra định nghĩa thời đại kỷ nguyên số “là khoảng thời gian bắt đầu vào những năm 1970 với sự ra đời của máy tính cá nhân cùng với công nghệ tiếp theo được giới thiệu cung cấp khả năng truyền tải thông tin một cách tự do và nhanh chóng” [10]. Các khái niệm này đều gắn sự xuất hiện của thời đại kỷ nguyên số với hình thức hay khả năng truyền tải thông tin điện tử.

Xét về đặc điểm, thời đại kỷ nguyên số có các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, động lực hình thành kỷ nguyên số là quá trình chuyển đổi số toàn cầu nhằm thay đổi tổng thể và toàn diện phương thức phát triển của xã hội, lối sống và hoạt động trên nền tảng số. Liên hợp quốc cho rằng, các công nghệ số đang phát triển nhanh hơn bất kỳ sáng tạo nào trong lịch sử loài người [11].

Thứ hai, lần đầu tiên, một không gian ảo ở quy mô toàn cầu được định hình, tồn tại và ngày càng đan xen chặt chẽ với không gian thực, với khả năng kết nối mạnh mẽ, vượt ra khỏi giới hạn địa lý và ít chịu sự kiểm soát của các chính phủ hơn. Dữ liệu được thế giới tạo ra và lưu trữ trong năm năm trở lại đây được cho là lớn hơn toàn bộ dữ liệu loài người tạo ra trước đó.

Thứ ba, sự phát triển, vận động của thế giới cũng như của từng quốc gia, doanh nghiệp, người dân trong nhiều thập niên tới, thậm chí thế kỷ tới được dự báo sẽ chịu sự tác động mạnh mẽ của kỷ nguyên số. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng, bao gồm chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Trong bối cảnh đó, các quốc gia trên thế giới đang tích cực, chủ động triển khai chiến lược, chính sách về hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng thúc đẩy kinh tế số và các thỏa thuận, thương mại quốc tế thế hệ mới. Mỹ là quốc gia đi đầu về đầu tư cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Trung Quốc đặt mục tiêu tham vọng trở thành cường quốc công nghệ hàng đầu thế giới. Kế hoạch Chế tạo tại Trung Quốc 2025 (Made in China 2025) chú trọng hình thành năng lực tự chủ công nghệ - sáng tạo. Hầu hết các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đều có những chiến lược ở cấp quốc gia để phát triển kinh tế số, như chiến lược Wawasan Brunei 2035 của Brunây; các mục tiêu quốc gia về kỷ nguyên số tới năm 2023 của Campuchia; các kế hoạch, lộ trình phát triển hạ tầng số, thương mại điện tử và doanh nghiệp số của Ấn Độ; Tầm nhìn công nghệ thông tin 2030 của Lào; chiến lược Malaysia số của Malaysia; hoạt động của Ủy ban phát triển kinh tế số của Mianma; chiến lược số quốc gia của Philippin; kế hoạch trở thành một quốc gia thông minh đi đầu thế giới về công nghệ thông tin - truyền thông của Singapo; kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của Thái Lan giai đoạn 2014 - 2034. Ở cấp độ khu vực, hội nhập số cũng từng bước được thúc đẩy. Năm 2019, ASEAN ban hành một số văn bản liên quan đến hội nhập số, như Chương trình

hành động khung hội nhập số giai đoạn 2019 - 2025 và Chỉ số hội nhập số ASEAN (ADII) theo đề xuất của Việt Nam năm 2020 [12].

2.2 Một số chính sách của Việt Nam liên quan đến kỷ nguyên số

Trong 35 năm đổi mới và phát triển, tiến trình hội nhập quốc tế trở thành một quyết sách chiến lược, phục vụ trực tiếp nhu cầu của đất nước, phù hợp với các xu thế lớn trên thế giới. Trong giai đoạn 1986 - 2000, Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị khóa VI, ngày 20-5-1988, *về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*, đã có nhận thức ban đầu khách quan về quá trình quốc tế hóa, từ đó tạo tiền đề cho những nhận thức đầy đủ hơn về hội nhập quốc tế giai đoạn tiếp theo. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) xác định phương châm mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi [1, tr.119]. Đại hội IX (năm 2001) xác định chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực [2, tr.120]. Đại hội X (năm 2006) khẳng định chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác [3, tr.112]. Đại hội XI (năm 2011) đã mở rộng từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế [4, tr.236]. một cách toàn diện. Ngày 10-4-2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW, *về hội nhập quốc tế*, nêu ra những định hướng quan trọng, làm rõ và thống nhất nhận thức về hội nhập quốc tế và là bước phát triển quan trọng về tư duy đối ngoại. Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục đặt ra yêu cầu cao hơn nữa, đó là triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế [5, tr.154]. Năm 2016, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, *về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*. Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) nhấn mạnh chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả [6, tr.331-333] và xử lý tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế [6, tr.331-333].

Đến nay, Việt Nam đã có nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước thể hiện chủ trương phát triển quốc gia trong kỷ nguyên số, như Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22-3-2018, của Bộ Chính trị, *về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị, *về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã xây dựng và ban hành các chương trình hành động và chiến lược quốc gia tương ứng với các lĩnh vực liên quan, như Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.

Với nền tảng lý luận và tư duy đối ngoại về hội nhập quốc tế luôn được cập nhật phù hợp với thời đại, quá trình triển khai hội nhập quốc tế của Việt Nam thời gian qua đã đạt được một số thành tựu quan trọng sau:

Một là, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức mạnh tổng hợp quốc gia. Trong 35 năm đổi

mới và hội nhập quốc tế, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quy mô nhỏ bé, đến nay GDP của Việt Nam đạt 262 tỷ USD, tăng hơn 18 lần, đứng thứ 44 trên thế giới. Trong bảng xếp hạng chỉ số quyền lực châu Á (Asia Power Index) năm 2020 do Viện Lowy - viện nghiên cứu chính sách đối ngoại hàng đầu của Ôxtrâyliia công bố vào ngày 19-10-2020, Việt Nam vượt Niu Di lân, xếp thứ 12 về sức mạnh tổng hợp trong số 26 quốc gia, vùng lãnh thổ được đánh giá [13].

Hai là, góp phần vào việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, mở rộng và tăng cường quan hệ với các quốc gia, với các nước lớn và trung tâm quyền lực hàng đầu thế giới.

Bốn là, các hoạt động hội nhập toàn diện, sâu rộng, nhất là đối ngoại đa phương, đã giúp khẳng định và nâng tầm năng lực khởi xướng, nòng cốt, dẫn dắt và hòa giải của Việt Nam qua đảm nhận thành công nhiều trọng trách, như tổ chức thành công Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2017, Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên năm 2019; đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN 2020; tiếp tục đảm nhiệm vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, với nhiều sáng kiến và dấu ấn được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Năm là, góp phần tích cực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân cũng như giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường. Các địa phương, doanh nghiệp và người dân ngày càng có điều kiện tham gia, tận dụng các cơ hội mà hội nhập quốc tế mang lại.

Những thành tựu đó đã tạo thêm niềm tin để nước ta càng vững bước trên con đường hội nhập, tranh thủ tốt nhất những cơ hội mới đang mở ra.

2.3 Những cơ hội và thách thức đến ngành giáo dục Việt Nam trong thời đại kỷ nguyên số

2.3.1 Về cơ hội

Thứ nhất, thời đại kỷ nguyên số đặt ra nhu cầu đào tạo rất lớn cho các trường đại học. Trước hết, thời đại kỷ nguyên số đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, vốn liên tục thay đổi trong môi trường lao động mới. Đây là yêu cầu cấp bách đặt ra cho nền giáo dục, nhất là giáo dục đại học. Do đó, ngành giáo dục phải chuyển nhanh từ giáo dục nặng về trang bị kiến thức sang một nền giáo dục giúp phát triển *năng lực, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo* cho người học. Như thế, ở các trường đại học sẽ ra đời các mô hình học tập mới cùng sự phát triển của khoa học - công nghệ, thay thế dần các phương pháp dạy- học truyền thống trước đây.

Trong mọi lĩnh vực ngành nghề, những bước đi có tính đột phá về công nghệ mới như trí thông minh nhân tạo, robot, mạng internet, phương tiện độc lập, in 3D, công nghệ nano,

công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học lượng tử sẽ còn tác động mạnh mẽ hơn tới đời sống xã hội. Hệ thống giáo dục đại học sẽ bị tác động rất mạnh và toàn diện, danh mục ngành nghề đào tạo sẽ phải điều chỉnh, cập nhật liên tục vì ranh giới giữa các lĩnh vực rất mỏng manh. Theo đó, sẽ là sự liên kết giữa các lĩnh vực lý - sinh; cơ - điện tử - sinh, từ đó hàng loạt ngành, chuyên ngành cũ sẽ mất đi và thay vào đó là cơ hội cho sự phát triển của những ngành, chuyên ngành đào tạo mới, đặc biệt là sự liên quan đến sự tương tác giữa con người và máy móc. Thị trường lao động trong nước cũng như quốc tế sẽ có sự phân hóa mạnh mẽ giữa nhóm lao động có trình độ thấp và nhóm lao động có trình độ cao. Các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ đe dọa tới việc làm của những lao động trình độ thấp, mà ngay cả lao động có kỹ năng bậc trung cũng sẽ bị ảnh hưởng nếu họ không được trang bị kiến thức mới - kỹ năng sáng tạo cho nền kinh tế 4.0. Cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ tạo ra cơ hội đào tạo lần đầu cho giới trẻ, mà còn đòi hỏi những người đã đi làm, từ công nhân đến kỹ sư phải thay đổi, cập nhật kiến thức, kỹ năng ở mức độ cao hơn. Theo các nhà phân tích, năm 2020, nước ta sẽ cần một triệu cán bộ công nghệ thông tin, tuy nhiên hiện nay chúng ta mới có 300.000. Chỉ riêng nhu cầu đào tạo mới của ngành này đã là cơ hội lớn cho các trường đại học.

Thứ hai, kỷ nguyên số làm thay đổi mọi hoạt động trong các trường đại học.

Với CMCN 4.0, công nghệ phát triển thần tốc tạo ra một kỷ nguyên mới, đó là kỷ nguyên số. Kỷ nguyên số làm thay đổi toàn bộ các lĩnh vực trong đời sống xã hội nói chung và giáo dục nói riêng. Kỷ nguyên số đang tạo ra cuộc cách mạng giáo dục số, làm thay đổi hoàn toàn kiến trúc không gian giáo dục truyền thống trên toàn thế giới.

Nếu ngày trước, người học đến trường học tập với thầy cô và việc học bắt đầu từ bảng chữ cái với giáo án được chuẩn bị sẵn trên giấy, thông qua thiết bị dạy học là bảng đen để truyền tải kiến thức, thì ngày nay việc học tập và giảng dạy đã thay đổi toàn diện về phương pháp, cách thức và phương tiện. Các trường đã thay đổi mô hình giảng dạy, như đào tạo trực tuyến không cần lớp học, không cần giảng viên đứng lớp, người học sẽ được hướng dẫn học qua mạng internet. Những lớp học ảo, thầy giáo ảo, thiết bị ảo có tính mô phỏng, bài giảng được số hóa và chia sẻ qua những nền tảng như Facebook, YouTube, Skype, Zalo... đã trở thành xu thế phát triển trong hoạt động đào tạo đại học trong thời gian tới. Khi đó, kiến thức không thể bó hẹp và độc quyền bởi một người hay trong một phạm vi tổ chức nào đó. Sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp cận, tích lũy, chắt lọc cái mới, cái hay để trở thành công dân toàn cầu - người lao động tương lai có khả năng làm việc trong môi trường sáng tạo và có tính cạnh tranh. Phần thưởng đối với sinh viên không còn là bằng cấp trên giấy tờ nữa, mà là bằng cấp theo nghĩa mở rộng, là trao đổi tri thức, sáng tạo, những giá trị đóng góp cho xã hội. Khi đó, tổ chức, doanh nghiệp tuyển dụng là cần người làm được việc chứ không cần người có văn bằng cao. Như vậy, các trường đại học sẽ phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình chỉ đào tạo “những gì thị trường cần”, những nội dung của các môn học cơ bản sẽ phải được rút ngắn và thay thế vào đó là những nội dung cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và giúp người học thực hiện được phương châm “học tập suốt đời”. Theo mô hình mới này, việc gắn kết giữa cơ sở đào tạo với tổ chức, doanh nghiệp là yêu cầu tất

yếu để bổ sung cho nhau, đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp để phân chia các nguồn lực chung, làm cho các nguồn lực được sử dụng với hiệu quả cao nhất. Điều này sẽ tác động đến việc bố trí cán bộ quản lý, phục vụ và đội ngũ giảng viên của các trường đại học. Khi đó, tất cả các dữ liệu của người học từ mã số, điểm số, thông tin cá nhân... đều được số hóa tại một nơi lưu trữ. Trong nhiều trường hợp, người dạy chỉ cần đưa tài liệu lên “mây” (cloud), tất cả mọi người tranh luận trên “mây” mà vẫn đảm bảo được sự riêng tư, hiệu quả và tính đồng bộ. Trước thực tế này, việc các trường đại học thay đổi mô hình đào tạo sẽ tránh bị lạc hậu và sẽ thu hút được nhiều người học tham gia. Doanh nghiệp nói riêng và thị trường nói chung có nhu cầu như thế nào, thì người học sẽ càng hướng tới tìm học những nơi đáp ứng được nhu cầu đó. Ngoài ra, với sự vận dụng những thành tựu của công nghệ, người học ở bất cứ đâu đều có thể truy cập vào thư viện của nhà trường để tự học, tự nghiên cứu. Như vậy, không thể chỉ tồn tại mô hình thư viện truyền thống, mà các trường phải xây dựng được thư viện điện tử.

Thứ ba, vận dụng kỷ nguyên số giúp giảm và tiết kiệm chi phí đào tạo

Hiện nay, việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các cơ sở giáo dục đại học đã trở nên phổ biến rộng rãi. Trong đó, công nghệ đa phương tiện, các công cụ hỗ trợ việc trình diễn, sự mô phỏng nhờ máy tính và các lớp học ảo, học tập điện tử đã dần quen thuộc với sinh viên. Do vậy, việc học tập không còn bị ràng buộc bởi mô hình đào tạo truyền thống. Sinh viên còn có thể tùy chọn những khóa học, môn học phù hợp với bản thân họ. Điều này, giúp cho việc học tập của sinh viên có chất lượng và hiệu quả hơn.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, đặc biệt là các mô hình dạy học trực tuyến sẽ giúp các trường đại học tiết kiệm được chi phí trang bị cơ sở vật chất, chi phí chi trả cho giảng viên và chuyên gia; sinh viên cũng tiết kiệm chi phí sinh hoạt và tài liệu học tập. Đồng thời, lãnh đạo các trường đại học, giảng viên có thể thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá chính xác về sinh viên thông qua việc thu thập các dữ liệu thống kê. Đồng thời, giảng viên có thể theo dõi quá trình học tập, kiểm tra mức độ hoàn thành bài tập và thông báo kết quả học tập tới sinh viên, giảm tải các lãng phí về kinh phí, nguồn nhân lực, tăng hiệu suất và chất lượng làm việc.

2.3.2 Thách thức

Bên cạnh những cơ hội, trong thời đại kỷ nguyên số cũng tạo ra nhiều thách thức trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể như:

Thứ nhất, sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề diễn ra nhanh hơn sự thay đổi các chương trình đào tạo trong giáo dục đại học.

Những phát minh ra các Robot, tự động hóa và công nghệ in 3D đang dần thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, điều này dẫn đến việc số lượng công việc cần lao động chất lượng cao ngày càng tăng, làm cho thị trường việc làm ngày càng tách biệt: thị trường lao động kỹ năng cao, thị trường lao động kỹ năng thấp và dẫn đến sự phân hóa, hoặc tạo ra nhu

cầu việc làm hoàn toàn mới so với trước đây. Do vậy, các trường đại học cần có sự chủ động chuẩn bị nội dung, chương trình đào tạo nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường để hạn chế tình trạng thất nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, sự thay đổi về thị trường lao động và cấu trúc kinh tế cũng là một thách thức lớn cho các trường đại học trong việc thiết kế các chương trình học phù hợp, chuyên sâu đối với ngành nghề đào tạo. Thị trường lao động đòi hỏi người lao động trong mỗi ngành, mỗi nghề, mỗi công việc cần phải có trình độ, kỹ năng, thái độ tốt và đáp ứng được những yêu cầu đặt ra trước những biến đổi thực tiễn của xã hội. Mặc dù hiện nay, các trường đại học đang nỗ lực đưa “hơi thở” của doanh nghiệp, của sự thay đổi trong cấu trúc nền kinh tế đến gần hơn trong hệ thống môn học, trong nghiên cứu khoa học để nâng cao tính thực tiễn cho các chương trình đào tạo nhằm hướng tới việc tạo ra được lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, phát triển nền kinh tế số nhưng vẫn chưa thỏa mãn sự đòi hỏi khắt khe của thị trường lao động.

Theo đánh giá của ILO, dù lao động nhiều ngành nghề bị cắt giảm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nhưng các ngành liên quan công nghệ thông tin vẫn “khát” nhân lực. “Các công việc trong ngành tăng trưởng đến 47% những năm qua nhưng các đơn vị đào tạo chính thống về công nghệ thông tin chỉ cung cấp được khoảng 40% nhu cầu thực tế” [8].

Ngành nghề ở các lĩnh vực công nghệ giàu tiềm năng như: Mobile Game, Blockchain, IoT, AI... vẫn đang còn rất nhiều chỗ trống cho lực lượng lao động số. Vấn đề là họ có đủ tiềm năng và cơ hội để cạnh tranh sòng phẳng với bất kỳ ai trên thị trường lao động thế giới hay không. Do đó, nhiệm vụ của đào tạo đại học là cần phải lấp được những “khoảng trống” này.

Thứ hai, áp lực về gia tăng tính cạnh tranh giữa các trường đại học trong thời đại kỷ nguyên số

Trong thời đại kỷ nguyên số đòi hỏi hệ thống các trường đại học ngày càng đầu tư mạnh mẽ để gia tăng năng lực cạnh tranh, đồng thời cũng gia tăng sự xếp hạng của mình trong bảng xếp hạng khu vực và quốc tế. Hơn nữa, các doanh nghiệp ngày càng quan tâm và tham gia đầu tư rất mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục nên họ cũng đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao để đáp ứng yêu cầu của họ. Mặc dù giáo dục đại học đã dần mở rộng và ổn định quy mô đào tạo, chất lượng của nhiều cơ sở giáo dục đại học được nâng cao bước đầu hội nhập với khu vực và quốc tế, nhưng so với khu vực và trên thế giới, chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam vẫn còn những khoảng cách không nhỏ, phổ biến vẫn là tình trạng doanh nghiệp cần nguồn nhân lực trình độ cao nhưng vẫn còn một bộ phận lao động trình độ đại học không có việc làm hoặc làm việc không đúng với trình độ được đào tạo.

Hiện nay, giáo dục Việt Nam cũng đang bị áp lực cạnh tranh với hệ thống các trường trong khu vực và châu Á. Thị trường lao động xuyên biên giới cũng vậy, nó cũng làm ảnh hưởng đến thị trường lao động cũng như nguồn nhân lực Việt Nam. Với sự

xuất hiện ngày càng nhiều các công ty đa quốc gia đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, việc dịch chuyển lao động - đặc biệt là lao động có trình độ giữa các nước, trong và ngoài khu vực là điều diễn ra khá phổ biến. Thậm chí họ có thể “ngồi một chỗ” nhưng điều hành cả hệ thống rộng khắp ở nhiều nơi trên thế giới. Hoặc đội sale bán hàng online phải nắm vững các giải pháp Digital sales, E-Marketing, E-Commerce để bán trên phạm vi toàn cầu. Điều này đặt ra vấn đề là liệu những lao động trẻ - mới tốt nghiệp đại học có đủ năng lực để tạo ra cơ hội tham gia những “sân chơi” lớn này không.

Thứ ba, sinh viên khó theo kịp các kỹ năng, kiến thức công nghệ mới

Nhìn chung, những phát minh công nghệ ra đời từng tuần, từng ngày, từng giờ, thậm chí từng giây. Mỗi phát minh nhỏ có thể khiến chúng ta không chú ý đến. Nhưng từng phát minh nhỏ kết hợp sẽ đem đến những phát minh bùng nổ, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Và khi các bạn sinh viên nhận ra thì đã quá muộn.

Hiện nay, có nhiều tập đoàn công nghệ lớn đã cho ra đời các thiết bị và phần mềm thông minh phục vụ giáo dục như: Công cụ giáo dục Google (G-Suite for Education) cung cấp miễn phí bộ xử lý văn bản (Word), trình chiếu (Slide), bảng tính (Sheet); công nghệ Chroma Key tạo trường quay thu nhỏ để người học tự sản xuất sản phẩm truyền thông; ứng dụng tài liệu (Google Docs) giúp người học tạo và chỉnh sửa tài liệu trực tuyến miễn phí; công nghệ đám mây (Cloud) cung cấp những phần mềm học tập trên Internet có sử dụng tài khoản... Điều đó, giúp cho việc dạy và học trong điều kiện chuyển đổi số thuận lợi hơn. Tuy nhiên, kiến thức về những phát minh này của họ không nhiều. Sinh viên không thực sự nắm bắt được những xu hướng phát triển, tiềm năng của các phát minh. Những sản phẩm được đưa vào sử dụng trong đời sống hàng ngày đã trải qua thời gian thử nghiệm lâu dài. Trái lại, những thử nghiệm mới không thu hút được nhiều sự chú ý. Để thực sự là người dẫn đầu, nắm bắt những chi tiết mới nhất mới là lợi thế cạnh tranh.

2.4 Một số giải pháp đối với giáo dục đại học Việt Nam trong thời đại kỷ nguyên số

Xác định rõ những thách thức đang đặt ra đối với ngành giáo dục và đào tạo, Đảng ta nhấn mạnh quan điểm: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”. Thực hiện chủ trương đó, các trường đại học cần phải đổi mới thực sự và nhanh chóng, trước hết là đổi mới hoạt động quản lý của nhà trường và đội ngũ giảng viên.

2.4.1 Đối với Nhà trường

Trước những tác động mạnh mẽ của thời đại kỷ nguyên số, các trường đại học cần chuyển mô hình đào tạo từ truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học; từ đào tạo chủ yếu theo số lượng sang nâng cao cả số lượng, chất lượng và hiệu quả; từ chỉ chú trọng truyền đạt kiến thức sang kết hợp ba mục tiêu: kiến thức, kỹ năng và thái độ để phát huy tốt nhất tiềm năng cá nhân.

Chương trình đào tạo cần xác định cụ thể các chuẩn đầu ra, phẩm chất chung và năng lực chuyên môn; phải nhanh chóng đổi mới từ khâu tuyển sinh đến khâu đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là đánh giá sinh viên tốt nghiệp. Mục tiêu đào tạo phải hướng tới sinh viên ra trường có năng lực tư duy và sáng tạo, đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, có khả năng làm việc độc lập và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các dữ liệu. Trường đại học phải là nơi dẫn dắt tư duy và tạo động lực cho sinh viên khởi nghiệp, kết nối với thị trường và doanh nghiệp.

Các trường đại học cần phải thường xuyên rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, gắn lý thuyết với thực tiễn. Công tác đào tạo đại học trước hết cung cấp hệ thống lý luận cơ bản, như là nền tảng vững chắc để sinh viên có “vốn” để tiếp cận những vấn đề thực tiễn đang biến đổi không ngừng. Tạo điều kiện tối đa cho sinh viên thực hành, thực tập, làm quen và nắm bắt được những tiến bộ của khoa học - công nghệ trên lĩnh vực được đào tạo.

Cần đa dạng hóa các chương trình, phục vụ mọi nhu cầu học tập của sinh viên. Mỗi sinh viên có nhu cầu và khả năng học tập khác nhau. Nhà trường xây dựng cơ chế để phát hiện, nuôi dưỡng và tạo động lực để sinh viên xác định và theo đuổi sự quan tâm, niềm đam mê của mình. Điều này đòi hỏi trường đại học xây dựng các chương trình, lộ trình đào tạo khác nhau để phục vụ cho những nhu cầu và phong cách học tập khác nhau. Có người có nhu cầu học nhanh, tốt nghiệp sớm; hoặc học tập trung vào một số môn trọng tâm trước, sau khi đi làm sẽ quay trở lại hoàn thiện chương trình.

Cần phải xây dựng các trường đại học thành các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Các trường đại học cần thể hiện vai trò tiên phong của mình trong việc thực hiện sứ mệnh nghiên cứu khoa học- công nghệ; là bệ đỡ thúc đẩy sáng tạo, cung cấp một bộ phận cho giới trẻ và các công ty khởi nghiệp, giữ nhịp phát triển cho các ngành công nghiệp. Các trường đại học cũng cần đón đầu xu hướng là thời gian đào tạo người lao động trình độ cao sẽ không chỉ giới hạn trong thời gian ngắn, mà là trong suốt cuộc đời lao động của họ, khi người học tiếp tục quay trở lại để có thêm kiến thức và kỹ năng sau khi tốt nghiệp.

2.4.2 Đối với đội ngũ giảng viên

Theo phương pháp giáo dục truyền thống, người thầy truyền tải tri thức, thông tin cho sinh viên, hiện nay các trang mạng trên Internet đang dần thay thế vai trò đó, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi và miễn phí. Sinh viên không còn bị giới hạn trong bốn bức tường phòng học mà có điều kiện học mọi lúc mọi nơi, mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Vấn đề đặt ra là, khi công nghệ hỗ trợ tối đa mục tiêu kiến thức và kỹ năng, nhưng không thể thay thế người thầy chuyên tải, truyền cảm hứng cho sinh viên về thái độ sống và làm việc, thích ứng với mọi thay đổi, về tính hợp tác và năng lực sáng tạo. Hiện nay, năng lực và thái độ có vai trò quyết định trong mục tiêu đào tạo của các Nhà trường. Kiến thức không chỉ được tiếp nhận thông qua giáo trình, tài liệu tham khảo, trên lớp, mà được bổ sung, đổi mới và nhân lên từng giờ từng phút, sinh viên có thể dễ dàng học tập, nhưng phải qua đối thoại, làm việc nhóm, phản biện vấn đề, người thầy sẽ kích thích năng lực tư duy, niềm đam mê nghiên cứu và khám phá cái mới trong sinh viên.

Các hình thức học online, học trực tuyến đòi hỏi người thầy không phải truyền thụ kiến thức nữa, mà phải là người hướng dẫn, điều phối tạo ra môi trường học tập cho sinh viên; không phải giảng bài mà tập trung giúp sinh viên định hướng việc học. Người giảng viên không chỉ phải giỏi về chuyên môn, sẵn sàng giải đáp câu hỏi của sinh viên, mà còn phải có bản lĩnh, thường xuyên nâng cao năng lực thích ứng với hoàn cảnh mới, nhất là kịp thời đổi mới phương pháp dạy học, tối đa hóa ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện trực quan vào quá trình dạy học.

Vì vậy, vai trò của giảng viên thay đổi mạnh mẽ. Để đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0, đội ngũ giảng viên cần phải được bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực bằng những biện pháp như tập huấn sử dụng công nghệ phục vụ dạy học, ứng dụng các hình thức tiên tiến, mô hình trực tuyến vào công tác bồi dưỡng giảng viên, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng theo hướng nghiên cứu và nâng cao trình độ ngoại ngữ. Phải bồi dưỡng cho giảng viên nắm bắt được và tham gia các hình thức đào tạo tiên tiến, đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa để vừa nâng cao trình độ chuyên môn, vừa tiếp cận các mô hình dạy học mới, qua đó giúp họ bổ sung kiến thức chuyên môn, đa dạng hóa các hình thức giảng dạy. Trong thời gian tới, các mô hình giảng dạy trực tuyến sẽ được ứng dụng trong đào tạo đại học, như E-learning (mô hình hệ thống quản lý qua mạng); B-learning (mô hình dạy học kết hợp học tập trên lớp và học hợp tác qua mạng và tự học); hội thảo truyền hình (nhiều người hội thảo từ xa, thông qua truyền hình trao đổi, giao tiếp với nhau). Trong thời đại hiện nay, cần nhân rộng mô hình liên kết giữa nhà trường - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp, tạo điều kiện cho giảng viên, sinh viên đổi mới, sáng tạo, gắn lý luận với thực tiễn.

Bên cạnh đó, giảng viên cần nâng cao năng lực sử dụng các thiết bị, phương tiện hiện đại trong giảng dạy. Đó là năng lực quản lý tài nguyên, dữ liệu trên internet, sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ mới phục vụ quá trình dạy học như các ứng dụng zoom, skype, Microsoft Teams và vận dụng cùng lúc nhiều ứng dụng để truyền tải những thông tin giảng dạy cho sinh viên. Đội ngũ giảng viên phải thường xuyên được học tập, bồi dưỡng về tin học, phương pháp sử dụng công nghệ thông tin, để chủ động hướng dẫn sinh viên cập nhật kiến thức và công nghệ.

Ngoài ra, giảng viên cần đẩy mạnh công tác bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu khoa học được áp dụng đầu tiên và trước hết vào công tác giảng dạy. Khi đó, nội dung bài giảng mới có chiều sâu, tạo điều kiện để giảng viên ứng dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Thông qua nghiên cứu khoa học, năng lực tư duy của giảng viên được rèn luyện và tăng cường. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ. Hiện nay, tiếng Anh là ngôn ngữ mang tính toàn cầu. Hầu hết các thành tựu khoa học- công nghệ được chuyển tải bằng tiếng Anh. Vì vậy, để kế thừa và tiếp thu những tinh hoa tri thức của thế giới, giảng viên đại học phải thông thạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Đây cũng là yêu cầu bắt buộc của các đại học tiên tiến trên thế giới.

2.4.3 Đối với sinh viên

Trong môi trường cách mạng công nghiệp 4.0, mỗi sinh viên có nhu cầu và năng lực học tập khác nhau sẽ được thiết kế tiến độ học tập riêng biệt, phù hợp với từng người. Các phần mềm đào tạo sẽ thay thế từng phần hoặc toàn bộ lượng kiến thức của giáo trình khi học trên lớp. Thay vì tập trung cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng, mô hình giảng dạy mới chủ yếu hướng dẫn sinh viên cách tự học, cách tư duy và xử lý các tình huống trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề.

Sinh viên cần chuyển từ học thuộc, nhớ nhiều sang hình thành năng lực vận dụng, thích nghi, giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, rèn luyện tư duy. Không chỉ học trong giáo trình, sách vở, mà phải học qua thực hành, thực tế, qua trò chơi, liên hệ tương tác, qua dự án, và phải xác định học là công việc thường xuyên, liên tục và học cả đời.

Như vậy, hệ thống các trường đại học phải tập trung vào phát triển *phẩm chất và năng lực của người học* thông qua việc định hướng các con đường phù hợp nhất cho các nhóm sinh viên khác nhau để giúp họ phát huy được tiềm năng của mỗi cá nhân. Thương hiệu của một trường đại học không chỉ được đánh giá thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, nhất là đúng ngành, vị trí trên bảng xếp hạng quốc gia, quốc tế, mà còn là sự phát triển bền vững của sinh viên, khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới, năng lực đổi mới và sáng tạo trong quá trình hoạt động chuyên môn. Để đáp ứng yêu cầu đó, các trường đại học cần có nhiều chương trình, cả đào tạo và bồi dưỡng dành cho các đối tượng khác nhau, nhất là cựu sinh viên, giúp họ cập nhật tri thức mới để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính mình. Nghĩa là các trường phải là nơi hỗ trợ sinh viên học tập suốt đời; phải thường xuyên đổi mới.

Việc đẩy mạnh học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy-học và quản trị nhà trường cũng là yêu cầu rất cần thiết đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng như hiện nay, ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh là chìa khóa để mở rộng, cập nhật tri thức nhân loại. Không giỏi ngoại ngữ, không thể đạt thành tựu về khoa học công nghệ. Nên ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giảng dạy ngoại ngữ, với hệ thống học liệu điện tử phù hợp mọi đối tượng để người học có thể học ngoại ngữ mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi phương tiện, đặc biệt trong phát triển kỹ năng nghe và kỹ năng nói. Kiến tạo môi trường học ngoại ngữ trong nhà trường, gia đình và xã hội để mọi người cùng nhau học ngoại ngữ. Tạo điều kiện cho người học tiếp cận kỹ thuật số và công nghệ để dễ dàng tiếp thu thành tựu mới về khoa học - công nghệ của thế giới.

3. Kết luận

Như vậy, trường đại học trong thời đại kỷ nguyên số không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu khoa học, mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Hiện nay, số lượng sinh viên Việt Nam ra nước ngoài học tập ngày càng tăng, đang đặt ra thách thức lớn đối với các trường đại học trong nước. Vì vậy, các trường phải xây dựng chiến lược phát triển thích ứng với thời kỳ mới, mạnh dạn đổi mới công tác đào tạo, từ đổi mới chương

trình, đổi mới phương pháp giảng dạy đến xây dựng đội ngũ giảng viên, đổi mới công tác quản trị nhà nước theo những tiêu chí mới- khoa học và hiện đại. Có như vậy, các trường đại học nước ta mới theo kịp các trường tiên tiến trên thế giới và khu vực, đáp ứng được những yêu cầu của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, t. 2.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [7]. Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4
8. Nguyễn Thành Nam (2021), *Báo cáo tại Hội thảo: “Đào tạo nhân lực cho Cách mạng 4.0”* do hệ thống đại học online thuộc khối giáo dục FPT FUNiX tổ chức ngày 19/8/2021.
9. *Từ điển Cambridge*. <http://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/digital-age>, truy cập ngày 15/12/2017
10. *Từ điển Yourdictionary*. <http://www.yourdictionary.com/digital-age>, truy cập ngày 15/12/2017
11. *The Impact of Digital Technologies*, <https://www.un.org/en/un75/impact-digital-technologies>
12. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/823137/hoi-nhap-quoc-te-trong-%E2%80%99Cky-nguyen-so%E2%80%99D-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam.aspx>
13. Xem: “Viet Nam: Ranked 12 of 26 for comprehensive power, with an overall score of 19.2 out of 100”, <https://power.lowyinstitute.org/countries/vietnam/>

IMPACT OF THE DIGITAL AGE ON VIETNAM'S EDUCATION INDUSTRY

Nguyen Thi Tu Trinh

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: trinhntt@hufi.edu.vn

Submitted date: 05/02/2023, edited date: 17/03/2023., accepted date: 28/03/2023

Abstract: *We are in the era of the industrial revolution 4.0 - the most brilliant development so far in the digital era. Many activities have been gradually changing the way of organization and operation, including the education sector. Implementing the fundamental and comprehensive renovation of Vietnam's education and training in recent years, the guiding documents of the Government and the Ministry of Education and Training have set the requirement “Promoting the application of information technology trust in teaching and learning activities” in response to the development trend of the Industrial Revolution 4.0. Therefore, the application of research achievements on the foundation of the digital era in education is an urgent issue today. The article presents a general overview of the digital era, the opportunities and challenges of the digital era in Vietnamese education; propose a number of key solutions to improve the efficiency of the digital era in higher education to meet the requirements of fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today.*

Keywords: *digital era; Vietnamese education; industrial revolution 4.0*

TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ YÊU CẦU ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Lợi¹

ThS, NCS. Nguyễn Phước Trọng²

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

¹Email: loint@hufi.edu.vn

²Email: trongnp@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 19/02/2023, ngày sửa bài: 17/03/2023, ngày chấp nhận: 03/04/2023

Tóm tắt: Từ thực tiễn giảng dạy, bài viết tập trung nghiên cứu về vai trò của giảng viên về việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận trong liên hệ lý luận với thực tiễn cuộc sống và dùng thực tiễn để kiểm chứng những vấn đề lý luận. Qua đó nhằm nâng cao tính chủ động của sinh viên thông qua việc nghiên cứu, thảo luận nhóm, trao đổi, tương tác với giảng viên trong học tập và vai trò của giảng viên đối với việc đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0; Giáo dục và đào tạo; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Lý luận chính trị; Hội nhập quốc tế.

1. Mở đầu

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khi tri thức chiếm lĩnh mọi mặt của cuộc sống và hoạt động sản xuất thì việc áp dụng những kiến thức được học một cách linh hoạt, sáng tạo chính là những chìa khóa để thành công. Thực tế, xu thế hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu đã yêu cầu người lao động cần những kỹ năng mang tính toàn cầu. Cụ thể, để cạnh tranh trong điều kiện mới người lao động cần sử dụng được nhiều hơn một ngôn ngữ, thành thạo công nghệ và đặc biệt cần phải sử dụng kỹ năng tư duy phản biện, năng lực sáng tạo, tự phát triển, thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của thời đại để có thể làm việc trong môi trường đa quốc gia, với các đồng nghiệp đến từ nhiều nơi trên thế giới.

Cuộc CMCN 4.0 có những yêu cầu nhất định đối với việc thay đổi nhiều chính sách trong đó có chính sách giáo dục, đặc biệt giáo dục về lý luận chính trị vì song song với sự phát triển là mặt trái của nó. Khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại và nền kinh tế thị trường đã nâng cao đời sống con người về mọi mặt nhưng cũng tác động không nhỏ theo hướng tiêu cực đến xã hội, làm băng hoại nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống, chà đạp lên những giá trị đạo đức, làm thay đổi quan niệm, lối sống, phai nhạt lý tưởng, niềm tin... của một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân ta nói chung và sinh viên, học sinh nói riêng. Thực tế hiện nay, một bộ phận sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, thiếu bản lĩnh chính trị, thờ ơ, mơ hồ về chính trị... Do đó, yêu cầu thực tiễn cấp bách đặt ra là cần

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

phải nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả giáo dục lý luận chính trị, nhất là trong các trường đại học ở nước ta hiện nay. Bởi lẽ, những tri thức lý luận chính trị mà sinh viên tiếp thu được góp phần quan trọng vào việc hình thành một thế giới quan khoa học, một nhân sinh quan, phương pháp tư duy biện chứng về thế giới quan và phương pháp luận trong nhận thức và thực tiễn, giúp sinh viên có thái độ đúng đắn với hiện thực, có khả năng phân tích, xử lý các vấn đề, xây dựng niềm tin khoa học vào lý tưởng cách mạng, có lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, quán triệt sâu sắc và thực hiện triệt để đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy, việc đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đã được Đảng và nhà nước quán triệt tại Đại hội XIII của Đảng: “Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” [1].

2. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại các trường đại học

Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0, thực chất là đổi mới phương pháp đưa lý luận vào thực tiễn cuộc sống và dùng thực tiễn để kiểm chứng những vấn đề lý luận. Đây là vấn đề hệ trọng và là nhiệm vụ bức thiết trong giáo dục, đặc biệt là đối với giáo dục chính trị ở bậc đại học hiện nay. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo và những biến động lớn về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên bình diện quốc tế, khu vực và trong nước đã có những tác động nhất định tới bản lĩnh, lập trường chính trị của sinh viên. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã diễn ra ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện mục tiêu của cách mạng nước ta như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã nhận định: “Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc” [1, tr.2]. Một trong những nguyên nhân của sự suy thoái đó là: “Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết, giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đáp ứng yêu cầu” [1, tr.2]. Cụ thể là: “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo ra được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và những hậu quả gây ra” [1, tr.3]. Như vậy, việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong điều kiện cuộc CMCN 4.0 hiện nay cần tập trung vào việc đổi mới phương pháp, hướng tới hiệu quả giáo dục cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, đồng thời góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII.

Với đặc thù của các môn Lý luận chính trị, phương pháp hiệu quả nhất là phương pháp gắn lý luận với thực tiễn, gắn những nguyên lý, phạm trù tưởng chừng rất trừu tượng của bài giảng vào giải quyết những vấn đề rất cụ thể bên ngoài thực tiễn của cuộc sống để làm

rõ tính khoa học và cách mạng của những nguyên lý đó, đồng thời vận dụng phương tiện công nghệ mới nhất hiện nay nhằm cung cấp cho sinh viên những phương tiện tri thức để chuyển dịch từ lĩnh vực học tập sang lĩnh vực hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay.

Như vậy, CMCN 4.0 là cơ hội thực hiện khát vọng phồn vinh dân tộc, không thể bỏ lỡ, phát huy lợi thế, phải có ứng xử cởi mở, tạo dựng môi trường thông thoáng, thúc đẩy mô hình mới. Đối với giáo dục đào tạo nói chung và giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng, cuộc CMCN 4.0 sẽ đặt ra những yêu cầu mới. Để có thể đáp ứng được những yêu cầu mới đó đòi hỏi cần có những điều chỉnh phù hợp:

Thứ nhất, Giảng viên phải nắm và hiểu biết đầy đủ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nắm vững Quy định của Hiệu trưởng về việc cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Chẳng hạn, về thời lượng, về chấm điểm (đào tạo niên chế điểm 5 là đạt trung bình, nhưng đào tạo theo tín chỉ thì 5,5 điểm mới đạt trung bình theo thang điểm chữ: A, B, C, D, F). Nếu giảng viên chưa nắm được đầy đủ phạm vi điều chỉnh, chương trình, thời gian, đánh giá kết quả...thì không thể đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá đạt kết quả tốt được. Để đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận Mác – Lênin theo hệ thống tín chỉ mỗi giảng viên cần tiếp tục nghiên cứu, nắm vững quy chế vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và tìm ra cách thức giảng dạy thích hợp với yêu cầu của nhà trường.

Thứ hai, giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có kiến thức sâu rộng, phải luôn tự trau dồi về kiến thức chuyên ngành, liên ngành và phương pháp giảng dạy. Luôn rút kinh nghiệm đồng thời phải bổ sung những phần còn yếu, còn thiếu trong bài giảng, luôn dành tâm sức trước mỗi buổi dạy, tiết dạy để xem xét việc sử dụng những phương pháp nào hiệu quả cho bài giảng. Các chủ đề xêmina, trao đổi, bài tập thực hành phải được đầu tư xây dựng, nghiên cứu và biên soạn thành tài liệu thống nhất nhưng có tính mở cao để hướng dẫn cho sinh viên trong quá trình học tập. Mỗi giảng viên phải tự mình ý thức việc tự học để không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ; ngoài chuyên ngành của mình phải có phong kiến thức rộng, nắm chắc triết học Mác – Lênin, bởi triết học trang bị thế giới quan, nhân sinh quan, phép biện chứng, phương pháp luận khoa học...giúp cho giảng viên soạn và trình bày bài giảng có hệ thống logic và giàu sức thuyết phục. Bên cạnh đó, giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, tin tức mới, xu thế mới vào bài giảng làm cho bài giảng trở nên hấp dẫn người nghe và từ đó hiệu quả của việc giáo dục sẽ đạt cao hơn.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị trong điều kiện CMCN 4.0 hiện nay muốn có hiệu quả thì ngoài việc đòi hỏi phải quan tâm hơn nữa chất lượng và hình thức của bài giảng thì việc phản hồi của người học cũng vô cùng quan trọng, do đó giảng viên cũng nên làm khảo sát về hiệu quả tiếp nhận kiến thức và phương pháp giảng dạy của mình đối với từng nhóm, lớp học khi kết thúc học phần, từ những phản hồi đó

mà giảng viên có cơ sở khách quan để đánh giá chất lượng bài giảng và không ngừng hoàn thiện nghề nghiệp của mình.

Thứ ba, đặc thù dạy học các môn Lý luận chính trị trong điều kiện CMCN 4.0 càng đặt ra yêu cầu cao sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Trong thời đại bùng nổ thông tin, Internet kết nối vạn vật, kỹ thuật số hiện nay, nếu bài giảng lý thuyết trên lớp hay đến mấy mà xa rời thực tiễn thì cũng không thể hấp dẫn người học và không thuyết phục người học, dẫn tới áp đặt tri thức. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong điều kiện hiện nay không đơn thuần là đổi mới cách dạy, cách học mà phải làm cho nội dung đó trở nên thiết thực với người học, khai thác cập nhật thông tin thông qua việc áp dụng các công nghệ để đưa thực tiễn của cuộc sống vào bài giảng, đưa lý luận của bài giảng vào thực tiễn cuộc sống. Vì vậy, một trong những yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo hiện nay đối với giảng viên Giáo dục chính trị là phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy. Các phương tiện như: Vi tính, radio, ghi âm, video, đèn chiếu, chiếu phim... nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của sinh viên. Làm cho sinh viên phát huy được tính chủ động, sáng tạo. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật nhằm thay đổi phương pháp dạy học, học học; giúp sinh viên tiếp cận được khoa học kỹ thuật, gợi mở cho những người làm công tác xã hội gắn lý luận với thực tiễn, gắn học với hành. Đây là một trong những phương pháp mà người giảng viên phải thực hiện trong đổi mới phương pháp giảng dạy Giáo dục chính trị trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ hiện đại, sự bùng nổ của công nghệ thông tin.

Thứ tư, thực chất đổi mới phương pháp giảng dạy là người thầy lựa chọn cách truyền thụ như thế nào để người học nắm bắt, hiểu được nội dung, kích thích tư duy sáng tạo, biết phát hiện chính xác, có năng lực giải quyết các vấn đề có hiệu quả. Trong điều kiện mới hiện nay, tôi cho rằng để nâng cao bài giảng các môn Lý luận chính trị người giảng viên phải có sự kết hợp chặt chẽ phương pháp thuyết trình với nêu các tình huống có vấn đề. Để thực hiện có hiệu quả phương pháp này đòi hỏi người giảng viên phải đầu tư xây dựng nội dung của từng xemina là các tình huống có vấn đề chứa đựng mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn; mâu thuẫn giữa lý luận và phương pháp; mâu thuẫn giữa các quan điểm; giữa các ý kiến khác nhau trong nội dung của chủ đề. Xây dựng tình huống có vấn đề phải trên cơ sở kế thừa hệ thống tri thức có sẵn, gắn với những yêu cầu cần làm rõ nội dung cơ bản, trọng tâm, trọng điểm của bài giảng và phải kích thích được tư duy sáng tạo của người học, đòi hỏi người học phải có quá trình đầu tư nghiên cứu, giải quyết các mâu thuẫn đặt ra, xây dựng các phương án trả lời thông qua sự khơi gợi, hướng dẫn của người thầy. Hệ thống các bài tập thực hành phải xây dựng sát với mục tiêu, yêu cầu, đối tượng đào tạo giúp cho người học phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, củng cố kiến thức đã học từng bước hình thành bản lĩnh và năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Ngoài ra các hoạt động như tham quan, thực tế góp phần củng cố, mở rộng kiến thức cho sinh viên cũng phải được chú trọng và duy trì thường xuyên, phải coi đây là một khâu của quá trình giáo dục Lý luận chính trị.

3. Giải pháp

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

Để nâng cao được chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: Tập trung hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách, pháp luật theo kịp kinh tế số, công nghiệp thông minh; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nhanh nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy khởi nghiệp trong mọi ngành, mọi lĩnh vực, có kế hoạch cụ thể và khả thi để phát triển và làm chủ hệ tri thức Việt số hóa, khai thác có hiệu quả các cơ hội to lớn của CMCN 4.0 mang lại... Bên cạnh đó, đòi hỏi người giảng viên phải không ngừng hoàn thiện mình từ việc nâng cao trình độ, cập nhật tri thức mới, sáng tạo trong việc tìm kiếm phương pháp giảng dạy thích hợp để khơi dậy tính tích cực, chủ động của sinh viên, giúp sinh viên hiểu “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn ở nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn. Học phải đi đôi với hành. Học để làm người, làm cán bộ, học để phục vụ đoàn thể, Tổ quốc và nhân dân” [2, tr.184].

4. Kết luận

Như vậy con đường ngắn nhất để khắc phục bệnh kinh viện, sách vở đối với công tác giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong điều kiện hiện nay là đưa lý luận vào cuộc sống. Gắn lý luận với thực tiễn, rồi từ thực tiễn sinh động để củng cố bổ sung và hoàn thiện những nhận thức mới, những lý luận mới để người học có nhận thức và hành động đúng đắn hơn. Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0, nhờ sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; phương tiện, thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy ngày càng được tăng cường, do đó giảng viên có nhiều “kênh”, nhiều hình thức để khai thác, tiếp nhận thông tin, cập nhật kiến thức. Tùy thuộc vào chương trình nội dung các môn Lý luận chính trị, giảng viên có thể lựa chọn nhiều hình thức khác nhau để tiếp nhận thông tin, cập nhật tri thức thực tiễn, đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng. Đây là vấn đề sống còn, là con đường phát triển tất yếu để thực hiện thành công mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2000). *Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 8*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

THE IMPACT OF THE INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0 AND THE NEED TO INNOVATE TEACHING METHODS OF POLITICAL THEORY SUBJECTS AT UNIVERSITIES TODAY

Nguyen Thi Loi¹

Nguyen Phuoc Trong²

Ho Chi Minh City University of Food Industry

¹Email: loint@hufi.edu.vn

²Email: trongnp@hufi.edu.vn

Date of submission: 19/02/2023, edit date: 17/03/2023, date of acceptance: 03/04/2023

Abstract: From teaching practice, the article focuses on researching the role of lecturers in innovating teaching methods of theoretical subjects in relation to theory with real life and using practice to verify theoretical problems. Thereby, in order to improve students' initiative through research, group discussion, exchange and interaction with lecturers in learning and the role of lecturers in innovating teaching methods to improve the training quality of the school in the context of the current industrial revolution 4.0.

Keywords: Industrial Revolution 4.0; Education and training; Industrialization and modernization; Political theory; International integration.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY, HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

TS. Mai Phú Hợp

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: hopmp@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 14/03/2023, ngày sửa bài: 16/03/2023, ngày chấp nhận: 05/04/2023

Tóm tắt: Lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã đẩy mạnh chuyển đổi số và thu được nhiều kết quả tích cực; hoạt động giáo dục lý luận chính trị cũng đã chuyển đổi từ hình thức truyền thống sang trực tuyến. Sự thay đổi này bước đầu đã cho thấy những triển vọng của chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị, mặc dù về lâu dài còn rất nhiều vấn đề cần thực hiện một cách khoa học, đồng bộ. Bài viết tập trung phân tích các điều kiện và đề xuất một số khuyến nghị bảo đảm chuyển đổi số trong giảng dạy, học tập lý luận chính trị.

Từ khóa: giáo dục, sinh viên, lý luận chính trị.

1. Đặt vấn đề

Để thực hiện quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đặt ra yêu cầu “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học” đáp ứng xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong dạy học nói chung, dạy học các môn Lý luận chính trị ở trường đại học nói riêng được Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng và yêu cầu “Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề” [2, tr.110-111]. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là cần phải quan tâm nâng cao hiệu quả dạy và học trong trường đại học, trong đó có giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên.

2. Nội dung

2.1. Chuyển đổi số, chuyển đổi số trong giáo dục

2.1.1. Khái niệm về chuyển đổi số

Hiện nay, chưa có khái niệm chung thống nhất về chuyển đổi số (Digital transformation). Tùy theo góc độ nghiên cứu mà các nhà khoa học đã đưa ra những quan điểm khác nhau. Theo Garner, “Chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới”. Theo Microsoft thì “Chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới” [4].

Từ những quan điểm trên, có thể hiểu khái quát: chuyển đổi số là quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số, bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence)... các phần mềm công nghệ để thay đổi cách thức điều hành, quy trình làm việc, văn hóa của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp; chuyển các hoạt động từ thế giới thực sang thế giới ảo ở trên môi trường mạng.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã và đang tích cực triển khai và xây dựng chiến lược quốc gia về chuyển đổi số với nội dung rất đa dạng, phong phú. Trong đó, cơ bản nội dung lĩnh vực chuyển đổi số đều hướng tới: Chính phủ số (như dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu mở); kinh tế số (như tài chính số, thương mại điện tử, phát triển các doanh nghiệp số); xã hội số (như giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn xã hội) và chuyển đổi số trong các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước (điện lực, giao thông, du lịch, nông nghiệp).

2.1.2. Chuyển đổi số trong giáo dục

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện nay, “Tri thức với tư cách là nguồn tài nguyên chủ chốt sẽ thay đổi về cơ bản kết cấu xã hội, sáng tạo ra động lực phát triển mới, đồng thời thông qua sự chuyển hóa hiện thực của các cá thể thay đổi tiến trình của sự sống” [3, tr.8]. Vì vậy, để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần phải đổi mới căn bản, toàn diện và thực hiện tốt chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

“Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định như sau: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

Chuyển đổi số trong giáo dục vừa là số hóa bài giảng, ứng dụng phần mềm vào soạn bài giảng, vừa là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương thức giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số; toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của sinh viên được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ, số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông. Như vậy, chuyển đổi số trong giáo dục đại học là cách thức chuyển đổi từ quản lý giáo dục, tổ chức quá trình dạy học theo kiểu truyền thống sang quản lý và tổ chức quá trình dạy học dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đảm bảo cho người học được tham gia vào quá trình học tập mọi lúc, mọi nơi theo nhu cầu cá nhân thông qua các kết nối của môi trường mạng.

Trong giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, chuyển đổi số được thể hiện ở hai nội dung cơ bản là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và trong các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học.

Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục bao gồm: Số hóa thông tin quản lý, tạo ra hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (như blockchain, AI, phân tích dữ liệu) để quản lý, điều hành, dự báo, định hướng trong lĩnh vực giáo dục một cách nhanh chóng, chính xác.

Chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học bao gồm: Số hóa học liệu (sách giáo trình, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng, sách tham khảo, bài báo và các học liệu khác), phòng thí nghiệm, thư viện điện tử.

2.2 Một số vấn đề về dạy và học các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số ở nước ta hiện nay

2.2.1. Tổng quan về các môn Lý luận chính trị và vai trò của nó đối với sinh viên

Trong chương trình đào tạo trình độ đại học, các môn Lý luận chính trị thuộc khối kiến thức đại cương, là môn học bắt buộc đối với sinh viên. Trước đây, theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Công văn số 512/BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2009 về việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị được tổ chức giảng dạy cho đối tượng sinh viên không chuyên về Lý luận chính trị bao gồm: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau một số năm triển khai giảng dạy bên cạnh một số ưu điểm, thì việc dạy và học các môn Lý luận chính trị đã bộc lộ những hạn chế đòi hỏi phải đổi mới nội dung chương trình, giáo trình môn học. Do đó, ngày 28 tháng 3 năm 2014, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 94-KL/TW “Về tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân” (gọi tắt là Kết luận 94). Căn cứ Kết luận số 94, Kế hoạch số 319-KH/BTGTW ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương và một số văn bản pháp lý liên quan, ngày 19/7/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 3056/BGDĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị áp dụng cho chương trình đào tạo đại học trình độ đại học chuyên và không chuyên về lý luận chính trị. Theo Công văn này, từ năm học 2019-2020, các cơ sở giáo dục đại học tổ chức giảng dạy các môn Lý luận chính trị bao gồm: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Không có lĩnh vực nào của đời sống xã hội hiện đại lại đứng ngoài chính trị, từ vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa đến xây dựng đạo đức, lối sống; từ sự đánh giá về quá khứ, đến dự báo tương lai... đều phải có định hướng chính trị rõ ràng. Theo đó, nội dung của các môn lý luận chính trị là rất rộng, từ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường

lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Đối với sinh viên, việc học tập các môn lý luận chính trị và quán triệt nghiêm túc nội dung lý luận chính trị có ý nghĩa quan trọng:

Thứ nhất, góp phần phát triển con người toàn diện: Cùng với việc học tập kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên phải được trang bị hệ thống tri thức lý luận chính trị đúng đắn. Bởi kiến thức lý luận chính trị là kim chỉ nam chỉ phương hướng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức; hướng các em đến hành động thực tiễn nhân văn, tiến bộ, khoa học; hun đúc cho sinh viên lòng yêu nước chân chính; có tinh thần kiên định, vững vàng, không hoang mang, dao động trước những biến động phức tạp của cuộc sống và tình hình chính trị trên thế giới.

Thứ hai, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới: Học tập và quán triệt nội dung các môn lý luận chính trị giúp sinh viên có trình độ và năng lực tư duy lý luận khoa học. Có quan điểm đúng đắn, lập trường cách mạng vững chắc và phương pháp luận khoa học, là điều kiện để sinh viên chủ động, tự tin vươn lên làm chủ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Thứ ba, giúp sinh viên có lập trường tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch: Sinh viên là những người đang trong quá trình phát triển về trí tuệ và nhân cách. Đây là giai đoạn mà họ đang khẳng định vai trò, vị trí và trách nhiệm của mình với xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh sự mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, khát khao lý tưởng và hành động để thực hiện lý tưởng của mình, hướng tới những giá trị xã hội mới, sinh viên lại cũng có cả tính bồng bột, thậm chí liều lĩnh, mạo hiểm, chưa đủ kinh nghiệm và từng trải để có cách suy xét, đánh giá các giá trị, lựa chọn giá trị theo tinh thần duy lý... Thông qua học tập các môn lý luận chính trị, sinh viên có nhận thức cần thiết về hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa; niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Từ đó, sẽ quyết định khuynh hướng, mục đích và hiệu quả hoạt động của sinh viên trong học tập, lao động; có lý tưởng cách mạng trong sáng, làm chủ bản thân, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, xây dựng và củng cố vững chắc mục tiêu lý tưởng.

Hiện nay, các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn và hình thức thâm độc và tinh vi, như: Âm mưu “Diễn biến hòa bình”, kiểu “chiến tranh không có khói súng, không đánh mà thắng”, làm cho chúng ta “tự chuyển hóa”; thông qua giao lưu văn hóa, văn đề “dân tộc”, “nhân quyền”, “tôn giáo” để chia rẽ khối đại đoàn kết, hòng can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Chúng đặc biệt nhắm vào thế hệ trẻ để lôi kéo, kích động họ chạy theo lối sống thực dụng, làm mất phương hướng chính trị. Học tập lý luận chính trị giúp cho sinh viên nhận thức âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch để chủ động phòng tránh và tham gia đấu tranh chống lại.

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

2.2.2. Những thuận lợi và khó khăn đối với việc dạy và học các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Thứ nhất, thuận lợi đối với việc dạy và học các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Một là, nhờ việc chuyển đổi số, số hóa nên nguồn học liệu phục vụ cho dạy học các môn Lý luận chính trị sẽ rất đa dạng, phong phú. Dựa trên nền tảng môi trường mạng, với thiết bị hiện đại như điện thoại thông minh, máy tính bảng..., giảng viên và sinh viên được tiếp cận nguồn học liệu đã được số hóa từ các trung tâm học liệu lớn của các thư viện, trường đại học, các viện nghiên cứu, các tạp chí chuyên ngành trong nước và trên thế giới. Đặc biệt, với nguồn học liệu mở và trí tuệ nhân tạo trong dịch thuật, giảng viên có thể khai thác được nhiều thông tin quan trọng liên quan đến nội dung bài học ở các tài liệu như tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học. Hơn nữa, nền tảng không gian mạng sẽ tạo được sự kết nối giữa người dạy và người học ở khắp mọi nơi, từ đó, mở ra cơ hội lớn trong việc tìm kiếm và chia sẻ nguồn học liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Nếu như với dạy học theo lối truyền thống thì điều này khó có thể đáp ứng được.

Hai là, chuyển đổi số đã tạo cơ hội thuận lợi trong việc phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng hay, độc đáo về phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị. Chuyển đổi số sẽ dẫn đến xuất hiện học liệu điện tử (sách điện tử, bài giảng, câu hỏi điện tử...) do chính giảng viên xây dựng và được tích hợp trên môi trường công nghệ internet được số hóa. Những bài giảng môn Lý luận chính trị hay, ấn tượng, có nét mới và độc đáo, những cách thức tổ chức lớp học hiệu quả sẽ được đăng tải, phổ biến trên môi trường công nghệ số. Nhờ đó, giảng viên có thể dễ dàng nghiên cứu tài liệu tham khảo, lựa chọn, kế thừa để bổ sung, làm mới phương pháp dạy học của mình.

Ba là, trên cơ sở chuyển đổi số, việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị sẽ làm cho sinh viên hứng thú hơn trong học tập, do nội dung bài giảng ngắn gọn, mang tính tích hợp, thiết kế theo dạng mô - đun học tập, được dẫn chứng cụ thể thông qua các liên kết. Nhờ có các phần mềm, các phương tiện kỹ thuật hiện đại mà bài giảng điện tử, bài thuyết trình của giảng viên được thiết kế sinh động, trực quan, dễ hiểu hơn. Việc giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy như chèn các hiệu ứng, video, lồng ghép các hình ảnh độc đáo, đặc sắc vào bài giảng làm sinh viên hứng thú hơn trong việc học tập.

Bốn là, trong dạy và học trên môi trường mạng, cách thức, phương pháp, kỹ thuật quản lý lớp học, việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên dễ dàng hơn. Sinh viên mạnh dạn bày tỏ quan điểm, chính kiến, ý tưởng của mình trong học tập thông qua các phản hồi trên môi trường mạng được kết nối với giảng viên. Qua đó, kỹ năng tư duy lập luận, kỹ năng phản biện của sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị được phát triển. Điều này, giúp sinh viên có cơ hội được tiếp cận với các phương pháp giảng dạy hiện đại, thúc đẩy tư duy tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

Năm là, mục tiêu, chương trình, nội dung đã được số hóa và công khai, từ đó, sinh viên có thêm nhiều thông tin để lựa chọn phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và khả năng của bản thân để đạt được mục tiêu đề ra. Đồng thời, nhờ chuyển đổi số, vấn đề kiểm tra đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị cũng sẽ đa dạng, phong phú, linh hoạt hơn và hạn chế, tiết kiệm được thời gian, tiền bạc trong việc sử dụng giấy bút, ghi chép, tái hiện kiến thức dài dòng.

Thứ hai, những khó khăn đối với việc dạy và học các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số

Một là, trình độ và phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số gặp khó khăn. Để giảng dạy lý luận tốt, các giảng viên phải có trình độ lý luận; đồng thời cần có vốn sống, vốn hiểu biết xã hội dày dặn; không chỉ có kinh nghiệm thực tiễn và mà còn cần có tư duy trừu tượng hóa, khái quát hóa, đặc biệt hiện nay cần kết hợp với công nghệ số. Bên cạnh nhiều giảng viên đã sử dụng tốt giáo án điện tử, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, phim tư liệu; seminar, thảo luận vẫn còn một bộ phận không nhỏ giảng viên còn chậm đổi mới phương pháp. Một số giảng viên sử dụng giáo án điện tử chưa hiệu quả, theo kiểu chiếu chữ trên màn hình. Ở một số trường, cơ sở vật chất thiếu thốn, không có máy tính, máy chiếu, loa, tài liệu học tập... nên giáo viên khó áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực. Tình trạng thầy cô đọc, trò chép vẫn còn nhiều. Giờ học thiếu tính đối thoại làm cho các tiết giảng trở nên nhàm chán, sinh viên không hứng thú học tập.

Hai là, đối với giảng viên việc chuyển đổi số trong dạy học, đòi hỏi giảng viên các môn Lý luận chính trị phải thay đổi từ người giữ vị trí “trung tâm” sang người “phục vụ” nhu cầu học tập của sinh viên. Giảng viên các môn Lý luận chính trị, một mặt phải là người thầy, nhà tư vấn, mặt khác, phải là nhà quản lý. Thực tế đó, đòi hỏi giảng viên phải thực hiện nhiệm vụ kép là vừa phải nỗ lực tìm kiếm và quản lý học liệu, thiết kế và số hóa bài giảng, biên soạn và thực hiện chuyển đổi số các bài giảng truyền thống sang bài giảng E-learning, vừa phải sử dụng công nghệ để quản lý, tương tác, phản hồi kịp thời với sinh viên.

Ba là, do đặc thù các môn lý luận chính trị có tính trừu tượng, lại nặng về lý thuyết hàn lâm, làm cho sinh viên ngại học. Thực tiễn đã có nhiều thay đổi, nhưng trong nội dung các môn lý luận chính trị vẫn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề về kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức... còn rất mờ nhạt, làm cho sinh viên cảm thấy khô khan, khó hiểu, xa rời thực tiễn. Điều đó dẫn tới việc sinh viên đã ngại học càng trở nên “nản học” các môn lý luận chính trị.

Bốn là, giáo trình và tài liệu học tập được biên soạn lại theo một chương trình khung và chuẩn quốc gia. Các kiến thức được bố trí theo kiểu “nhồi nhét” và “chật chội”. Tính gọi mở, tính mềm hóa bị thủ tiêu, làm cho người học khó lĩnh hội kiến thức.

2.3 Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học các môn Lý luận chính trị ở các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi số ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, đối với lãnh đạo nhà trường.

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

Để nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này trong bối cảnh chuyển đổi số, trước hết, cần phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường. Khắc phục những tư tưởng coi trọng các môn chuyên ngành, coi nhẹ các môn Lý luận chính trị. Các trường đại học cần “chủ động xây dựng đội ngũ giảng viên các môn Lý luận chính trị, thực hiện Thông báo số 363-TB/BTGTW ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương, theo hướng “giảng viên được đào tạo chuyên ngành nào, giảng dạy môn học đó, xây dựng đội ngũ giảng viên riêng cho từng môn học”, bảo đảm biên chế giảng viên theo từng môn học phù hợp với quy mô, cơ cấu và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các môn học Lý luận chính trị” [1], khuyến khích, tạo điều kiện để các giảng viên tự nghiên cứu, học tập để nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ chuyên môn của bản thân một cách có hệ thống nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy môn học.

Ngoài ra, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến rộng rãi và quán triệt đầy đủ các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục của Chính phủ và của ngành giáo dục. Từ đó, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho giảng viên bộ môn Lý luận chính trị, sinh viên về vai trò, vị trí, sự cần thiết của công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học bộ môn; cách thức ứng dụng kỹ thuật số và những lưu ý để phòng, tránh rủi ro khi thực hiện các hoạt động dạy và học trên môi trường điện tử.

Thứ hai, về đội ngũ giảng viên.

Với vai trò là chủ thể của quá trình dạy học, giảng viên Lý luận chính trị có vai trò quan trọng đối với chất lượng và hiệu quả giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong nhà trường. Vì vậy, trước hết giảng viên lý luận chính trị cần phải hiểu đầy đủ, đúng đắn về bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ảnh hưởng của nó đến giáo dục và đào tạo. Đồng thời, cần phải tâm huyết với nghề và thường xuyên rèn nghề, chú trọng khơi dậy cho sinh viên sự hứng thú, ham thích, say mê nhận thức và vận dụng kiến thức đã và đang học vào thực tiễn. Trong quá trình giảng dạy, ngoài việc truyền đạt kiến thức, giảng viên cần xây dựng cho sinh viên lý tưởng, tình cảm, đạo đức cách mạng, khơi gợi ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống của bản thân họ. Mặt khác, phải quan tâm đổi mới phương pháp giảng dạy chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Trong quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá cần có sự kết hợp đồng bộ, chặt chẽ các phương pháp như phương pháp vấn đáp, thảo luận nhóm, hướng dẫn sinh viên tự học, tự luận, trắc nghiệm khách quan... Để làm được điều này, giảng viên phải chủ động tự bồi dưỡng về công nghệ thông tin nhằm nâng cao khả năng sử dụng tốt các phương tiện, thiết bị điện tử, máy tính, phần mềm ứng dụng trong hoạt động dạy học.

Thứ ba, đối với sinh viên.

Bản chất của đổi mới giáo dục vào đào tạo nói chung, giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng là luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học phát huy cao năng lực của bản thân,

vì vậy, sự tự giác, chủ động, tích cực học tập của sinh viên là điều kiện tiên quyết đảm bảo chất lượng học tập. Để nâng cao chất lượng học tập các môn Lý luận chính trị, sinh viên cần nhận thức rõ nhiệm vụ học tập, vai trò tự học, xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch tự học; chủ động tìm kiếm nghiên cứu tài liệu học tập (sách, báo, tạp chí, kho dữ liệu...).

3. Kết luận

Chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay đang đặt ra rất nhiều khó khăn và thách thức, trong đó chất lượng, số lượng đội ngũ giảng viên bộ môn giữ vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng giảng dạy môn học. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, cần quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp. Trong đó, cơ bản là bản thân giảng viên phải chủ động, tích cực, sáng tạo lĩnh hội những tri thức mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm, sinh viên phải chủ động, tích cực tự học, góp phần vào việc đổi mới phương thức đào tạo của nhà trường hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Thế Trường (2004), *Hành trang thời đại kinh tế tri thức*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
4. <https://amis.misa.vn/5577/chuyen-doi-so-la-gi/>, truy cập ngày 01/3/2022

IMPROVING THE EFFICIENCY OF TEACHING AND LEARNING POLITICAL THEORETICAL SUBJECTS IN CURRENT DIGITAL TRANSFORMATION CONTEXT

Mai Phú Hợp

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: hoppmp@hufi.edu.vn

Submitted date: 14/02/2023, edited date: 16/03/2023, accepted date: 05/04/2023

Abstract: *The field of education - training has promoted digital transformation and obtained many positive results; Political theory education activities have also changed from traditional to online. This change initially showed the prospects of digital transformation in political theory education, although in the long run there are still many problems to be*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

implemented in a scientific and synchronous manner. The article focuses on analyzing the conditions and proposing some recommendations to ensure digital transformation in teaching and learning political theory.

Keywords: *education, students, political theory.*

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG VIÊN - YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ

TS. Phan Thị Thu Thúy

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: thuypptt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 18/02/2023, ngày sửa bài: 28/02/2023, ngày chấp nhận: 01/04/2023

Tóm tắt: Giảng viên giảng dạy là một nhân tố của nguồn nhân lực chất lượng cao, là lực lượng nòng cốt, nguồn vốn tri thức, có vai trò quyết định việc đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã và đang đặt ra thời cơ và thách thức mới đối với việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của mỗi giảng viên tại trường đại học. Trước sự tác động đa chiều của cuộc cách mạng này đòi hỏi các trường đại học cần nâng cao chất lượng giảng dạy nói chung, giảng dạy lý luận chính trị nói riêng nhằm góp phần phát triển năng lực, trình độ của mỗi giảng viên, thích ứng với những biến đổi của sự phát triển xã hội và thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục, đào tạo.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; kỷ nguyên số, giảng dạy; lý luận chính trị; đại học

1. Đặt vấn đề

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác giáo dục của nước nhà cũng như luôn đánh giá cao vai trò của người thầy giáo. Trong bài phát biểu tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (10/1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt, thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những người anh hùng vô danh... Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang” [1,329]. Để xứng đáng với vị thế, vai trò đó, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy giáo phải thường xuyên tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm để thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Tiếp thu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định vai trò hết sức quan trọng của giáo dục, coi phát triển giáo dục là “quốc sách hàng đầu”, là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân; coi đầu tư cho giáo dục trở thành đầu tư cơ bản, quan trọng nhất cho sự phát triển toàn diện của đất nước, thường xuyên quan tâm, chăm lo đến ngành Giáo dục, đến đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Để thực hiện thành công được quá trình đó, không thể thiếu vai trò của đội ngũ giáo viên - những “kỹ sư tâm hồn” trong ngành Giáo dục. Với ý nghĩa đó, việc xác định nâng cao chất lượng giảng viên, trong đó có giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị được xem là một yêu cầu của sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỷ nguyên số

Trong thời kì Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, mọi nền giáo dục đều có những chuyển biến hết sức mạnh mẽ từ môi trường giáo dục, vai trò người dạy, tâm thế người học đến phương pháp giáo dục; tất cả đều chịu sự tác động và chi phối của các phương tiện công nghệ cao. Điều đó đòi hỏi các trường đại học phải tích cực thay đổi để phù hợp với xu thế phát triển mới. Ngày 18/01/2019 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 89/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD-ĐT giai đoạn 2019-2030. Trong đề án, quan điểm đầu tiên là “Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học cần được coi trọng vì đây là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục đại học”; đồng thời mục tiêu chung của đề án cũng chính là “Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học, công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc CMCN 4.0” [6,12]. Vì thế, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, trong đó có giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị là một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định việc nâng cao chất lượng GD-ĐT của đất nước trong điều kiện của cuộc CMCN 4.0.

2. Nội dung

Nâng cao chất lượng của giảng viên, trong đó có giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị luôn là chủ đề được quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Tiêu chí đánh giá chất lượng giảng viên trường đại học là tập hợp các dấu hiệu, điều kiện, đặc trưng, các chỉ số định tính, định lượng làm căn cứ để nhận biết, đánh giá chất lượng giảng viên trên thực tế. Đối với giảng viên trong trường đại học nói chung và giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng được đánh giá trên các tiêu chí sau:

2.1. Tiêu chí đánh giá chất lượng giảng viên trong thời đại kỷ nguyên số

Trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều quốc gia ngày càng nhận thức rõ xã hội muốn tiến bộ thì phải dựa vào sức mạnh của tri thức, được bắt nguồn từ việc khai thác tiềm năng sáng tạo vô tận của con người. Vì vậy, việc phát huy nguồn lực của con người là nhân tố cơ bản của sự phát triển nhanh, bền vững. Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng, cần phải phát triển toàn diện, hiện đại nền giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Bởi vì, giáo dục đại học là bậc học cao nhất, là giai đoạn cuối cùng của quá trình học tập theo trường lớp, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và cải cách hệ thống giáo dục của mỗi quốc gia. Tiêu chí đánh giá chất lượng giảng viên trường đại học là tập hợp các dấu hiệu, điều kiện, đặc trưng, các chỉ số định tính, định lượng làm căn cứ để nhận biết, đánh giá chất lượng giảng viên trên thực tế. Đối với giảng viên trường đại học được đánh giá trên các tiêu chí sau:

2.1.1. Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Trình độ văn hoá: Trình độ văn hoá là mức độ học vấn giáo dục mà giảng viên đạt được, theo đó với 1 giảng viên đại học, trình độ tối thiểu là cao học, với tám bằng Thạc sỹ.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên là trình độ được đào tạo qua các trường lớp có văn bằng chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị. Hệ thống kiến thức này trang bị và củng cố

lập trường giai cấp, lập trường quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho mỗi giảng viên có quan điểm và lập trường đúng đắn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trình độ tin học, ngoại ngữ là mức độ đạt được về những kiến thức, những kỹ năng trong lĩnh vực tin học, ngoại ngữ. Hiện nay, việc trang bị kiến thức về tin học và ngoại ngữ đối với giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị càng trở nên cần thiết trong thời đại công nghệ thông tin và xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, đồng thời đây là hai công cụ hữu hiệu phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngày nay, môi trường giáo dục không chỉ diễn ra trong phạm vi nhà trường mà mở rộng ra phạm vi toàn cầu. Người học có thể chủ động nghiên cứu tài liệu cũng như tương tác với giảng viên ở mọi thời điểm bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh. Công nghệ thực tế tăng cường/thực tế ảo (AR/VR) được sử dụng rộng rãi, giúp người học trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học giáo dục trên thế giới, hiện nay có khoảng hơn 200 công cụ hỗ trợ có thể áp dụng vào quá trình giảng dạy và nghiên cứu. Đồng thời, nhờ ứng dụng các công nghệ AI, Big Data và IoT, lãnh đạo nhà trường, giảng viên có thể thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá chính xác về người học; theo dõi quá trình học tập tại nhà, kiểm tra mức độ hoàn thành bài tập và thông báo kết quả học tập tới sinh viên cũng như gia đình. Tuy nhiên, không ít giảng viên chưa hiểu và sử dụng được những công cụ mới này trong thực tiễn, hiệu quả giảng dạy vì vậy không cao. Do đó, để có thể cập nhật những kiến thức hiện đại mang tính toàn cầu, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giảng viên phải giỏi về ngoại ngữ và công nghệ thông tin, làm chủ công nghệ và tạo ra sự tự do, sáng tạo trong công tác đào tạo.

2.1.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng thực hiện công việc, khả năng vận dụng những hiểu biết của mình vào hoạt động thực tiễn, mức độ vận dụng càng thành thạo nhuần nhuyễn thì kỹ năng càng cao. Kỹ năng nghề nghiệp: Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng của giảng viên, phản ánh tính chuyên nghiệp của giảng viên trong thực hiện nhiệm vụ. Giảng viên cần có những kỹ năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tương ứng với nhiệm vụ được giao để thể hiện vai trò, nhiệm vụ của mình. Có thể chia thành các kỹ năng chính:

Kỹ năng giảng dạy: Tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu đào tạo và với từng đối tượng người học; thực hiện đầy đủ kế hoạch giảng dạy, đúng chương trình, nội dung; Tổ chức các giờ dạy theo đúng giáo án, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ theo quy định; Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy nghề để nâng cao hiệu quả giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy nghề; ứng dụng được công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Kỹ năng soạn giáo án, xây dựng đề cương chuẩn bị giảng dạy: Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện dạy học, nghiên cứu và nắm vững mục tiêu giáo dục và đào tạo toàn diện của ngành học; nội dung và yêu cầu vị trí của môn học. Tìm hiểu tư tưởng, trình độ, khả năng, những kiến thức thực tế và hiểu biết xã hội của sinh viên; chuẩn bị chu đáo kế hoạch công tác giảng dạy. Giảng viên phải cung cấp thông tin về bản thân, thông tin chung về môn học; xác định được mục tiêu của môn học; nội dung tóm tắt và nội dung chi tiết môn học; hình thức tổ chức dạy học; chính sách đối với môn học và phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học.

Kỹ năng viết giáo trình, sách chuyên khảo: Có khả năng chủ trì hoặc tham gia biên soạn, chỉnh lý chương trình dạy học trình độ đại học; chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ đại học. Ngoài việc biên soạn giáo trình, giảng viên cần có kỹ năng viết sách chuyên khảo tổng hợp kết quả nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề thuộc nội dung môn học để các đồng nghiệp và sinh viên tham khảo.

Kỹ năng sử dụng công nghệ, phương tiện dạy học: Giảng viên phải tìm tòi, nghiên cứu, lựa chọn các phương tiện giảng dạy phù hợp với từng nội dung cụ thể, đảm bảo tính khả thi, ít tốn kém và đạt hiệu quả cao; có kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ trong giảng dạy và kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên (PowerPoint, máy tính, web, các phần mềm sử dụng trong chuyên môn,...).

Kỹ năng tổ chức lớp học, quản lý sinh viên: giảng viên cần có kỹ năng tổ chức lớp học lớp học, quản lý sinh viên hiện đại thông qua việc tạo nên tình huống có vấn đề để thu hút sự chú ý của sinh viên; tổ chức và quản lý hoạt động tự lực của cá nhân sinh viên hoặc hợp tác với nhau theo từng nhóm để giải quyết vấn đề.

Kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Nắm vững quy chế đào tạo, hiểu biết về các loại hình, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận dựa vào năng lực; Thực hiện đánh giá quá trình; Theo dõi, giám sát quá trình học tập của sinh viên trong các hình thức tổ chức dạy học khác nhau; Thiết kế, sử dụng các hình thức kiểm tra – đánh giá theo tiếp cận dựa vào năng lực, đặc biệt chú ý đánh giá kỹ năng, thái độ nghề nghiệp; Hướng dẫn sinh viên thực hiện tự đánh giá trong quá trình học tập (bao gồm cả sinh viên tự đánh giá bản thân và sinh viên đánh giá lẫn nhau); Giám sát quá trình tự đánh giá của sinh viên để đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm giảng dạy là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng giảng viên. Kinh nghiệm là những vốn kiến thức thực tế tích lũy được trong thực tiễn công tác. Chính kinh nghiệm đã góp phần vào việc hình thành năng lực thực tiễn của giảng viên và làm tăng hiệu quả công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà giảng viên đảm nhận.

2.1.3. Phẩm chất chính trị, đạo đức

Phẩm chất chính trị là những yếu tố cơ bản, có ý nghĩa quan trọng đối với viên chức nói chung, giảng viên nói riêng. Biểu hiện cao nhất, tập trung nhất về phẩm chất của giảng viên hiện nay là nắm vững, quán triệt được quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng. Giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị cần đảm bảo những yêu cầu: Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực đóng góp cho công cuộc đổi mới đất nước; Cùng với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức được coi là yếu tố tất yếu nền tảng của nhà giáo. Trong sự nghiệp “trồng người” phẩm chất đạo đức luôn có vị trí nền tảng. Nhà giáo nói chung và giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng phải có phẩm chất đạo đức trong sáng, phải “chí công, vô tư, cần, kiệm, liêm, chính” để trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ noi theo, để giáo dục đạo đức và xây dựng nhân cách cho thế hệ trẻ.

Lối sống, tác phong: Sống có lý tưởng, có mục đích, ý chí vươn lên, có tinh thần phấn đấu liên tục với động cơ trong sáng và tư duy sáng tạo; thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và thích ứng với sự tiến bộ của xã hội;

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

Ứng xử với sinh viên: Giảng viên cần thể hiện sự gương mẫu và đúng mực trong quá trình giao tiếp với sinh viên, làm việc và giảng dạy trên lớp cũng như ngoài lớp học. Đối với sự giao tiếp trên lớp học, giảng viên cần thể hiện thái độ quan tâm sinh viên, thể hiện sự nhiệt tình và chu đáo trong giảng dạy, cung cấp đầy đủ, rõ ràng tất cả các thông tin cho sinh viên nắm và hiểu về những nội dung trong quá trình học. Tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở, nhẹ nhàng, không áp lực cho sinh viên để họ cảm thấy lớp học là nơi họ sẵn sàng thể hiện bản thân, thể hiện ý kiến của mình, họ có thể giao tiếp hăng say với các bạn trong lớp học. Ứng xử với đồng nghiệp: luôn quan tâm, chia sẻ những khó khăn trong công tác và cuộc sống; chân thành, tôn trọng nhau; bảo vệ uy tín, danh dự của đồng nghiệp, không ganh ghét, đố kỵ gây mất đoàn kết nội bộ; luôn có tinh thần hợp tác, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.1.4. Năng lực thực hiện nhiệm vụ

Một trong những chức năng rất quan trọng của trường đại học là truyền đạt kiến thức, chức năng này không thể đánh giá tách rời với chức năng nghiên cứu khoa học. Muốn giảng dạy có hiệu quả cần phải kết hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học. Do đó năng lực thực hiện nhiệm vụ của giảng viên được thể hiện như sau:

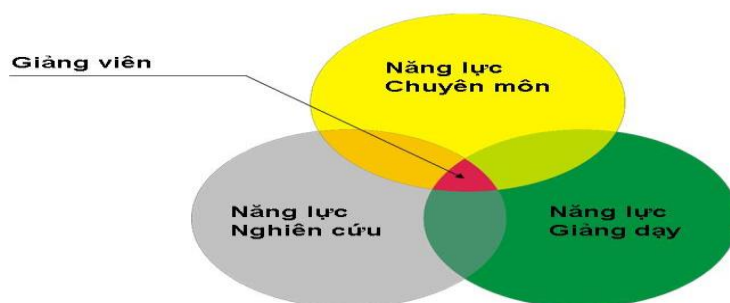
Năng lực giảng dạy: Một giảng viên giỏi không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn đồng thời còn giúp sinh viên phát triển những kỹ năng phát hiện vấn đề và kỹ năng phân tích và qua đó sinh viên phát triển tư duy học tập. Do đó, để đánh giá đầy đủ năng lực của giảng viên trong lĩnh vực giảng dạy cần có những tiêu chí đánh giá bao quát toàn bộ những yêu cầu về hoạt động giảng dạy đối với mỗi giảng viên.

Năng lực nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu khoa học được quan niệm là một chức năng đặc trưng của giáo dục cao đẳng, đại học. Do đó để phù hợp với chức năng này, yêu cầu người giảng viên phải tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Có rất nhiều cách để đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học như sau: Số lượng các đề tài, đề án, công trình nghiên cứu khoa học tham gia. Tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong và ngoài nước. Số lượng và chất lượng các ấn phẩm được xuất bản trong tạp chí khoa học hoặc các hội nghị khoa học liên quan đến công trình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn, vào giảng dạy (những nội dung nghiên cứu được áp dụng như là những ý tưởng mới hoặc những sáng kiến quan trọng trong công việc)

Như vậy, ngoài những tiêu chuẩn về mặt đạo đức và chính trị, một giảng viên giỏi là một giảng viên có năng lực chuyên môn cao nắm bắt được những phát triển mới nhất trong học thuật cũng như trong thực tiễn chuyên môn của mình; có năng lực giảng dạy phù hợp với lĩnh vực chuyên môn sâu của mình; và có năng lực nghiên cứu sâu trong lĩnh vực chuyên môn của mình. (Xem Hình 1: Năng lực của một giảng viên đại học).

Nhìn chung, hiện nay phần “năng lực chuyên môn” là phần giảng viên của chúng ta chú trọng nhiều nhất; phần “năng lực giảng dạy” chúng ta mới bắt đầu và cần được tiếp tục phát triển thông qua việc học tập và phát triển của bản thân: thực hành, và tìm tòi trong việc ứng dụng vào giảng dạy; phần “nghiên cứu” đang là năng lực thiếu hụt nhất của đội ngũ giảng viên chúng ta. Các trường hầu như chỉ chú trọng tới các chứng chỉ mà bộ yêu cầu đối với giảng viên chứ chưa thực sự chú trọng vào năng lực thực sự của giảng viên vì thế chất lượng

của các chứng chỉ này chưa phản ánh được năng lực thực chất của các giảng viên khi đứng lớp.



Hình 1: Năng lực của một giảng viên đại học

Trong việc phát triển các năng lực giảng dạy cho giảng viên, cần chú trọng đến các năng lực sau:

Xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học (viết một chương trình môn học): Xác định mục tiêu học tập của môn học và từng đơn vị học tập của sinh viên; Xác định những nội dung phù hợp để đạt tới các mục tiêu đã đề ra; Xác định các phương pháp học tập và giảng dạy phù hợp nhằm chuyển tải được nội dung và đạt tới mục tiêu; và xác định các phương pháp đánh giá phù hợp để động viên người học, đánh giá đúng trình độ của người học.

Các năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với chuyên môn của mình (giảng dạy bằng tình huống, thảo luận nhóm, khám phá, mô phỏng, dự án...)

Năng lực truyền đạt (viết bài giảng và tài liệu học tập, trình bày, đặt câu hỏi, lắng nghe, và phản hồi)

Năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định

Năng lực quản lý xung đột và đàm phán

Năng lực sử dụng công nghệ trong giảng dạy (PowerPoint, máy tính, web, các phần mềm sử dụng trong chuyên môn,...)

Năng lực không ngừng học tập và phát triển bản thân.

Chiến lược phát triển hệ thống giáo dục đại học có thực hiện được hay không, điều quan trọng và cốt lõi phụ thuộc vào việc hệ thống giáo dục đại học của chúng ta có phát triển được đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng hay không. Phát triển giảng viên không phải là việc làm một lần là xong, trong điều kiện bùng nổ tri thức hiện nay, công việc này cần được coi là công việc thường xuyên, liên tục của toàn hệ thống, của cả khoa và mỗi giảng viên.

Các giảng viên đại học phải tự mình đáp ứng các tiêu chuẩn cao của việc giảng dạy; giúp sinh viên đáp ứng các tiêu chuẩn cao của các hoạt động trí tuệ mà chúng đòi hỏi những sự tận tâm cao độ về thời gian và sự chú ý; thiết lập các mục tiêu rõ ràng, và gắn bó chặt chẽ giữa những môn học, các chương trình đào tạo, và việc học tập của sinh viên với nhau; chấp

nhận nghĩa vụ với các mục tiêu đó và giảng dạy để đạt tới các mục tiêu đó; thiết kế một chương trình chặt chẽ và sử dụng những thực tiễn giảng dạy để giúp tất cả các sinh viên đạt tới các mục tiêu; định kỳ đánh giá bản thân và sự thành công của sinh viên, và sử dụng những kết quả này để hoàn thiện việc học tập của sinh viên; lãnh trách nhiệm cá nhân và tập thể với toàn bộ chương trình; học tập suốt đời bằng việc tham gia gắn bó trong phát triển sự nghiệp để hoàn thiện việc giảng dạy.

Chương trình giảng dạy thành công trong thời kỳ cách mạng 4.0 phải chuẩn bị cho tất cả sinh viên cuộc sống phong phú, thú vị, và công dân tích cực của quốc gia và toàn cầu; phát triển cho người học tự chỉ dẫn, hội nhập, có mục đích, tự chủ, có kiến thức, có trách nhiệm; được dựa trên giáo dục tự do thực tế trong đó sinh viên học và áp dụng việc học tập của họ theo những cách thức khác nhau vào những vấn đề phức tạp; được đặc trưng bởi sự đa dạng và khác biệt của các quan điểm, viễn cảnh; dựa trên nền tảng công nghệ và phát triển sự thành thạo kỹ năng thông tin; thiết lập các tiêu chuẩn cao về sự thực hiện, nhưng không bắt buộc theo một đường hướng được tiêu chuẩn hoá.

2.2. Những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học

Cuộc CMCN lần thứ tư đã và đang đem lại nhiều điều kiện thuận lợi cho giảng viên đại học, đặc biệt trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nói chung và giảng dạy LLCT nói riêng theo hướng hiện đại. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã tạo ra một môi trường thông tin đa dạng, đa chiều trên Internet, mạng xã hội, hỗ trợ đắc lực cho việc học tập của sinh viên và hoạt động chuyên môn của giảng viên đại học. So với trước đây, việc tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên LLCT mất rất nhiều thời gian, công sức, thì hiện nay với công nghệ thông tin, Internet giúp họ có thể thực hiện công việc đó một cách dễ dàng, thuận lợi, nhanh chóng.

Mỗi giảng viên có thể tìm hiểu các nội dung giảng dạy với những góc nhìn đa chiều về các vấn đề liên quan, hình thành kỹ năng tiếp cận, xử lý thông tin, phát triển kỹ năng tư duy phân biện, làm cơ sở rèn luyện năng lực chuyên môn. Đồng thời, tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giúp người học có nhãn quan chính trị đúng đắn trước thực tiễn đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, chính trị. Giảng viên có nhiều lựa chọn đối với các phương tiện kỹ thuật phù hợp, sử dụng được nhiều phần mềm dạy học hiện đại cùng với mô hình phòng học đa phương tiện, làm cho bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. Các bài giảng có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ 3D, minh họa nội dung bài giảng thông qua các video, hình ảnh,... trên cơ sở đồng bộ hóa với các trang thiết bị hiện đại như: bảng cảm ứng, máy tính, máy chiếu, âm thanh, Internet,.. trong lớp học. Những tiện ích đó sẽ là nền tảng giúp giảng viên, nhất là đội ngũ giảng viên trẻ tìm hiểu, sử dụng tài nguyên số để tạo ra chất lượng và hiệu quả giảng dạy tốt nhất. Sự chuyển biến theo hướng hiện đại này khác hoàn toàn với mô hình giảng dạy LLCT “thầy đọc, trò ghi” một cách thụ động trước kia. Cùng với những mặt tích cực đó, xu hướng hình thành mô hình trường học trực tuyến, dạy học online, E-learning cũng đang xuất hiện và tạo ra sự thay đổi lớn trong giảng dạy LLCT.

Các công cụ hỗ trợ ngày càng hiện đại hơn, đòi hỏi giảng viên LLCT phải thường xuyên cập nhật các phương pháp dạy học hiện đại để theo kịp và ứng dụng hiệu quả trong

giảng dạy; khả năng làm chủ các công nghệ hiện đại của mỗi giảng viên phải được nâng cao, nếu không muốn bị lạc hậu, giảm sút chất lượng và hiệu quả giảng dạy; đồng thời cũng gây khó khăn cho giảng viên trong việc lựa chọn và sử dụng tài liệu, nhất là việc tiếp cận, xác định những tài liệu khoa học, chính thống, đúng đắn trên Internet trong nghiên cứu, giảng dạy LLCT. Giảng viên cần phải có lập trường chính trị vững vàng trong đấu tranh với quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều này rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của sinh viên, tạo hưng phấn trong học tập các môn LLCT. Sự phát triển khoa học công nghệ cũng khiến cho một bộ phận sinh viên lười suy nghĩ, sao nhãng, tiếp nhận thông tin một chiều, không chú trọng kiến thức LLCT, học tập đối phó, sao chép thông tin trên mạng, thiếu chính kiến cá nhân trong học tập,...

2.3. Thực trạng chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay

Những năm qua, các trường đại học đã có nhiều chủ trương, giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT; các trường đại học đã thường xuyên bổ sung, cập nhật, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, giảng dạy LLCT cho các đối tượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đội ngũ giảng viên đại học nêu cao tính tích cực, nỗ lực trong đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT và đạt nhiều kết quả mới, thiết thực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn giáo dục đại học trong bối cảnh của cuộc CMCN lần thứ tư. Phần lớn các bài giảng đã được giảng viên linh hoạt ứng dụng các phần mềm dạy học mới theo hình thức E-learning như: Zoom, Microsoft Teams, Google meet hoặc mô hình Blended learning,... tăng dần khả năng sử dụng phương tiện dạy học mới, tính tương tác giữa người dạy và người học được nâng cao; việc duy trì hoạt động dạy học trực tuyến trên phạm vi toàn quốc ngay trong đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2022 là một minh chứng rõ nét, nét đột phá trong việc ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ trong giáo dục đại học. Trong các cơ sở đào tạo đại học, luôn quan tâm triển khai các chương trình tập huấn phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; xây dựng các chương trình, kế hoạch tích hợp trong kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy và học hiệu quả, phù hợp; hệ thống ngân hàng đề thi, câu hỏi thi, kiểm tra kết thúc môn học được kiểm định chặt chẽ, thông qua chuyển đổi số; nhất là việc dạy học trực tuyến đã rút ngắn thời gian lên lớp cho giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên thay đổi tư duy, phương pháp dạy học trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số.

Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy LLCT ở các trường đại học còn một số hạn chế: thiếu tính sinh động, còn quá nặng về truyền đạt kiến thức mà chưa hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực, chưa khơi dậy, phát triển tiềm năng tư duy của sinh viên. Giảng viên chưa thực sự quan tâm đến việc dạy học theo định hướng phát triển tư duy, nâng cao khả năng phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống, các vấn đề phức tạp trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề trong kỷ nguyên số hóa. Một bộ phận giảng viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm giảng dạy, chưa mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại vào thực tiễn sư phạm; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy chưa thực sự đáp ứng đòi hỏi của chuyển đổi số trong giáo dục đại học;... hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho giảng dạy LLCT có mặt chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp

ứng yêu cầu giảng dạy và học tập LLCT, làm hạn chế khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, các phương tiện kỹ thuật dạy học. Chất lượng của hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ nghiên cứu các môn LLCT còn ít được số hóa, chưa cập nhật tài liệu mới, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân: một bộ phận lãnh đạo, quản lý các cấp ở trường đại học nhận thức chưa sâu sắc vị trí, vai trò giảng dạy LLCT, chưa thực sự quan tâm đầu tư đúng mức đến các môn LLCT, từ đó dẫn đến hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT trước tác động của cuộc CMCN lần thứ tư chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa tận dụng và khai thác hiệu quả hệ thống phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại; chưa có ý thức tốt trong việc sử dụng hệ thống đó dẫn đến tình trạng trang thiết bị hỏng hóc nhanh chóng,... đội ngũ giảng viên LLCT lâu năm mặc dù có kiến thức, kỹ năng sư phạm, có khả năng phân tích và lựa chọn thông tin một cách sâu sắc, song, còn hạn chế về khả năng tiếp cận với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, chưa sử dụng thành thạo các trang thiết bị hiện đại trong tìm kiếm thông tin, tài liệu trên Internet phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học thích ứng với Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hiện nay

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý các cấp

Sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của lãnh đạo, quản lý các cấp ở các trường đại học đối với nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT trong bối cảnh CMCN lần thứ tư có vai trò quyết định đến hoạt động của tất cả các chủ thể giáo dục. Trước hết, các trường đại học cần nâng cao nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT. Lãnh đạo, quản lý các trường cần xác định những nội dung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể đối với nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT. Tiếp tục đổi mới, hiện đại hóa chương trình, nội dung giảng dạy LLCT theo hướng tinh giản, khắc phục sự quá tải, trùng lặp, lạc hậu, tăng cường nghiên cứu vận dụng những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh có liên quan đến nội dung các môn học LLCT. Từ đó giúp sinh viên có phong kiến thức phong phú và sâu sắc hơn, bên cạnh hệ thống học thuyết khoa học mang tính kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi có sự kết hợp luận giải sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh sẽ giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, phát triển cho sinh viên năng lực vận dụng sáng tạo vào hoạt động thực tiễn; rèn luyện, phát triển khả năng lập luận, phản biện và loại bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, ngăn ngừa nhận thức mơ hồ, sai lầm, lệch lạc, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”,...

Đối với cán bộ các khoa, bộ môn và đội ngũ giảng viên của khoa LLCT là những chủ thể trực tiếp trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT. Vì vậy, lãnh đạo, quản lý khoa, cán bộ các bộ môn cần phát huy vai trò trách nhiệm trong chỉ đạo và biện pháp tổ chức thực hiện những yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo trước những tác động của cuộc CMCN lần thứ tư như: tăng tính cập nhật, tính đấu tranh, phê phán trong bài giảng các môn LLCT; nâng cao tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, luận giải những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh từ cuộc CMCN lần thứ tư có liên quan đến vấn đề nội

dung môn học. Các khoa cũng cần duy trì và tăng cường các hoạt động chuyên môn như giảng thử, giảng mẫu, kiểm tra, rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Qua đó, có những chỉ đạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng và biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời đối với giảng viên của khoa, các bộ môn góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT thích ứng với cuộc CMCN lần thứ tư.

Hai là, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT

Mỗi giảng viên cần nghiên cứu và tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tư duy độc lập, tư duy sáng tạo và tư duy phản biện của sinh viên như: coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, nói không với học tập thụ động, tình trạng đọc - chép, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học,... Điều đó sẽ là động lực và là thước đo chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên LLCT ở các nhà trường.

Mỗi môn học, mỗi bài giảng luôn đòi hỏi giảng viên phải dày công nghiên cứu và ứng dụng những phương pháp riêng, phương pháp dạy học hiện đại. Bởi vì, không ít trường hợp, phương pháp sư phạm của giảng viên không tốt dẫn đến bài giảng thiếu tính hiệu quả cho dù họ có tri thức sâu rộng. Mỗi bài giảng phải thay đổi căn bản phương pháp truyền thụ cho thích hợp với từng đối tượng sinh viên khác nhau, trên cơ sở lấy người học làm trung tâm và ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng và truyền đạt bài giảng. Giảng viên phải luôn luôn tìm tòi, sáng tạo để có được những bài giảng hấp dẫn, sinh động. Ngoài ra, họ phải phát huy năng lực nghiên cứu khoa học để trau dồi thêm tri thức góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy; giảng viên cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT theo hướng hiện đại và tối đa hóa phương tiện, kỹ thuật dạy học ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện trực quan trong giảng dạy.

Ba là, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên

Trong cuộc cách mạng công nghệ số, các trường đại học cần đẩy mạnh công tác nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên nên kết hợp các mô hình đào tạo tiên tiến 4.0, đào tạo trực tuyến, từ xa để vừa nâng cao trình độ chuyên môn, vừa tiếp cận các mô hình dạy học mới. Có một số mô hình giảng dạy trực tuyến đã và sẽ được ứng dụng trong đào tạo đại học, như: mô hình E-learning (mô hình hệ thống quản lý qua mạng); mô hình B-learning (mô hình dạy học kết hợp hình thức học tập trên lớp với hình thức học hợp tác qua mạng máy tính và tự học); mô hình ứng dụng kỹ thuật hội thảo truyền hình là dịch vụ cho phép nhiều người hội thảo từ xa, với sự xuất hiện của hình ảnh và âm thanh từ một người đến những người còn lại; mô hình giáo dục đại học 4.0 (mô hình đại học số) là mô hình giáo dục thông minh, liên kết chủ yếu giữa các yếu tố nhà trường - nhà quản lý - nhà doanh nghiệp, đưa tiến bộ công nghệ thông tin vào trường học để nâng cao hiệu quả đào tạo, giúp việc dạy và học diễn ra mọi lúc mọi nơi. Trường đại học theo chuẩn giáo dục 4.0 không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Việt Nam trong bối cảnh cuộc CMCN lần thứ 4. Trong xu thế hội nhập hiện nay, người thầy cần có nền tảng kiến thức vững vàng, hiểu biết sâu rộng, nắm vững hệ thống các phương pháp dạy học và linh hoạt khi vận dụng; có kỹ năng NCKH ứng dụng, có khả năng sử dụng các phương tiện dạy học

hiện đại, bài giảng điện tử trong dạy học; các kỹ năng sư phạm, đặc biệt cần có kỹ năng truyền cảm hứng đến người học.

Nâng cao năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học cho đội ngũ giảng viên. Cách mạng 4.0 là cuộc “cách mạng số”, do vậy người dạy học phải là người có năng lực quản lý tài nguyên mạng, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ để phục vụ quá trình dạy học. Để có được những năng lực này, các trường đại học cần chú trọng bồi dưỡng năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình giảng dạy bằng cách mở các khóa huấn luyện ngắn hạn hoặc tổ chức các buổi trao đổi, chia sẻ kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong giảng dạy. Công tác này nên tiến hành thường xuyên và liên tục tập trung vào những nội dung: cách số hóa bài giảng, tài liệu giảng dạy, upload lên thư viện điện tử để sinh viên dễ dàng truy cập, giảng viên dễ dàng kiểm soát, cập nhật mới mỗi năm; cách thiết kế những lớp học trực tuyến, xây dựng diễn đàn học tập, trao đổi học thuật trên mạng Internet; tập huấn sử dụng thư viện điện tử, khai thác tài nguyên vô tận trên mạng Internet phục vụ giảng dạy.

Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên. Để tiếp cận những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến do sự phát triển của công nghiệp 4.0 mang lại, người giảng viên không thể không thông thạo ngoại ngữ. Đây là điều kiện cần thiết để hội nhập với xu hướng kết nối toàn cầu hóa, hội nhập với giáo dục đại học thế giới. Vì thế, các trường đại học cần chú trọng thúc đẩy việc đạt chuẩn ngoại ngữ và luôn nâng cao trình độ ngoại ngữ.

Tóm lại, chất lượng của các trường đại học được bắt đầu từ chất lượng của đội ngũ giảng viên. Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, mỗi giảng viên bên cạnh việc thường xuyên bồi dưỡng các năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy, năng lực NCKH thì còn đòi hỏi phải chú trọng bồi dưỡng một số năng lực đáp ứng yêu cầu mới đó là năng lực sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ, thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp và giảng dạy. Do đó, các trường đại học luôn phải chú trọng và đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng các năng lực cho đội ngũ giảng viên, đáp ứng nhu cầu của người học trong thời đại mới. Có như vậy, các trường đại học nước ta mới theo kịp các trường tiên tiến trên thế giới và khu vực, và đáp ứng được những yêu cầu của thời đại CMCN 4.0.

3. Kết luận

Vì thế, vai trò của người thầy giáo ở bất cứ thời đại nào cũng rất quan trọng trong ngành giáo dục. Họ luôn được xã hội kính trọng và dành những tình cảm trân trọng nhất. Theo đó, các thầy giáo, cô giáo phải không ngừng học tập, NCKH để nâng cao trình độ, xứng đáng với sự tin cậy của xã hội. Ngày nay, đại học càng có vị trí quan trọng trong thực hiện tự chủ đại học; có điều kiện nâng cao trình độ, đào tạo và bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy đại học phù hợp với quá trình chuẩn hóa và hội nhập quốc tế, tích cực, chủ động trong NCKH. Họ vừa là những nhà khoa học, vừa là nhà chuyên môn có trình độ cao, gắn bó với NCKH và các hoạt động văn hóa - xã hội.

Trong bối cảnh cuộc CMCN lần thứ tư, thực tiễn giảng dạy của giảng viên LLCT cũng luôn đòi hỏi phải có sự thích ứng nhanh chóng, đổi mới và nâng cao chất lượng góp phần xây dựng một nền giáo dục hiện đại, thực học, thực nghiệp, “đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”[3, tr.45] đại học hiện nay. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị (LLCT) ở các trường đại học đáp ứng yêu cầu đặt ra trong bối cảnh tác động

của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo; giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên các trường đại học có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, giản dị, có mục tiêu, lý tưởng cao đẹp vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trước những thời cơ và thách thức như hiện nay, đòi hỏi các trường đại học cần có tư duy chiến lược trong xây dựng một định hướng phát triển giáo dục thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời mỗi giảng viên LLCT cần chủ động, tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh sư phạm, tự bồi dưỡng năng lực sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu trong điều kiện mới của cuộc CMCN lần thứ tư.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 11*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.1*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thúy Dung (2019). *Tạo động lực lao động cho giảng viên đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học*. Tạp chí Giáo dục, số 452, tr 10-14.
4. Nguyễn Thu Hạnh (2018). *Đổi mới công tác bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đại học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Kỷ yếu hội thảo “Giáo dục đại học - Chuẩn hóa và hội nhập quốc tế”*. Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Văn Tuấn (2019). *Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học*. Tạp chí Giáo dục, số 468, tr 18-22.
6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017). *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - thời cơ và thách thức đối với Việt Nam*. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

IMPROVING THE QUALITY OF TEACHERS - A DECISIVE FACTOR IN IMPROVING THE QUALITY OF TEACHING POLITICAL THEORY SUBJECTS IN THE DIGITAL AGE

Phan Thi Thu Thuy

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: thuyptt@hufi.edu.vn

Submitted date: 18/02/2023, edited date: 28/02/2023, accepted date: 01/04/2023

Abstract: *Lecturers are an element of high-quality human resources, the core force, the source of knowledge, and play a decisive role in ensuring the training quality of the school. The Fourth Industrial Revolution has been posing new opportunities and challenges to the performance of the teaching duties of each lecturer at the university. Faced with the multi-dimensional impact of this revolution, universities need to improve the quality of*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

teaching in general and teaching political theory in particular to contribute to the development of the capacity and qualifications of each lecturer. adapt to the changes of social development and successfully realize the goals of education and training.

Keywords: *The fourth industrial revolution; digital era, teaching; political theory; university*

PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO CỦA GIẢNG VIÊN CÁC MÔN KHOA HỌC MÁC – LÊNIN BẮT ĐẦU TỪ CƠ SỞ

TS. Phan Thị Hiền

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: hienpt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 20/02/2023, ngày sửa bài: 20/03/2023, ngày chấp nhận: 04/04/2023

Tóm tắt: Các môn khoa học Mac – Lênin chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu chương trình đào tạo đại học, trở thành môn cơ bản đối với tất cả các ngành học và các hình thức đào tạo. Điều này chứng tỏ sự quan tâm của nhà nước đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn luôn biến động. Việc phổ biến các môn khoa học Mac – Lênin cũng góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo ổn định và đồng thuận xã hội. Các nhà giáo – nhà khoa học trong lĩnh vực này được tạo điều kiện về vật chất lẫn tinh thần để phát huy khả năng của mình, tạo ra những sản phẩm trí tuệ cho sự nghiệp đổi mới đất nước, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: khoa học Mac – Lênin, giáo dục, sáng tạo.

Nội dung

1. Tính cấp bách của sự đổi mới

Từ nhiệm vụ chung của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn “tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới” (1, tr.220), đội ngũ giảng viên Mac – Lênin đã triển khai công việc đào tạo và nghiên cứu theo triết lý chuẩn hóa và hiện đại hóa, thực hiện cải cách trong nội dung và phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao tính hiệu quả của lĩnh vực này. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đến nay chất lượng đội ngũ giảng viên Mac – Lênin chưa được cải thiện bao nhiêu, nếu không nói là có chiều hướng đi xuống. Sự suy giảm chất lượng đội ngũ không chỉ diễn ra trong phạm vi giảng viên Mac – Lênin, mà cả trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Sở dĩ có tình trạng đó, theo suy nghĩ chủ quan của tôi, là do những ràng buộc của cơ chế, quan niệm một cách đơn giản của xã hội về các môn khoa học Mac – Lênin, sự đồng nhất thiếu cơ sở một số chuyên ngành khoa học Mac – Lênin với các bài giáo huấn chính trị, và cuối cùng là sự “bao sân” về lý luận đối với các môn khoa học Mac – Lênin ở một bộ phận quản lý, tạo nên hiệu ứng xã hội thiếu tích cực đối với lĩnh vực này.

Trong phương pháp luận đào tạo và bồi dưỡng giảng viên Mac – Lênin hệ lụy của cách tiếp cận theo nguyên tắc “thuần nhất tuyệt đối” về tư tưởng, hay tính giáo huấn một chiều thời bao cấp vẫn còn nặng nề. Một dẫn chứng nhỏ, nhưng đáng được suy nghĩ: đêm trước sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Liên Xô, các nhà lý luận đã cảnh báo về tình trạng

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỳ nguyên số

lạc hậu của tư duy lý luận, sự thiếu vắng yếu tố phản biện tư tưởng, dẫn đến tình trạng đơn điệu trong lĩnh vực tư duy lý luận. Việc nhất thể hóa tư tưởng đến mức loại bỏ những phát hiện độc đáo trong các công trình của các nhà nghiên cứu làm cho nghịch lý giữa số lượng các công trình mang tính “hàn lâm” và giá trị thực tiễn của chúng ngày càng trở nên gay gắt, nhưng dường như thiếu những đột phá về lý luận do những quy định cứng nhắc về phương pháp luận. Một giáo sư triết học thời ấy đã phải lên tiếng: “Điểm lại lịch sử cả phương Đông và phương Tây, không có những vùng cấm tuyệt đối trong tư duy lý luận như 70 năm dưới chủ nghĩa xã hội hiện thực” (3, tr.47-48).

Giảng viên khoa học Mác – Lênin ở nước ta hàng năm đều được tổ chức tập huấn về chuyên môn, nhưng chất lượng đội ngũ, chất lượng bài giảng hầu như không khá lên. Một số giảng viên cố gắng vượt qua lối mòn và những định chuẩn nghiêm ngặt trong sách giáo khoa để giúp người học hướng đến cái mới, nắm bắt cái hồn sống động của thực tiễn luôn biến đổi, nhưng số lượng những giảng viên đầy tâm huyết và “dũng cảm” như thế không nhiều. Người giảng thì lo lắng (không biết nên giảng như thế nào để không bị cho là chệch hướng), người học thì đối phó (giải quyết cho xong môn nợ môn học), xã hội thì bàng quan (vì một bộ phận vẫn không hiểu thấu đáo hiệu ứng xã hội tích cực của môn khoa học này).

Gốc rễ của sự thành công đối với lĩnh vực tư duy lý luận là thường xuyên đổi mới phương pháp. Tầm quan trọng của phương pháp luận ngày càng được khẳng định. Lịch sử phát triển khoa học và tri thức lý luận hàng mấy trăm năm qua đã chứng minh điều này. Nó được chứng minh ngay từ thế kỷ XVII, trong cơn sóng triều của các khám phá khoa học. Đến thế kỷ XIX chủ nghĩa Mác ra đời trên cơ sở đúc rút những thành quả về thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng nhân loại, để tạo nên bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng. Không có một phương pháp luận thích hợp thì không thể trông đợi những kết quả tích cực trong nghiên cứu khoa học. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin là mẫu mực của việc vận dụng phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nhà giáo hôm nay cũng vậy – không thể chỉ trông đợi một sự “tập huấn” bài bản, mà cần chủ động trong việc hình thành cái Tôi trong nghiên cứu, giảng dạy trên cơ sở phương pháp luận chung. Tất nhiên, phương pháp không đồng nhất với thủ pháp, với phương tiện truyền đạt tri thức. Một số người tự hào về việc thành thạo sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong giảng dạy, hoặc biết cách trình bày vấn đề rõ ràng, “ý nào ra ý đó”, giúp người học “hiểu bài ngay trên giảng đường”. Nhưng những cách thức đó không thể gọi là phương pháp được. Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy không nằm ở việc trang bị những phương tiện hỗ trợ hiện đại, mà ở chính khả năng mài sắc tư duy và sức mạnh của sự truyền dẫn tư tưởng đến người học và gợi mở nơi họ ý thức sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới và giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra.

2. Hạn chế sự chuẩn hóa máy móc về tư duy lý luận, kích thích tính sáng tạo của đội ngũ giảng viên Mác – Lênin

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin, quan điểm có tính chiến lược đó được các cơ quan quản lý và các trường đại học, viện nghiên cứu nhấn mạnh thường xuyên, và cùng với nó là hàng loạt hội nghị, hội

thảo, tọa đàm, hàng loạt cải tiến diễn ra triền miên, từ Bắc đến Nam, từ năm này sang năm khác, tốn nhiều thời giờ và tiền bạc của nhà nước và của những người tham gia vào các quá trình này. Đổi mới thì có, nhưng hiệu quả không cao, đôi khi sa vào chủ nghĩa hình thức, mà một trong những minh chứng rõ ràng nhất là “cải tiến” giáo trình. Cho đến nay hậu quả của sự cải tiến này không phải ai cũng thấy, đó là nguy cơ xơ cứng hóa trình độ tư duy lý luận của các thế hệ. Buồn thay, căn bệnh “càng cải tiến càng thụt lùi”, bình mới rượu cũ trong các môn khoa học Mác – Lênin lại càng trở nên trầm trọng.

“Làm mới” nội dung và phương pháp tiếp cận trong các môn khoa học Mác – Lênin là một quá trình không đơn giản, đòi hỏi sự cẩn trọng, nghiêm túc, chiều sâu tư duy lý luận, tính đến những điều kiện hiện có và xu hướng vận động của đất nước, những biến đổi của thế giới.

Nói thì đơn giản, nhưng để thực hiện điều này lại cần đến sự nỗ lực của chính giảng viên. Muốn khẳng định cái Tôi của mình người thầy cần đọc nhiều, tham khảo những phương pháp, những cách tiếp cận khác nhau đối với nội dung cần tìm hiểu và truyền cho người học. Không phải ai cũng mong muốn “vượt chuẩn” bằng cái độc đáo, không lặp lại của mình. Sự cầu toàn và e ngại, khiến cho cách suy nghĩ của “thợ giảng” đôi khi chiếm ưu thế trước cách suy nghĩ của nhà giáo – nhà nghiên cứu.

Cập nhật hóa kiến thức đi đôi với tăng cường phương pháp đối thoại với người học là một trong những yêu cầu cơ bản đối với giảng viên trong điều kiện bùng nổ thông tin như hiện nay. Cập nhật hóa kiến thức giúp giảng viên tự tin hơn trong đối thoại, đồng thời thông qua đối thoại người thầy cũng định hướng tư tưởng cho người học giữa một rừng thông tin, với khá nhiều thông tin bị nhiễu, thiếu kiểm chứng. Việc xem nhẹ cập nhật kiến thức, lệ thuộc quá nhiều vào sách giáo khoa dẫn đến chỗ giảng viên ngại trả lời những câu hỏi từ phía người học, thậm chí có trường hợp còn cấm người học đặt câu hỏi. Tôi cho rằng hiện tượng né tránh người học, không đủ bản lĩnh tiếp cận và xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình giảng dạy, e ngại đối thoại với người học là hiện tượng khá phổ biến. Điều đáng lo ngại nhất là sự phản ứng của xã hội thông qua người học đối với thứ tri thức đơn điệu, nhàm chán và xa rời thực tiễn, nhưng vẫn buộc phải tiếp nhận.

3. Đổi mới giáo dục bắt đầu từ người thầy

Giáo dục có nghĩa là nhà giáo phải được giáo dục; hơn thế, họ cần phải được giáo dục trước tiên và giáo dục nghiêm túc. Nhà giáo dục cần được thường xuyên bồi dưỡng, tái đào tạo để không ngừng hoàn thiện chuyên môn và bản lĩnh, có thể giải đáp cho người học những vấn đề của thực tiễn và lý luận một cách thuyết phục, chứ không chỉ trên những bản thiết kế tư duy đã định sẵn. Tính hình thức và tính giáo huấn một chiều, tính cào bằng, câu thả, dễ dãi, vô nguyên tắc trong đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ giảng viên đang là vấn đề cần xem xét. Việc xem thường các môn lý luận đang tồn tại thực tế ở nơi này hay nơi kia trong môi trường đại học hiện nay đã đến mức báo động, mà một trong những ví dụ trực quan dễ thấy nhất là có việc giảng viên hoàn toàn không được đào tạo về chuyên môn hoặc đào tạo một cách sơ sài nhưng vẫn nghiêm nhiên đứng lớp truyền đạt kiến thức cho người

học, đã làm mất đi tính hiệu quả, tính khoa học, và tính chính đáng của môi trường giáo dục đại học; làm ô nhiễm môi trường giáo dục. Sự ô nhiễm, đặc biệt, ô nhiễm trong giáo dục để lại hậu quả nặng nề vì nó hủy hoại đạo đức và văn hóa không chỉ một con người mà cả xã hội, không chỉ hủy hoại con người hôm nay mà cho cả các thế hệ mai sau.

4. Kết luận

Giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải là người thật sự thấm nhuần Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng chính sách, pháp luật của Nhà nước để truyền thụ, định hướng cho học viên giúp họ có được nhận thức và hành động đúng đắn. Những môn lý luận chính trị thường rất trừu tượng, tư duy khái quát cao. Do đó, nhận thức, lượng kiến thức thu nhận được của học viên phụ thuộc rất nhiều vào trình độ kiến thức, năng lực lý luận và thực tiễn; phẩm chất, nhân cách đạo đức cũng như phương pháp truyền đạt của người thầy. Mỗi giảng viên phải luôn xác định rõ: Giáo dục lý luận chính trị có ý nghĩa rất quan trọng vì nó trang bị cho người học lập trường giai cấp vô sản vững chắc, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, một điều hết sức quan trọng đó là lý luận đúng đắn, khoa học sẽ định hướng cho học viên có những suy nghĩ và hành động đúng, nhất là trong thời đại có lượng thông tin nhiều như hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Ninh, Ngọc Hiền (2021). *Vai trò của người giảng viên lý luận chính trị trong thời đại mới*. <https://baoquankhu7.vn/vai-tro-cua-nguoi-giang-vien-ly-luan-chinh-tri-trong-thoi-dai-moi-1750008187-0025913s34010gs?AspxAutoDetectCookieSupport=1>
3. Đinh Ngọc Thạch, Tạp chí *Các vấn đề khoa học chính trị – xã hội*, số 11/2019.

PROMOTING CREATIVITY OF TEACHERS OF MARCH SCIENCE - LEIN STARTS FROM THE BASIC

Phan Thị Hiền

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: hienpt@hufi.edu.vn

Submitted date: 20/02/2023, edited date: 20/03/2023, accepted date: 04/04/2023

Abstract: *Marxist-Leninist science subjects account for a significant proportion in the structure of university training programs, becoming a basic subject for all disciplines and forms of training. This proves the State's interest in the cause of education and training of high-*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

quality human resources, meeting the requirements of the ever-changing reality. The popularization of Marxist-Leninist sciences also contributes significantly to ensuring social stability and consensus. Educators - scientists in this field are provided with both material and spiritual conditions to promote their abilities, create intellectual products for the cause of national renewal, the industrialization process, national modernization and international integration.

Keywords: *Marxist-Leninist science, education, creativity*

PHÁT TRIỂN NỘI DUNG NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP HỌC THUYẾT KINH TẾ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

ThS, NCS. Phan Thị Ngọc Uyên

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: uyenptn@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 16/02/2023, ngày sửa bài: 10/03/2023, ngày chấp nhận: 03/04/2023

Tóm tắt: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Là hình thái ý thức xã hội, các học thuyết này được hình thành và phát triển trên cơ sở nền tư bản chủ nghĩa nhằm phản ánh thực trạng, bản chất của phương thức sản xuất này. Chủ nghĩa Mác – Lênin trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, được giảng dạy và học tập ở bậc giáo dục đại học. Trong thực tế, việc giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác – Lênin không đạt kết quả như mong đợi. Việc học tập môn học này trở nên “áp lực bài vở” đối với người học. Vì vậy, việc đổi mới việc giảng dạy và học tập các môn khoa học chủ nghĩa Mác – Lênin là nhiệm vụ cấp thiết trong các trường đại học hiện nay mà sự đổi mới đó trước hết phải bắt đầu từ sự đổi mới, bổ sung vào các học thuyết ấy những nội dung mới cho phù hợp với thực tiễn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: học thuyết kinh tế, chủ nghĩa Mác – Lênin, đổi mới nội dung, giảng dạy.

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin là cách thức góp phần củng cố cơ sở lý luận cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin, trong đó có các học thuyết kinh tế chủ nghĩa Mác – Lênin, có những lý luận chưa được cập nhật cho phù hợp với sự biến đổi của thực tiễn kinh tế - xã hội trên toàn thế giới, đặc biệt là những thay đổi sâu sắc về phương thức sản xuất trong thời đại kỹ thuật số. Vì vậy, bên cạnh sự cải tiến về phương pháp giảng dạy, học tập thì nhiệm vụ cấp thiết đầu tiên là phát triển nội dung các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần đưa lý luận về gần với thực tiễn, từ đó tăng tính hiệu quả giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin nói chung và các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và vai trò của nó đối với tiến trình cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, do Các Mác, Ăngghen sáng lập và Lênin phát triển, là kết quả tất yếu của phong trào đấu tranh của giai cấp

công nhân chống chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa Mác – Lênin từ khi ra đời đã nhanh chóng được tuyên truyền rộng rãi, trở thành vũ khí lý luận, giúp giai cấp công nhân giành được nhiều thắng lợi vĩ đại trong suốt hành trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ở Việt Nam, vào giữa đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, đến tháng 7 năm 1920, Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc được thể hiện trong Bản sơ thảo lần thứ nhất Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. “Đọc đi đọc lại nhiều lần, Người nhận thấy Luận cương của Lênin soi sáng con đường giải phóng dân tộc mình. Về sau, Người viết: “Luận Người *cương* của Lênin làm tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ và tin tưởng biết bao! Tôi xúc động phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta” [1]. Với việc tiếp cận, nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước, mà cả Người và các nhà yêu nước trước đó chưa tìm được.

Sẽ thiếu tính thuyết phục nếu như chúng ta cố chứng minh tầm ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin đến hành trình giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Việt Nam chỉ thuần túy thông qua lý luận. Lý luận ấy phải được nuôi dưỡng bằng thực tiễn cách mạng chân thật, sinh động trong suốt nửa đầu thế kỷ XX, hôm nay và cả mai sau. Từ đó, chúng ta khẳng định niềm tin vào chủ nghĩa Mác có đầy đủ cơ sở thực tiễn. Đó chính là những thành quả cách mạng từ khi có chủ nghĩa Mác – Lênin mà các hệ tư tưởng trước đây dù tồn tại lâu đời vẫn không làm thay đổi vận mệnh của dân tộc Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam đã từng trải qua nhiều hệ tư tưởng khác nhau từ thời đầu lập quốc. Đầu tiên phải kể đến là sự ngự trị của hệ tư tưởng Phật giáo từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Với tâm nguyện từ bi hỉ xả, chỉ ra con đường thoát khỏi vô minh và tìm đến an lạc hạnh phúc, Phật giáo sớm thu phục được ngày càng nhiều tín đồ theo đạo. Tuy nhiên, con đường giải thoát của Phật giáo lại siêu thực. Đúng với bản chất là một tôn giáo, Phật giáo thu phục lòng người vì đức tin. Đức tin ấy dần “ngắm” vào đời sống từng cá nhân trong cộng đồng và định hướng hành vi cho họ. Nhưng Phật giáo chưa đem lại sự thay đổi mang tính cách mạng trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tiếp đến là Nho giáo, một tôn giáo được truyền bá vào Việt Nam từ thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Sự truyền bá tư tưởng Nho giáo vào Việt Nam cùng với Hán ngữ là cách mà Nhà Tây Hán ở Trung Quốc thuần hóa Việt Nam về văn hóa, xã hội. Nho giáo là hệ tư tưởng phổ biến ở các nước phương Đông thời phong kiến mà các vị vua thường vận dụng để trị quốc. Mặc dù không thể phủ nhận rằng có nhiều triết lý Nho giáo có thể được vận dụng một cách sáng tạo ở Việt Nam, song nó cũng không làm nên sự thay đổi đáng kể nào trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Đến cuối thế kỷ XIX, hệ tư tưởng dân chủ tư sản cũng đã được các nhà yêu nước thời bấy giờ vận dụng nhưng vẫn không tìm giải quyết được sự khủng hoảng về con đường cứu nước. Riêng chủ nghĩa Mác – Lênin, chỉ mới trải qua một thập kỷ được truyền bá vào Việt

Nam giúp tạo nên những bước ngoặt quan trọng trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự kiện đầu tiên là sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng Việt Nam. Kế đến là thắng lợi vĩ đại của cách mạng tháng Tám năm 1945, đưa dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành một dân tộc độc lập, tự chủ. Đại thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lênin đã giúp Việt Nam hoàn thành cuộc chiến tranh vệ quốc kéo dài hơn một thế kỷ. Cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác – Lênin tiếp tục đồng hành cùng dân tộc Việt Nam và gặt hái những thắng lợi trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Như vậy, không phải vì những lý luận suông, những thành quả từ thực tiễn cách mạng là minh chứng đầy thuyết phục cho tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Và cũng những thành quả cách mạng này là lời giải thích cho việc lựa chọn chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cách mạng Việt Nam còn cả một chặng đường dài và đầy gian nan phía trước, nghĩa là chủ nghĩa Mác – Lênin còn là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam. Để chủ nghĩa Mác – Lênin ngày càng trở thành nền tảng lý luận vững chắc trong tương lai, cần phải tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong thế hệ trẻ. Chủ trương này được thực hiện bằng việc tổ chức giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin trong tất cả các trường đại học và cao đẳng trong cả nước.

2.2. Phát triển nội dung học thuyết kinh tế Mác – Lênin và sự ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin

Giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin là một trong những nhiệm vụ quan trọng để gìn giữ, củng cố và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin rộng rãi trong đời sống xã hội, đặc biệt là tầng lớp trí thức trẻ. Tuy nhiên, trong thực tế việc học tập khoa học Mác – Lênin lại là áp lực đối với người học. Đa phần họ học vì bị ép buộc chứ không vì yêu thích, thậm chí coi thường môn học này. Đây là chỉ đề cập đến việc học tập trên lớp, còn người học tự nguyện lựa chọn khoa học Mác – Lênin để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thì hầu như không.

Thực trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân: cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, tài liệu học tập nghiên cứu, sĩ số lớp học, môi trường thực tiễn để người học cảm thụ nội dung các học thuyết ... Trong phạm vi bài viết này, tác giả không phân tích mọi khía cạnh về thực trạng giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin mà chỉ đề cập đến sự đổi mới nội dung các học thuyết kinh tế Mác – Lênin. Đó là *học thuyết Giá trị* và *học thuyết Giá trị thặng dư* trong Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Theo quan điểm của tác giả, chính sự chậm trễ trong việc phát triển nội dung các học thuyết kinh tế Mác – Lênin trong thời đại mới là nguyên nhân cơ bản khiến người học có tâm lý thờ ơ, chán học. Điều này đã vô tình làm các lý luận trong học thuyết Mác – Lênin bị lạc hậu so với thực tiễn.

Có thể dẫn chứng một số nội dung trong hai học thuyết này:

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

Đầu tiên là học thuyết giá trị. Trong học thuyết này, Các Mác khẳng định, giá trị của hàng hóa do lao động của những người sản xuất hàng hóa tạo nên. Còn lưu thông hàng hóa không tạo nên giá trị, lưu thông chỉ làm nhiệm vụ thực hiện giá trị. Mác xây dựng học thuyết giá trị trong thế kỷ XIX, khi mà kinh tế hàng hóa – kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa chỉ phát triển ở một trình độ nhất định. Trong nền kinh tế đó, lưu thông chưa phát huy đầy đủ vai trò của nó trong quá trình tái sản xuất xã hội, nên trong học thuyết giá trị của Mác, lưu thông đơn thuần chỉ là việc thực hiện giá trị (chuyển hàng hóa thành tiền tệ và ngược lại). Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất đến trình độ rất cao, nền sản xuất xã hội đã tạo ra khối lượng sản phẩm không lồ, vượt nhu cầu tiêu dùng của xã hội, khủng hoảng sản xuất thừa là kết quả tất yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lúc này, lưu thông cần tăng cường vai trò của nó trong quá trình tái sản xuất xã hội. Để sản phẩm đến tay người tiêu dùng, ngoài việc bán hàng hóa, lưu thông phải đầu tư nghiên cứu thị trường, tăng cường công tác marketing, quảng cáo, chăm sóc khách hàng ... Những công việc này ngày càng trở thành những khâu không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nên ngày càng được thu hút được đông đảo lực lượng lao động xã hội tham gia. Nó tiêu hao nhiều thời gian lao động nên phải tạo ra giá trị. Cách hiểu máy móc vai trò của lưu thông sẽ tạo nên “khoảng cách” lớn giữa lý luận kinh tế của Mác với thực tiễn nền kinh tế hiện nay.

Trong học thuyết giá trị thặng dư, Các Mác đã làm sáng tỏ bản chất của giá trị thặng dư từ lý luận hàng hóa sức lao động. Giá trị thặng dư là kết quả của lao động thặng dư do giai cấp công nhân làm ra bị nhà tư bản chiếm đoạt. Sự sản xuất giá trị thặng dư ở thế kỷ XIX được tiến hành trong điều kiện lực lượng sản xuất phát triển chưa cao, công cụ sản xuất lạc hậu, sự hỗ trợ của máy móc thiết bị còn hạn chế, giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân đến tận cùng sức lao động của họ. Vì thế mà sự xung đột lợi ích kinh tế của hai giai cấp này thể hiện rõ ràng trong xã hội tư bản chủ nghĩa đến cuối thế kỷ XX. Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất phát triển rất cao, điều kiện sản xuất giá trị thặng dư theo đó cũng có những thay đổi nhất định. Máy móc hỗ trợ, thậm chí thay thế cho người lao động trong quá trình sản xuất, giảm thiểu sự vất vả, nặng nhọc trong lao động. Thêm vào đó, sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất, đặc biệt là quan hệ sở hữu (chuyển một phần quyền sở hữu các xí nghiệp cho giai cấp công nhân thông qua hình thức cổ phần) cải thiện đáng kể mối quan hệ giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân, sự xung đột giai cấp cũng giảm dần.

Chúng ta phải khẳng định bản chất của giá trị thặng dư trong điều kiện sản xuất mới không thay đổi. Tác giả chỉ đề cập đến sự thay đổi về mặt hình thức sản xuất giá trị thặng dư, nhưng nó cũng đã giảm nhẹ tính mâu thuẫn giai cấp. Vậy nên, sẽ rất không công bằng nếu chúng ta nhìn nhận hoạt động sản xuất giá trị thặng dư với thái độ tiêu cực. Ở Việt Nam, hoạt động của kinh tế tư nhân đã đóng góp rất nhiều vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Các doanh nhân ở Việt Nam có thành phần xuất thân khác với các nhà tư bản ở các nước tư bản chủ nghĩa, nên cũng cần nhìn nhận lại khi chúng ta “máy móc” gọi họ - chủ các doanh nghiệp tư nhân là “kẻ bóc lột”.

Cũng trong học thuyết giá trị thặng dư, các hình thái tư bản như tư bản thương nghiệp, tư bản ngân hàng, tư bản cho vay, tư bản kinh doanh trên thị trường chứng khoán (Mác gọi là tư bản giả) ... từ thế kỷ XIX đến giữa đầu thế kỷ XX chỉ là những hình thái tư bản gián tiếp được chia giá trị thặng dư tư bản tư bản công nghiệp. Trong thời đại ngày nay, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, các hình thái tư bản này ngày càng giữ vị trí quan trọng trong việc tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội và được gọi chung là các ngành dịch vụ. Nó tạo ra sản phẩm vô hình có giá trị gia tăng cao hơn các ngành sản xuất vật chất, thu hút lực lượng lao động trình độ cao và hao phí rất nhiều lao động phức tạp của xã hội. Trước hiện thực này, chúng ta cần phải nhìn nhận khách quan về vai trò của các hình thái tư bản gián tiếp tạo ra giá trị thặng dư.

Học thuyết Mác – Lênin thể hiện tư duy biện chứng. Người học tập và nghiên cứu Mác tất nhiên cũng phải mang tư duy biện chứng, phải biết phát triển nội dung học thuyết cho phù hợp với thực tiễn thời đại ngày nay. Xét trong mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học phản ánh tồn tại của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Những học thuyết khoa học ấy ra đời từ những năm 70 của thế kỷ XIX, nên so với biến đổi của thực tiễn nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thế kỷ XXI, nó không thể phản ánh đầy đủ hiện thực kinh tế khách quan, tất yếu bị lạc hậu so với hiện thực khách quan ấy.

Cộng hưởng với việc chậm trễ phát triển nội dung học thuyết là sự chậm trễ trong cải tiến tài liệu học tập, chủ yếu là Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Những tài liệu học tập môn học này hiện nay không khuyến khích được nhu cầu tự học tập nghiên cứu của người học. Theo chủ trương đổi mới giảng dạy và học tập khoa học Mác – Lênin của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Chủ trương này chỉ khả thi nếu những tài liệu học tập phục vụ việc tự học phải đa dạng, phong phú và dễ đọc, dễ hiểu. Song, thực tiễn thì ngược lại. Từ giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến giáo trình do các trường đại học biên soạn lại đều thể hiện dưới một hình thức đã từ lâu vẫn sử dụng. Đó là tóm tắt lại, thậm chí trích dẫn nguyên văn tác phẩm kinh điển, cuối mỗi chương có câu hỏi ôn tập dưới dạng trình bày, phân tích, chứng minh một vấn đề trong học thuyết. Các giáo trình hiện nay hầu như không có các bài đọc thêm, không đề cập những vấn đề phát sinh trong thực tiễn có mối liên hệ với học thuyết, hay những ví dụ minh họa lý thuyết.

Các học thuyết Mác – Lênin vốn có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa rất cao. Không phải người đọc nào cũng có khả năng cảm thụ được nội dung. Hình thức trong tài liệu “thiếu thân thiện” với người đọc, nên họ gặp rất nhiều khó khăn trong việc chuyển tải nội dung trong tài liệu thành kiến thức của mình. Khó khăn này khiến người đọc thiếu kiên nhẫn, dễ sinh chán nản, không còn muốn duy trì việc tự học, tự nghiên cứu.

3. Kết luận và kiến nghị

Về cơ bản, các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn phản ánh bản chất bên trong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Song, phương thức, hình thức của các hoạt động kinh tế đã thay đổi rất nhiều, nên tất yếu phải thay đổi lý luận. Ở đây cần nhấn

mạnh rằng sự thay đổi nội dung không có nghĩa là phủ nhận cái cốt lõi, cái tinh thần trong học thuyết kinh tế Mác – Lênin. Thay đổi lý luận kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin được hiểu là phát triển, bổ sung, làm lý luận ấy đầy đủ, hoàn thiện hơn so với thực tiễn. Để các học thuyết này có sức sống bền vững, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc, khoa học cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thực hiện việc đổi mới nội dung học thuyết kinh tế Mác – Lênin và nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp tham gia của nhiều ngành chức năng. Để thực hiện việc đổi mới, phát triển nội dung học thuyết kinh tế Mác – Lênin, tác giả đưa ra các kiến nghị sau:

Một là, tổ chức hội thảo khoa học ở tất cả các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, thu thập ý kiến của người dạy và người học để xác định nội dung, phương thức đổi mới. Đây là công đoạn tạo cơ sở để tiến hành đổi mới nội dung. Cần kiên trì thực hiện, không chỉ thực hiện theo hình thức, theo phong trào.

Hai là, tiến hành đổi mới, phát triển nội dung các học thuyết. Đây là giai đoạn quyết định chất lượng đổi mới. Mời các nhà khoa học Mác – Lênin trong nước và ngoài nước tham gia đóng góp ý kiến, bổ sung nội dung.

Ba là, bên cạnh việc phát triển nội dung học thuyết, cần phối hợp đổi mới hình thức tài liệu học tập, đặc biệt là giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin cho dễ hiểu, dễ tiếp thu, thân thiện, đáp ứng khả năng tự học của người học.

Bốn là, giao quyền chủ động trong việc lựa chọn hình thức, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người dạy. Khuyến khích hướng đánh giá mở, tăng cường các hình thức đánh giá có tính thực tiễn. khuyến khích người học đã học qua môn học này tham gia hội thảo khoa học để lắng nghe họ trình bày ý kiến, suy nghĩ, nguyện vọng, giúp cho việc đổi mới, phát triển học thuyết thực sự hướng đến mục tiêu phục vụ người học.

Như vậy, đổi mới, phát triển nội dung học thuyết kinh tế Mác – Lênin là tiền đề để nâng cao hiệu quả học tập học thuyết kinh tế Mác – Lênin nói riêng và toàn bộ học thuyết Mác – Lênin nói chung, góp phần đưa chủ nghĩa Mác – Lênin trở thành nền tảng tư tưởng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dùng cho các khối ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đại học quốc gia Hà Nội (2008). Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Lê Danh Tồn và Đỗ Thế Tùng (đồng chủ biên). *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tập II*. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

4. Đào Duy Anh (2003). *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*. Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014). *Giáo trình Những vấn đề cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb. Lý luận chính trị.
6. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014). *Giáo trình Những vấn đề cơ bản về cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Lý luận chính trị.

DEVELOPMENT OF CONTENTS TO IMPROVE TEACHING EFFICIENCY AND LEARNING THE ECONOMIC THEORETICAL MARXISM – LENINISM IN THE CURRENT CONTEXT

Phan Thi Ngoc Uyen

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: uyenptn@hufi.edu.vn

Submitted date: 16/02/2023, edited date: 10/03/2023, accepted date: 03/04/2023

Abstract: The economic theory of Marxism-Leninism is one of the three components of Marxism-Leninism. As a form of social consciousness, these theories were formed and developed on the basis of capitalism in order to reflect the reality and nature of this mode of production. Marxism-Leninism became the ideological foundation of the Communist Party of Vietnam, taught and studied at the higher education level. In fact, the teaching and learning of Marxism-Leninism did not achieve the expected results. The study of this subject becomes “classical pressure” for learners. Therefore, renewing the teaching and learning of Marxist-Leninist science subjects is an urgent task in today's universities. into those theories with new contents to suit the reality of the socialist-oriented market economy in Vietnam today.

Keywords: economic theory, Marxism-Leninism, content innovation, teaching.

**VẬN DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH
TRỊ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**
ThS, NCS. Huỳnh Tuấn Linh

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: linhht@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 15/02/2023, ngày sửa bài: 21/03/2023, ngày chấp nhận: 02/04/2023

Tóm tắt: *Dạy học các môn lý luận chính trị mang nặng tính lý luận, hàn lâm rất khó nhớ, khó học, cho nên trong quá trình truyền đạt kiến thức, người dạy cần áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, nhằm tạo sự thu hút cho môn học, đồng thời giúp người học tiếp cận vấn đề dễ dàng nhất. Áp dụng bản đồ tư duy vào trong quá trình dạy học các môn lý luận chính trị là một phương pháp hiệu quả giúp nâng cao chất lượng; Giúp người học tiếp cận và ghi nhớ nội dung môn học dễ dàng hơn. Chính vì vậy, phát triển và mở rộng hơn nữa việc áp dụng bản đồ tư duy vào quá trình dạy học các môn lý luận chính trị trong các trường Đại học và Cao đẳng ở Việt Nam là việc làm cần thiết hơn bao giờ hết.*

Từ khóa: *bản đồ tư duy, lý luận chính trị, sinh viên.*

I. Đặt vấn đề

Đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, bên cạnh đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì việc giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn là nhiệm vụ hàng đầu. Giáo dục đào tạo có sứ mệnh hàng đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ đó. Trong những năm qua, ngành giáo dục đào tạo không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt áp dụng nhiều phương pháp dạy học mới vào học tập lý luận chính trị. Bằng thực tế kiểm nghiệm, bản đồ tư duy chính là phương pháp dạy hữu hiệu mang lại hiệu quả thiết thực cho người học lý luận chính trị. Đồng thời giúp giảng viên truyền tải nội dung chính trị chặt chẽ có sức lôi cuốn hơn đối với người học. Vì vậy cần áp dụng bản đồ tư vào quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị một cách phổ biến hơn, giúp nâng cao chất lượng môn giáo dục chính trị mục tiêu cuối cùng là đào tạo nên thế hệ trẻ vừa có chuyên môn tay nghề cao, vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng.

II. Nội dung

1. Lý luận chung về giáo dục các môn lý luận chính trị và bản đồ tư duy

Theo chương trình giáo dục các môn lý luận chính trị, đối tượng dạy học là sinh viên theo học tại các trường Đại học và Cao đẳng trên cả nước. Giáo dục các môn lý luận chính trị là bộ phận của khoa học chính trị, bộ phận công tác tư tưởng của Đảng, có nội dung chủ yếu là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị, niềm

tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của đất nước. Giáo dục lý luận chính trị là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng. Môn học là một thể thống nhất, làm rõ vai trò chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam. Nhận thức tầm quan trọng đó, môn giáo dục lý luận chính trị đã được đưa vào giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam. Với đặc điểm là môn học mang tính lý luận cao đòi hỏi người học ghi nhớ rất nhiều, vì vậy người giảng nếu không khéo léo trong quá trình truyền đạt kiến thức, sẽ rất dễ “gây ngợp”, từ gây gộp rất dễ đến “gây mê”, “gây ngán” cho học sinh. Giảng dạy bằng bản đồ tư duy chính là một trong những cách thức giúp giáo viên môn giáo dục chính trị nói riêng và những giáo viên giảng dạy các môn lý luận khác nói chung truyền đạt hiệu quả hơn và gây hứng thú hơn cho người học, đồng thời hướng dẫn cho người học hiểu nhanh hơn.

Bản đồ tư duy hay sơ đồ tư duy được hiểu như thế nào, theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia thì: “Bản đồ tư duy là phương pháp được đưa ra như là một phương tiện mạnh mẽ tận dụng khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não. Đây là cách để ghi nhớ chi tiết, để tổng hợp, hay để phân tích một vấn đề ra thành một dạng của lược đồ phân nhánh”. Như vậy, bản đồ tư duy chính là biểu hiện một vấn đề dưới dạng một hình với các ý được phân chia theo mức độ từ ý lớn đến ý nhỏ, trong đó các ý liên hệ với nhau bằng các đường nối. Với cách thức đó, các dữ liệu được ghi nhớ và nhìn nhận dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn. Thay vì dùng chữ viết để miêu tả một chiều, bản đồ tư duy biểu thị toàn bộ cấu trúc chi tiết của một đối tượng, một nội dung bằng hình ảnh hai chiều. Một theo chiều dọc của cấp độ các ý, từ ý chính đến ý phụ, một mặt nó chỉ ra liên hệ giữa các ý có cùng cấp độ.

Áp dụng bản đồ tư duy trong dạy giáo dục lý luận chính trị giúp người học nắm bắt bài học được nhanh hơn, thông qua việc nắm bắt ý chính, ý cơ bản, các nội dung chính của vấn đề, sự liên hệ của các ý, bên cạnh đó việc áp dụng bản đồ tư duy trong khi dạy cũng tạo ra sự logic của bài giảng hơn rất nhiều, gây sức lôi cuốn cho người học. Qua đó phát huy đồng bộ của các thành tố trong các phương pháp dạy học tích cực (người dạy – người học – học liệu – môi trường), khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ áp đặt một chiều, đặc biệt chú trọng dạy cách học, phương pháp tự học để người học có thể học tập suốt đời. Người học sẽ tự chủ động tích cực chuẩn bị bài, nắm bắt bài học, sẽ dễ học, dễ nhớ hơn thay vì cách học từng chữ, từng đoạn văn như trước đây.

2. Thực trạng áp dụng bản đồ tư duy trong dạy học các môn lý luận chính trị ở Việt Nam

Nhận thấy vai trò tích cực trong việc áp dụng bản đồ tư duy vào dạy học, nhất là đối với các môn lý luận, mang tính học thuật. Vì vậy, trên thế giới việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong các môn học đã phổ biến, trở thành kỹ năng của người dạy và người học. Còn ở Việt Nam, việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong giảng dạy các môn học đặc biệt là những môn nặng tính lý luận như giáo dục lý luận chính trị không còn mới mẻ và đã được áp dụng.

Tuy nhiên việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong quá trình giảng dạy môn lý luận chính trị còn nhiều hạn chế, chưa được phổ biến rộng rãi, việc áp dụng chỉ mang tính cá nhân của người dạy. Phương pháp này có lẽ đã được nhiều người Việt biết đến nhưng nó chưa bao giờ được hệ thống và phổ biến chính thức trong nước mà chỉ được dùng tản mạn trong giới sinh viên học sinh trước các mùa thi. Ngay cả việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong quá trình giảng dạy, cũng còn có nhiều ý kiến trái chiều. Đối với những người vốn quen với cách giảng dạy cũ họ rất khó chấp nhận cách giảng dạy này. Điều này chúng ta thấy rất rõ trong các đợt thi giáo viên dạy giỏi của các học phần thuộc môn chính trị tại các đơn vị từ cấp cơ sở đến các cấp cao hơn như thi ở cấp Bộ. Chúng ta vẫn thấy ở các cuộc thi này, thầy cô vẫn giảng theo những khuôn mẫu hình thức cũ theo các chương các mục rồi tiểu tiết, chưa có một giáo viên nào áp dụng phương pháp bản đồ tư duy để đưa lên bài giảng của mình. Nếu có, chẳng qua chỉ đưa vào những phần nhỏ trong các mục hoặc đưa vào qua các đáp án của câu hỏi.

Từ đó cho thấy việc áp dụng bản đồ tư duy vào dạy học các môn lý luận chính trị còn hạn chế. Để việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong quá trình giảng dạy trở nên phổ biến và hiệu quả hơn. Tác giả bài báo có đề xuất một số giải pháp cơ bản như sau.

3. Một số giải pháp góp phần góp phần phổ biến việc áp dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Thứ nhất cần đổi mới nhận thức của người dạy, bản thân người dạy phải thấy được tính hiệu quả của việc áp dụng bản đồ tư duy trong việc giảng dạy các môn lý luận chính trị so với các phương pháp giảng dạy truyền thống. Từ đó, tự bản thân người dạy sẽ thấy việc áp dụng bản đồ tư duy trong quá trình giảng dạy là cần thiết, là xuất phát từ nhu cầu tự bản thân. Có như vậy, người dạy sẽ tự mình nghiên cứu áp dụng cho bài dạy của mình một cách linh hoạt nhất.

Thứ hai, bản thân những người cầm cân nảy mực trong các cuộc thi về giáo viên dạy giỏi các môn thuộc học phần giáo dục chính trị cũng cần có cái nhìn khách quan, bên cạnh đó cần khuyến khích cho người dạy tiếp thu cái mới, áp dụng những phương pháp mới vào các cuộc thi. Có như vậy, người dạy mới dung cảm áp dụng các phương pháp mới, nhất là phương pháp bản đồ tư duy trong thực tiễn dạy và học. Việc áp dụng bản đồ tư duy vào trong quá trình giảng dạy là một trong các phương pháp dạy học cần được khuyến khích. Có như vậy, bản thân người dạy mới mạnh dạn nghiên cứu bài và áp dụng bản đồ tư duy vào trong giảng dạy, cũng như các cuộc thi đánh giá năng lực của giảng viên.

Thứ ba, Cơ sở đào tạo cần có sự quan tâm đúng mức đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Thường xuyên mở các buổi tọa đàm, giao lưu, các chương trình tập huấn giới thiệu các phương pháp dạy học tích cực mới, trong đó có phương pháp giảng dạy bằng bản đồ tư duy, vào nhiệm vụ hàng năm của các trường học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên.

Thứ 4, Để phát huy hơn nữa tinh thần tích cực, sáng tạo trong dạy và học, các cơ sở giáo dục, đào tạo cần mở các cuộc thi về thiết kế bản đồ tư duy trong giảng dạy các môn giáo dục chính trị tại các trường. Từ đó, tìm ra những giảng viên dám nghĩ, dám làm, dám áp dụng những phương pháp mới trong dạy và học. Bên cạnh đó, có những hoạt động khen thưởng xứng đáng cho những cá nhân đi đầu trong việc đổi mới hoạt động dạy học.

Thứ 5, đổi tư duy người học, để người học nhận thấy cách tiếp cận bài học theo bản đồ tư duy thật sự hiệu quả và có ích với họ. Từ đó, người học sẽ hứng khởi trong việc tiếp nhận cách giảng dạy mới. Người học cũng sẽ tự chủ động trong việc chuẩn bị bài và học bài.

III. Kết luận

Áp dụng bản đồ tư duy vào quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị chính là một phương pháp giảng dạy tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học, tạo nên sự logic trong quá trình giảng dạy, đồng thời giúp người học nắm bắt nắm bắt nội dung chính của bài học. Qua đó người học sẽ thêm hứng thú với môn học, yêu thích môn học, từ đó lĩnh hội và thấm nhuần nội dung chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để họ trở thành những người công dân có ích cho xã hội, người chủ tương lai của đất nước với bản lĩnh chính trị vững vàng.

Tài liệu tham khảo

1. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ khóa XIII, tập 1,2*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Alpha Books (Biên soạn), Nguyễn Thụy Khánh Chương (Chủ biên) (2019), *Bản đồ tư duy trong thuyết trình*, Nxb. Dân trí.
7. Trần Chánh Nguyên (dịch), (2019), *Sắp xếp ý tưởng với sơ đồ tư duy*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Nhiên (dịch), (2022), *Ứng dụng bản đồ tư duy trong công việc*, Nxb. Đại học kinh tế quốc dân.

APPLYING MIND MAPS IN TEACHING POLITICAL THEORETICAL SUBJECTS TO ENHANCE TEACHING QUALITY IN VIETNAM NOW

Huynh Tuan Linh

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: linhht@hufi.edu.vn

Submitted date: 15/02/2023, edited date: 21/03/2023, accepted date: 02/04/2023

Abstract: *Teaching theoretical and academic political theory subjects is difficult to remember, difficult to learn, so in the process of imparting knowledge, teachers need to apply many different teaching methods, in order to create a attractive for the subject, and at the same time help learners approach the problem most easily. Applying mind maps in the teaching process of political theory subjects is an effective method to improve quality; Help learners access and remember subject content more easily. Therefore, developing and further expanding the application of mind maps to the teaching process of political theory subjects in universities and colleges in Vietnam is more necessary than ever.*

Keywords: *mind maps, political theory, students.*

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC, GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ÁP DỤNG Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TS. Mai Quốc Dũng

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: dungmq@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 19/02/2023, ngày sửa bài: 16/03/2023, ngày chấp nhận: 06/04/2023

Tóm tắt: Trong dạy học lý luận chính trị, một nguyên tắc quan trọng là phải gắn lý luận với thực tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào công việc thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”. Để gắn lý luận với thực tế, vai trò của người giảng viên trong dạy học lý luận chính trị rất quan trọng. Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy lý luận chính trị là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học thông qua việc phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; lấy người học làm trung tâm; giúp người học tiếp tục tự học, bổ sung, mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện về phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn.

Từ khóa: phương pháp, dạy học, tích cực, lý luận chính trị, đại học.

1. Đặt vấn đề

Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm công tác giáo dục lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức, giác ngộ lý tưởng cách mạng, thống nhất ý chí và hành động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng mỗi thời kỳ. Công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị cho sinh viên là vô cùng quan trọng, vì vậy các chương trình giáo dục đại học trong nước đều có các môn lý luận chính trị. Mục đích của các chương trình đào tạo là đặt nền móng cho việc xây dựng lập trường, bản lĩnh chính trị cho thanh niên trước khi bước vào đời. Tuy nhiên, khi vào trường đại học, nhiều sinh viên không hứng thú với các môn học vừa “khó”, vừa “khô” này, dần đến khiến thức không vững, không biết vận dụng thực tiễn nên không thấy được giá trị của chúng trong cuộc sống hàng ngày. Vì không thấy được lợi ích, lại “hổng” kiến thức nền tảng dẫn đến không hiểu bản chất lý luận chính trị, từ đó cảm thấy nhàm chán, ngại học, thậm chí sợ học lý luận chính trị. Tình trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân xuất phát từ đội ngũ giảng viên chưa đổi mới hoặc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa quyết liệt.

Công tác giảng dạy của giảng viên lý luận chính trị ở các trường đại học đã có nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của môn học, đã thường xuyên tìm các giải pháp nâng cao chất lượng môn học, đặc biệt chú trọng việc cụ thể hóa lý luận, đã gắn lý luận với thực tiễn, làm

cho chất lượng các môn lý luận được giữ vững và nâng cao, nhiều bài giảng hay thu hút được sự quan tâm, chú ý, tích cực học tập của người học. Tuy vậy, không ít giảng viên mới chỉ trang bị đủ kiến thức cơ bản mà ít đưa các yếu tố thực tiễn vào để phân tích, định hướng tư tưởng và hướng dẫn hành động cho sinh viên. Dẫn đến, nhiều bài giảng thiếu sức sống, không thuyết phục, không theo kịp sự vận động của thực tiễn đang là một hiện tượng khá phổ biến hiện nay. Thực trạng này đặt ra cần phải đổi mới công tác giảng dạy theo phương pháp tích cực, gắn lý luận với thực tiễn.

2. Thực trạng việc dạy và học các môn lý luận chính trị của sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi” [5, 273-274]; “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp” [6, 357].

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đả độn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” đã tiếp tục khẳng định: “Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [4] là một trong những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị. Đây chính là mầm mống của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Điều đó đã khẳng định, trong mọi giai đoạn cách mạng, việc học tập lý luận chính trị có vai trò và ý nghĩa quan trọng, nhất là trong giai đoạn hiện nay, việc nghiên cứu và học tập lý luận chính trị là một yêu cầu cần thiết và cấp bách, thường xuyên và lâu dài đối với mỗi người.

Trong thời gian qua, mặc dù Đảng và Nhà nước rất quan tâm và coi trọng giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng, tuy nhiên, việc dạy và học tập các môn lý luận chính trị còn chưa tương xứng, còn nhiều vấn đề bất cập...

Một là, đặc thù các môn lý luận chính trị có tính trừu tượng, lại nặng về lý thuyết hàn lâm, làm cho sinh viên ngại học

Thực tiễn đã có nhiều thay đổi, nhưng trong nội dung các môn lý luận chính trị vẫn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề về kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền, hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức... còn rất mờ nhạt, làm cho sinh viên cảm thấy khô khan, khó hiểu, xa rời thực tiễn. Điều đó dẫn tới việc sinh viên đã ngại học càng trở nên “nản học” các môn lý luận chính trị.

Giáo trình và tài liệu học tập được biên soạn lại theo một chương trình khung và chuẩn quốc gia. Các kiến thức được bố trí theo kiểu “nhồi nhét” và “chật trội”. Tính gợi mở, tính mềm hóa bị thủ tiêu, làm cho người học khó lĩnh hội kiến thức.

Hai là, trình độ và phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị còn nhiều hạn chế

Hiện nay đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị còn mỏng và số lượng, hạn chế về chất lượng. Rất nhiều trường không có đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn lý luận chính trị đáp ứng đủ thời lượng quy định theo chương trình khung, các trường “chấp vá” bằng cách mời giảng viên thỉnh giảng, tuy vậy có những môn như Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh không có giảng viên đúng chuyên ngành. Khối lượng giảng dạy lớn, đội ngũ giảng viên hạn chế dẫn tới thực tế là giảng viên dạy các môn lý luận chính trị thường chỉ được đào tạo chuyên sâu một chuyên ngành, nhưng họ phải dạy cả những môn trái chuyên ngành. Mặc dù có những giảng viên chủ động đi tập huấn kiến thức. Song dù có chứng chỉ bồi dưỡng, giảng viên vẫn không có được kiến thức chuyên sâu. Một khi người dạy hiểu chưa sâu sắc thì không thể truyền thụ và giúp sinh viên hiểu sâu sắc về kiến thức môn học. Nhiều giảng viên dạy trái chuyên môn có tâm lý “chán nản”; không tâm huyết với nhiệm vụ [2].

Để giảng dạy lý luận tốt, các giảng viên phải có trình độ lý luận; đồng thời cần có vốn sống, vốn hiểu biết xã hội dày dặn; không chỉ có kinh nghiệm thực tiễn và mà còn cần có tư duy trừu tượng hóa, khái quát hóa.

Bên cạnh nhiều giảng viên đã sử dụng tốt giáo án điện tử, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, phim tư liệu; seminar, thảo luận vẫn còn một bộ phận không nhỏ giảng viên còn chậm đổi mới phương pháp. Một số giảng viên sử dụng giáo án điện tử chưa hiệu quả, theo kiểu chiếu chữ trên màn hình. Ở một số trường, cơ sở vật chất thiếu thốn, không có máy tính, máy chiếu, loa, tài liệu học tập... nên giảng viên khó áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực. Tình trạng thầy cô đọc, trò chép vẫn còn nhiều. Giờ học thiếu tính đối thoại làm cho các tiết giảng trở nên nhàm chán, sinh viên không hứng thú học tập.

Ba là, sinh viên thiếu hụt nền tảng kiến thức lịch sử, xã hội và ít trải nghiệm thực tiễn

Để học tốt các môn lý luận chính trị, đòi hỏi sinh viên phải có nền tảng kiến thức khoa học xã hội. Tuy nhiên, trong những năm gần đây sinh viên phổ thông ít quan tâm đến các môn khoa học xã hội, nhất là môn lịch sử, trừ một số sinh viên chọn khối thi đại học có các môn xã hội. Lỗ hổng về kiến thức xã hội ở phổ thông là một trở lực để các em sinh viên có thể tiếp thu kiến thức các môn lý luận chính trị.

Bên cạnh thiếu nền tảng kiến thức xã hội, sinh viên Việt Nam còn ít trải nghiệm thực tiễn, ít hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế và trong nước nên càng khó khăn hơn khi học tập lý luận chính trị.

Bốn là, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu; sự thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, trong khi chủ nghĩa tư bản ở nhiều nước đạt được những thành tựu to lớn làm cho niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần học tập lý luận chính trị trong sinh viên suy giảm

Từ năm 1991 hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế gặp nhiều khó khăn và lâm vào thoái trào. Một số nước trên thế giới kiên định chế độ xã hội chủ nghĩa cũng gặp không ít khó khăn trên tiến trình cách mạng của mình. Ngoại trừ Trung Quốc đang vươn lên trở thành một cường quốc; Việt Nam và Lào mặc dù đạt được một số thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước, song vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách; Cuba có thời gian dài phải thắt lưng buộc bụng bằng chế độ bao cấp trong sự bao vây, cấm vận của Mỹ; Venezuela đang lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Trong khi đó, hệ thống tư bản chủ nghĩa (bên cạnh những rối ren, những mâu thuẫn và nhiều mất mát xích bị khủng hoảng) vẫn còn sức sống, thậm chí một số nước châu Âu, Bắc Âu... đã có sự phát triển vượt trội không chỉ về kinh tế mà cả những giá trị nhân văn. Theo kết quả nghiên cứu các tổ chức uy tín của thế giới, những nước thuộc top đầu về đáng sống nhất thế giới là Thụy Sĩ, Canada, Đức, Anh, Thụy Điển, Nhật Bản...; những nước hạnh phúc nhất thế giới cũng là Na Uy, Đan Mạch, Iceland và Phần Lan... Bên cạnh đó, các thế lực phản động dùng các chiêu bài gọi là “Diễn biến hòa bình” thường xuyên chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa và con đường cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Những tác động đó khiến nhiều sinh viên nảy sinh tư tưởng sùng bái phương Tây; xem nhẹ, thậm chí mất niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa và con đường cách mạng của dân tộc ta. Điều đó dẫn tới tinh thần học tập các môn lý luận chính trị của sinh viên bị suy giảm [2].

Năm là, công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém, bất cập cũng ảnh hưởng tới niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần học tập lý luận chính trị của sinh viên

Sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng tự hào. Đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng và đang trên đà phát triển. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp nên thành quả mà chúng ta đạt được còn chưa bắt kịp được với xu thế phát triển như vũ bão về kinh tế, xã hội toàn cầu. Nhiều mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình công nghiệp hóa thời kỳ đầu và hội nhập quốc tế đã nảy sinh, như: tình trạng phân hóa giàu nghèo ra tăng; nạn tham nhũng, quan liêu trở thành gánh nặng xã hội; tình trạng suy thoái về đạo đức xã hội, tình trạng mất dân chủ, tình trạng người lao động bị bóc lột, nạn thất nghiệp... xuất hiện ngày càng nhiều.

Trong bối cảnh như vậy, tư tưởng của sinh viên cũng bị ảnh hưởng làm cho họ bị mất phương hướng và định hướng giá trị. Niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa vì thế bị tác động, sinh viên vốn đã không thích học các môn lý luận chính trị nay lại càng suy giảm động lực để tiếp thu kiến thức các môn học này.

3. Đề xuất một số hình thức của phương pháp giảng dạy tích cực, gắn lý luận với thực tiễn

Trong quá trình nghiên cứu, soạn giảng có một số loại hình phương pháp giảng dạy tích cực cơ bản được đội ngũ giảng viên nhà trường áp dụng phổ biến trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay là:

Một là, phương pháp Nêu ý kiến ghi lên bảng: Là một trong những phương pháp giảng dạy có vai trò tích cực trong việc thúc đẩy sinh viên tham gia học tập – một trong những yếu tố quan trọng tạo nên hiệu quả của một giờ giảng tốt.

Đây là phương pháp áp dụng với một câu hỏi có nhiều phương án trả lời. mục đích là thu thập được nhiều ý kiến, nhiều thông tin từ phía người học nhằm kiểm tra kiến thức của họ, đồng thời có thể định hướng vào bài giảng.

Phương pháp nêu ý kiến lên bảng rất dễ áp dụng lại không tốn kém, chỉ cần một chiếc bảng và viên phấn hay cây bút dạ là có thể được thực hiện hiệu quả, phương pháp này phát huy được tính tích cực, tư duy độc lập, sáng tạo của người học và qua sự khuyến khích, động viên của người dạy nó sẽ làm thay đổi không khí lớp học khi người dạy đã trải qua một thời gian thuyết trình khá lâu.

Lưu ý, câu hỏi phải dễ hiểu, mang tính mở; Sự vui tươi của giảng viên sẽ tạo nên bầu khí thoải mái, thân thiện; Cần khéo léo tạo một cao trào thứ hai khi nhận thấy các ý kiến bắt đầu ít đi; Mở rộng tầm quán xuyến để khuyến khích cả lớp cùng tham gia; Giáo viên có thể bổ sung ý kiến nếu người học phát biểu còn thiếu; Nêu ý kiến đến mức kín bảng thì giảng viên phải chuẩn bị giấy khổ lớn để người ghi bảng viết tiếp; Sau mỗi câu trả lời của người học, giảng viên nên cảm ơn khích lệ. nếu người học đưa ra nhiều câu trả lời, thì cứ sau một câu, giảng viên nên gật đầu để thể hiện sự khích lệ; Không áp dụng nhiều lần đối với phương pháp này trong một buổi học; Thời gian thực hiện phương pháp này không kéo dài 15 phút [1].

Hai là, phương pháp Tình huống: Là đưa ra các tình huống (có thật hoặc giả định) chứa đựng nội dung bài giảng để sinh viên tự phân tích tìm hướng giải quyết, qua đó truyền tải các nội dung bài giảng đến sinh viên một cách sinh động, sâu sắc, giúp sinh viên tự nhận thức được vấn đề một cách dễ dàng, chủ động và hứng thú hơn.

Phương pháp tình huống là phương pháp dạy học dựa vào các sự kiện, sự việc đã hoặc đang diễn ra trong thực tế. Phương pháp này dựa trên cơ sở lý thuyết kiến tạo và hướng tới mục tiêu: giáo dục là sự chuẩn bị cho việc giải quyết các tình huống cuộc sống. Học tập thông qua giải quyết các tình huống giúp sinh viên tiếp nhận tri thức một cách chủ động, có chiến lược, có thể vận dụng linh hoạt những kiến thức và kỹ năng đã học, phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

Dạy học theo tình huống ở cấp độ thấp, sinh viên dựa vào lý thuyết để phân tích tình huống, hiểu và phát hiện được vấn đề trong tình huống, giảng viên là người cung cấp tri thức, hướng dẫn làm việc nhóm mô phỏng quan hệ mang tính xã hội. Như vậy, vai trò của giảng viên vẫn là chủ đạo. Ở cấp độ cao, vai trò của người giảng viên chỉ là hướng dẫn, còn sinh viên tiếp thu, vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua làm việc nhóm hoặc tự đặt mình vào tình huống để giải quyết vấn đề. Như vậy, phương pháp này giúp sinh viên làm quen với các vấn đề trong thực tiễn, phát triển khả năng tư duy, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

Vấn đề cơ bản của phương pháp tình huống là phải tìm được tình huống tốt. Tình huống xuất phát từ thực tế và được chỉnh sửa để mang tính điển hình, phục vụ tốt cho mục tiêu dạy học, có thể giúp sinh viên hiểu và vận dụng tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo. Thông qua làm việc với các tình huống, sinh viên phát triển các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh và trình bày được ý tưởng của mình, từ đó, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hình thức của tình huống khá đa dạng, có thể là một đoạn clip, một đoạn kịch ngắn tranh ảnh, một đoạn ghi âm, nhưng thông dụng nhất là một đoạn văn [1].

Ba là, phương pháp Hỏi – Đáp: Là phương pháp nhằm khuyến khích sự năng động, sáng tạo của sinh viên trong lớp học, huy động được các kỹ năng tư duy, phân tích và trình bày của sinh viên, hơn thế nữa phương pháp này còn có thể sử dụng kết hợp với một số phương pháp khác nhằm thay đổi không khí lớp học, tạo sự hứng khởi cho sinh viên.

Hỏi- đáp (còn gọi là vấn đáp) là phương pháp giảng viên đặt câu hỏi và sinh viên trả lời câu hỏi (hoặc ngược lại), nhằm rút ra những kết luận, những tri thức mới mà sinh viên cần nắm, hoặc nhằm tổng kết, củng cố, kiểm tra mở rộng, đào sâu những tri thức mà sinh viên đã học. Phương pháp đặt câu hỏi vấn đáp cung cấp rất nhiều thông tin chính thức và không chính thức về sinh viên. Việc làm chủ, thành thạo các kỹ thuật đặt câu hỏi đặc biệt có ích trong khi dạy học.

Việc hỏi sinh viên rất có ích trong khi dạy học, nhất là khi cần ôn lại một chủ đề trước đó, suy nghĩ về một chủ đề mới, xem sinh viên có hiểu bài hay không và thu hút sự chú ý của một sinh viên nào đó đang mất tập trung. giảng viên có thể thu thập được thông tin mình muốn mà không cần đến bất kì một loại đánh giá viết nào. Vấn đáp là một đặc trưng rất phổ biến của mọi lớp học và sau mỗi bài giảng, đây là hoạt động dạy học thường dùng nhất. Thi vấn đáp cũng được áp dụng trong các lĩnh vực như ngoại ngữ, diễn thuyết và âm nhạc...

Tuỳ theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tuỳ theo mục đích, nội dung của bài, người ta phân biệt những dạng vấn đáp cơ bản sau: Hỏi – đáp gợi mở: là hình thức giảng viên khéo léo đặt những câu hỏi gợi mở dẫn dắt sinh viên rút ra những nhận xét, những kết luận cần thiết từ những sự kiện đã quan sát được hoặc những tài liệu đã học được, được sử dụng khi cung cấp tri thức mới. Hình thức này có tác dụng khơi gợi tính tích cực của sinh viên rất mạnh, nhưng cũng đòi hỏi giảng viên phải khéo léo, tránh đi đường vòng, lan man, xa vấn đề; Hỏi – đáp củng cố: Được sử dụng sau khi giảng tri thức mới, giúp sinh viên củng cố được những tri thức cơ bản nhất và hệ thống hoá chúng: mở rộng và đào sâu những tri thức đã thu lượm được, khắc phục tính thiếu chính xác của việc nắm tri thức; Hỏi – đáp tổng kết: được sử dụng khi cần dẫn dắt sinh viên khái quát hoá, hệ thống hoá những tri thức đã học sau một vấn đề, một phần, một chương hay một môn học nhất định. Phương pháp này giúp sinh viên phát triển năng lực khái quát hoá, hệ thống hoá, tránh nắm bắt những đơn vị tri thức rời rạc – giúp cho các em phát huy tính mềm dẻo của tư duy; Hỏi – đáp kiểm tra: được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng hoặc sau một vài bài học giúp giảng viên kiểm tra tri thức sinh viên một cách nhanh gọn kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Nó cũng giúp sinh viên tự kiểm tra tri thức của mình.

Như vậy là tùy vào mục đích và nội dung bài học, giảng viên có thể sử dụng 1 trong 4 hoặc cả 4 dạng phương pháp vấn đáp nêu trên. Ví dụ khi dạy bài mới giảng viên dùng dạng vấn đáp gợi mở, sau khi đã cung cấp tri thức mới dùng vấn đáp củng cố để đảm bảo sinh viên nắm chắc và đầy đủ tri thức. Cuối giờ dùng vấn đáp kiểm tra để có thông tin ngược kịp thời từ phía sinh viên [1].

Bốn là, phương pháp Làm việc nhóm: Là phương pháp giúp tăng cường tư duy độc lập và trao đổi lẫn nhau trong nhóm.

Dạy học nhóm là một hình thức xã hội của dạy học, trong đó sinh viên của một lớp học được chia thành các nhóm nhỏ. Trong khoảng thời gian giới hạn, mỗi nhóm tự lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công và hợp tác làm việc. Kết quả làm việc của nhóm được trình bày và đánh giá trước toàn lớp. Dạy học theo nhóm nhỏ là một hình thức xã hội, hay là hình thức hợp tác của dạy học. Dạy học nhóm thường được áp dụng để đi sâu, vận dụng, luyện tập, củng cố nhưng cũng có thể để tìm hiểu một nội dung mới.

Dạy học nhóm được đánh giá là một phương pháp tích cực, hướng vào sinh viên, phát huy cao độ khả năng hợp tác, giúp đỡ học tập lẫn nhau. Hoạt động trong tập thể nhóm sẽ làm cho từng thành viên quen dần với sự phân công lao động trong xã hội, phát triển tình bạn, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cộng đồng. Việc sử dụng phương pháp học nhóm trong giảng dạy không phải là một vấn đề mới, tuy nhiên vận dụng như thế nào để mang lại hiệu quả cao nhất, đó là vấn đề khó.

Dạy học nhóm cho phép các thành viên trong nhóm chia sẻ những băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng phương pháp nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang suy nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy được mình cần học hỏi thêm những gì. Bài học trở thành quá trình học hỏi lẫn nhau chứ không phải chỉ là sự tiếp nhận thụ động từ giảng viên. Vì vậy phương pháp này còn được gọi là phương pháp cùng nhau tham gia.

Phương pháp này đòi hỏi giảng viên phải am hiểu sâu sắc nội dung dạy học, làm chủ kiến thức, biết chế biến nó theo ý đồ sư phạm và biết cách truyền tải nó đến với sinh viên. Giảng viên phải có khả năng giảng dạy, lòng nhiệt thành. Phải biết không ngừng cập nhật thông tin mới và biết vận dụng nó vào công tác giảng dạy của mình. Có như vậy, giảng viên mới có thể giúp sinh viên tích cực, chủ động, phát huy khả năng sáng tạo trong quá trình học tập. Giảng viên có nhiều kiến thức, có nhiều cách tổ chức và trình bày ngắn gọn, sáng tỏ cùng với sự nhiệt tình trong thảo luận nhóm sẽ tạo điều kiện truyền đạt kiến thức cho sinh viên một cách hiệu quả và thành công [1].

Năm là, phương pháp Phỏng vấn nhanh: Là phương pháp giảng viên thu thập nhanh thông tin về vấn đề nên có nội dung đơn giản, ngắn gọn.

Đây là phương pháp giảng viên sử dụng để nắm bắt nhanh câu trả lời và thu hút sự chú ý của người học vào nội dung bài giảng. Phỏng vấn nhanh không mất nhiều thời gian nhưng

tạo sự giao tiếp năng động, làm cho không khí lớp học hứng thú hơn. Phương pháp này cũng có thể giúp giảng viên thăm dò hiểu biết của người học về một vấn đề nhất định.

Phương pháp này không mất nhiều thời gian (khoảng 1~3 phút), có thể sử dụng trong nhiều thời điểm, giảng viên chủ động trong quá trình vận dụng. Đây là phương pháp có thể dùng kết hợp với các phương pháp khác để tạo không khí và hiệu quả giảng dạy.

Giảng viên chỉ nêu 1 câu hỏi để nhiều sinh viên trả lời, không hỏi thêm, không bình luận. Mỗi sinh viên chỉ trả lời một ý ngắn gọn, ý kiến trả lời mang tính đại diện. Câu hỏi đóng, là loại câu hỏi mà người trả lời không có nhiều lựa chọn, họ chỉ có thể trả lời khẳng định hoặc phủ định vấn đề: đúng – sai; có – không; đồng ý – phản đối; ... câu hỏi này dùng trong trường hợp người học phải đưa ra quan điểm rõ ràng. Câu hỏi mở, là câu hỏi mà người trả lời có nhiều cách bắt đầu, nó giúp người học nêu ra những ý kiến, góc độ của mình, người trả lời có quyền lý giải. Giảng viên thường không chuẩn bị câu hỏi trước dẫn đến hỏi không rõ ràng, và hay dùng câu hỏi đóng.

Để áp dụng tốt phương pháp này giảng viên nên rèn kỹ năng đặt câu hỏi phù hợp để dẫn dắt nội dung. Những câu hỏi đó nằm trong tiến trình giảng dạy có chủ đích. Khi giao tiếp giảng viên nên cởi mở, khuyến khích sự tham gia của người học không bình luận câu trả lời của người học.

Đây là phương pháp giảng viên áp dụng linh hoạt vì nó tốn ít thời gian, có thể sử dụng khi mở đầu cho một bài giảng, bắt đầu vào phần nội dung mới, neo chốt lại nội dung đã học [1].

Sáu là, phương pháp Hỏi chuyên gia: Phương pháp hỏi chuyên gia là cách thức mở rộng hoặc cung cấp những tri thức chuyên sâu cho người học về một lĩnh vực cụ thể mà giáo trình hoặc tài liệu hướng dẫn học tập chưa đề cập đến thông qua giải đáp của người có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực đó, hay còn gọi là chuyên gia.

Giảng viên sử dụng phương pháp này nhằm giải quyết những vướng mắc, những điều chưa rõ của người học liên quan đến nội dung bài giảng. Bản chất vẫn là cách giảng dạy và truyền đạt kiến thức nhưng phương pháp chuyên gia tạo sự hấp dẫn và hứng thú cho người học.

Giảng viên xác định trọng tâm phần nội dung cần người học phải hiểu sâu hơn, từ đó hướng người học đến những vấn đề họ chưa thực hiểu, muốn biết thêm và muốn hỏi. Phương pháp này có thể sử dụng trong trường hợp giảng viên tổng kết lại quá trình như sau một phần bài giảng, trước khi kết thúc môn học, trước một vấn đề mới có nhiều điểm phát sinh, trước một hiện tượng còn nhiều bàn luận....

Vận hành phương pháp này chú ý 2 vấn đề, thứ nhất là tập hợp câu hỏi của người học, thứ 2 là mời chuyên gia. Để có được câu hỏi của người học giảng viên lấy trực tiếp ngay tại lớp, cũng có thể người học suy nghĩ và về nhà chuẩn bị. Với lớp học đông người có thể cho thảo luận từng nhóm nhỏ và mỗi nhóm lựa chọn 1-2 câu hỏi.

Đây là phương pháp cần có thời gian để chuyên gia trả lời và người học cũng phải có một trình độ nhất định để đặt được câu hỏi. Giảng viên phải lường trước 2 tình huống, có quá nhiều câu hỏi hoặc có quá ít câu hỏi. Giảng viên cũng phải chuẩn bị giấy, bút dạ để ghi câu hỏi và bảng để hiển thị và phân loại câu hỏi [1].

Việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực của đội ngũ giảng viên nhà trường góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Người giảng viên khi lên kịch bản đứng lớp (kế hoạch bài giảng) cần thiết phải lưu ý cả hai vấn đề. Thứ nhất, việc dùng phương pháp thuyết giảng/ thuyết trình liên tục sẽ gây căng thẳng, mệt mỏi và dẫn đến việc sinh viên khó tiếp thu toàn bộ nội dung bài học. Thứ hai, nếu việc áp dụng các phương pháp tích cực không phù hợp với đặc điểm nêu trên thì cũng sẽ không đưa lại kết quả như mong đợi.

Một kinh nghiệm khi áp dụng các phương pháp tích cực tại các lớp học là không lạm dụng quá nhiều phương pháp tích cực hoặc sử dụng một phương pháp nhiều lần trong buổi học. Những phương pháp tích cực nêu trên chỉ phát huy được hiệu quả khi được vận dụng hợp lý và linh hoạt. Một phương pháp dù “tích cực” và tối ưu nhưng nếu lặp đi lặp lại liên tục sẽ trở thành nhàm chán và phản tác dụng [7].

4. Kết luận

Mục đích của việc giảng dạy các môn lý luận chính trị là trang bị cho người học thế giới quan, phương pháp luận biện chứng duy vật để áp dụng, giải quyết cho tốt những vấn đề diễn ra trong thực tiễn; giúp người học biết nhìn nhận, xem xét thế giới, xã hội, con người, các sự vật hiện tượng trong mối liên hệ phổ biến, vận động và phát triển, độc lập tư duy. Để giảng dạy, giảng viên cần có đủ kiến thức về môn học, hiểu biết sâu môn học, đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, nó quyết định chất lượng nội dung giảng dạy.

Những môn lý luận chính trị thường rất trừu tượng, tư duy khái quát cao. Do đó, nhận thức, lượng kiến thức thu nhận được của sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào trình độ kiến thức, năng lực lý luận và thực tiễn; phẩm chất, nhân cách đạo đức cũng như phương pháp truyền đạt của người thầy. Việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, gắn lý luận với thực tiễn là yêu cầu của giáo dục nói chung và giáo dục các môn lý luận nói riêng. Mỗi giảng viên luôn ý thức điều này, tích cực áp dụng phương pháp, phù hợp với thực tiễn nhằm đạt kết quả tốt nhất trong giảng dạy.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Lăng Bình và cộng sự (2022). *Dạy và học tích cực một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nxb. Đại Học Sư Phạm, Hà Nội.
2. Phùng Danh Cường (2017). *Dạy và học các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng - Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Lý luận chính trị số 6-2017.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014). *Kết luận 94-KL/TW về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*. Ban hành ngày 28/3/2014, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*. Ban hành ngày 30/10/2016, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011). *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011). *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đoàn Triệu Long (2018). *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh*. <https://tuyengiao.vn/nguyen-cuu/nghep-vu-cong-tac-tuyen-giao/doi-moi-phuong-phap-giang-day-ly-luan-chinh-tri-cho-can-bo-lanh-dao-quan-ly-cap-tinh-113063>. Đăng ngày 26/07/2018.
8. Nguyễn Thị Minh Phượng và cộng sự (2022). *Cẩm nang phương pháp sư phạm*. Nxb Tổng hợp TP.HCM.

SOME ACTIVE TEACHING METHODS, LINKING THEORY WITH PRACTICE IN TEACHING POLITICAL THEORY APPLIED AT UNIVERSITIES

Mai Quoc Dung

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: dungmq@hufi.edu.vn

Submitted date: 19/02/2023, edited date: 16/03/2023, accepted date: 06/04/2023

Abstract: *In teaching political theory, an important principle is to associate theory with reality. President Ho Chi Minh once taught: “Theory is to apply to practical work. Reasoning without applying it to real work is just reasoning. Even if you can read thousands or thousands of theory books, if you don't know how to put them into practice, it's like a bookcase”. To link theory with reality, the role of the lecturer in teaching political theory is very important. The application of active teaching methods in teaching political theory is one of the important factors contributing to improving the quality of teaching and learning through promoting the positivity, initiative and creativity of learners; learner-centered; help learners continue to self-study, supplement, expand and improve their knowledge, practice thinking methods, and the ability to apply and solve real-life situations.*

Keywords: *method, teaching, active, political theory, university.*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Dương¹

Nguyễn Thị Tươi²

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh

¹Email: duongnv@hufi.edu.vn

²Email: tuoint@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 18/02/2023, ngày sửa bài: 16/3/2023, ngày chấp nhận: 04/04/2023

Tóm tắt: Cách mạng công nghệ và sự xuất hiện của internet đã làm bộc lộ rõ những khiếm khuyết của phương thức dạy – học truyền thống, đòi hỏi giáo dục hiện đại phải đổi mới căn bản và toàn diện về nội dung, phương pháp, mục tiêu nhằm tạo ra đội ngũ lao động “vừa hồng”, “vừa chuyên”; vừa có kiến thức, kỹ năng để giải quyết công việc chuyên môn, đồng thời cần có phẩm chất, năng lực ứng biến trước mọi diễn biến hết sức mau lẹ và bất ngờ của hoàn cảnh. Để nâng cao chất lượng giảng dạy trong thời đại công nghiệp 4.0, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh đang đổi mới mạnh mẽ về nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất trong đó có sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị hiện nay.

Từ khóa: tài nguyên số, lý luận chính trị, lợi ích, tích cực.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết của Đảng “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” đã chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học” [1].

Nghị quyết đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của việc áp dụng những phương pháp dạy và học hiện đại, những thành tựu của khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong giáo dục đào tạo. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, trong đó có việc sử dụng tài nguyên số một cách hợp lý là bước đi đúng định hướng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn chính trị, xã hội tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại kỷ nguyên số.

2. Áp dụng tài nguyên số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị là yêu cầu khách quan.

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỷ nguyên số

Cách mạng công nghệ thông tin (còn gọi là cách mạng công nghiệp 4.0) diễn ra vào những năm đầu của thế kỷ XXI đã tác động tới mọi mặt của đời sống xã hội theo những mức độ và chiều hướng khác nhau. Giáo dục đại học là một trong những ngành chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của cuộc cách mạng này. Trong xu thế đó, các trường đại học cần nhận thức sâu sắc và chuẩn bị sẵn sàng cho sự thay đổi phương thức đào tạo trong thời kỳ công nghệ số.

Việc dạy – học các môn lý Luận chính trị trong hệ thống các trường đại học ở Việt Nam hiện nay nói chung đã đạt được những kết quả nhất định, công tác đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy đã phát huy tác dụng của nó. Song, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảng dạy, học tập các môn lý luận chính trị trong thời gian qua còn những hạn chế, thiếu sót, bất cập cần được khắc phục. Phương pháp giảng dạy còn xơ cứng (hình thức chiếu – chụp mang tính phổ biến), chưa tạo được hứng thú, động lực thực sự cho người học. Những phương pháp dạy-học tích cực, đề cao sự tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; đặc biệt, việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập chưa được phát huy mạnh mẽ và thiếu tính hiệu quả.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 khi khoa học, công nghệ thay đổi từng giây đặt ra nhiều thách thức nhưng đồng thời cũng tạo điều kiện để con người đổi mới tư duy và phương pháp đào tạo, học tập thông qua kết nối các thiết bị thông minh, các lớp học ảo, lớp học trực tuyến sẽ làm thay đổi cách dạy và học truyền thống. Sự xuất hiện của mạng xã hội cùng những không gian tương tác mà nó tạo ra khiến cho việc học tập nói riêng và giáo dục nói chung vượt qua sự giới hạn về không gian, thời gian. Ví dụ, một học sinh, một sinh viên bây giờ chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh hay máy tính bảng để dàng tìm được những tư liệu quý, hoặc bài giảng hay, một cách đọc từ nước ngoài chuẩn của một thầy giáo trong nước hoặc nước ngoài.

Hiện nay, trước yêu cầu của việc cải cách, đổi mới giáo dục đại học theo hướng giảm tỉ trọng lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, rút ngắn thời gian đào tạo để đảm bảo mục tiêu trẻ hóa đội ngũ lao động, và cung cấp cho thị trường đội ngũ công nhân kỹ thuật có chất lượng, việc tổ chức, sắp xếp, bố trí khối kiến thức đại cương bao gồm cả các môn lý luận chính trị một cách bài bản, khoa học, phù hợp với thực tiễn cần phải được tiến hành sớm nhất có thể. Tại buổi tọa đàm lấy ý kiến về việc biên soạn Giáo trình các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh diễn ra vào năm 2019 tại trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục – Đào tạo, Ban Tuyên giáo Trung ương và Tổ biên soạn Giáo trình đã thảo luận và đưa ra ý kiến. Theo đó, trên cơ sở Giáo trình của Bộ, các trường đại học chủ động biên soạn tài liệu hướng dẫn và quyết định dung lượng kiến thức giảng dạy sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường và đòi hỏi của thực tiễn.

Chủ trương là vậy nhưng thực tế việc giảng dạy các môn này ở hầu hết các trường hiện nay đều tuân thủ Giáo trình một cách máy móc, rập khuôn, cứng nhắc, thiếu sự linh hoạt cần thiết. Với tinh thần Giáo trình viết như thế nào dạy như thế ấy, mỗi tín chỉ phải thực hiện trên lớp đủ số tiết tương ứng, không thể khác được,... làm cho công tác dạy – học những môn này trở lên nặng nề, hình thức, sáo rỗng và hơn nữa chủ trương cải cách, đổi mới giáo dục đi vào bế tắc, không thể triển khai. Hướng đến việc tinh giản chương trình, chốt lọc kiến

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

thức, coi trọng chất lượng, hiệu quả của việc dạy – học, áp dụng công nghệ thông tin – tài nguyên số để rút ngắn thời gian đào tạo ở trường đại học, nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho cả người học, cơ sở đào tạo và cho thị trường.

3. Vị trí, vai trò của việc sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

Tài nguyên số (Digital resources) là tài nguyên sử dụng kỹ thuật số hóa để tạo và lưu trữ, và có thể truy cập và sử dụng qua các thiết bị kết nối mạng, như video, âm nhạc, hình ảnh, tài liệu văn bản, phần mềm...

Trong cách giảng dạy truyền thống, dạy học là quá trình truyền đạt thông tin một chiều từ thầy đến trò. Thầy mang lại cho trò càng nhiều kiến thức càng tốt. Giờ học được tiến hành như một buổi thông báo cho nên người học rất thụ động, rất ít thông tin phản hồi từ phía người học. Mục đích của người thầy là trình bày nội dung theo môn học một cách chính xác, rõ ràng. Trách nhiệm của người học là tiếp thu các thông tin theo không gian, thời gian và thái độ của mình. Việc đánh giá chủ yếu là xem người học nắm được bao nhiêu thông tin, chính xác ở mức độ nào... mà không đánh giá được người học hiểu được gì và hiểu như thế nào. Học trực tuyến với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ internet giúp người học thu thập thông tin, xử lý thông tin và tích trữ thông tin dưới dạng tri thức, từ nhà trường hay môi trường sống, làm cho người học tự biến đổi về trí tuệ và làm phong phú thêm tri thức của mình, điều đó cũng làm thỏa mãn nhu cầu tự nhiên của mỗi người học. Nó cho phép người học chủ động tham gia tích cực vào quá trình dạy – học. Ở đây, giảng viên không còn đóng vai trò chính trong việc truyền thụ tri thức mà là người định hướng, điều hành, tổ chức và thúc đẩy quá trình tìm tòi, lĩnh hội tri thức của sinh viên. Tất cả những vấn đề đặt ra phải được mổ xẻ, phân tích, tranh luận để người học tự đưa ra quyết định (dĩ nhiên đó không phải là sự lựa chọn mù quáng). Như vậy, đồng thời với quá trình lĩnh hội tri thức, phương pháp giáo dục hiện đại tạo cho người học khả năng ứng biến, năng động, biết biến tri thức đã lĩnh hội trở thành vốn hiểu biết của mình để phục vụ hoạt động nhận thức, sáng tạo, cải biến hiện thực, và dễ dàng thích nghi với mọi diễn biến của hoàn cảnh

Sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy môn Lý luận chính trị sẽ cung cấp cho sinh viên thông tin đầy đủ và chính xác về các vấn đề chính trị xã hội. Tài nguyên số cũng cung cấp cho giảng viên và sinh viên một công cụ trực quan và dễ hiểu để giải thích và trình bày các vấn đề phức tạp của chính trị xã hội, giúp giảm thời gian giảng dạy và tăng hiệu quả trong việc truyền đạt kiến thức... Đặc biệt, tài nguyên số có thể giúp sinh viên cải thiện khả năng suy đoán, sáng tạo, từ đó đưa ra các quan điểm của mình về các vấn đề đặt ra của bài học.

4. Giải pháp nâng cao dạy học các môn Lý luận chính trị trong thời đại kỹ nguyên số

Để nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong thời đại kỹ nguyên số, cần thực hiện một cách đồng bộ nhiều bước:

Người thầy phải biết tạo dựng môi trường có khả năng thúc đẩy người học tự làm chủ hoạt động học tập, tạo điều kiện cho từng sinh viên được phép lựa chọn, tự lập kế hoạch, tự

mình hoặc hợp tác để thực hiện nhiệm vụ học tập, cuối cùng tự nhận xét đánh giá kết quả học tập của mình. Vì vậy, giảng viên phải tìm hiểu các xu hướng mới nhất trong lĩnh vực chính trị xã hội để cập nhật kiến thức và kinh nghiệm của mình, đồng thời tích cực sử dụng tài nguyên số, sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại: bản đồ trực quan, trình chiếu slide, video, v.v. giúp sinh viên hiểu và nắm bắt kiến thức dễ dàng hơn. Tạo ra các hoạt động học tập thú vị như thảo luận nhóm, giải bài tập trực quan, sử dụng các trò chơi giáo dục: có thể sử dụng các trò chơi giáo dục trực tuyến hoặc tổ chức các buổi học trực tuyến, sử dụng các phần mềm học trực tuyến như Zoom, Google Meet.... để giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng và kiến thức trong môn học của mình. Các trò chơi này thường rất hấp dẫn và giúp sinh viên tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và nâng cao kiến thức. Giảng viên cần: linh hoạt, mềm dẻo, luôn tạo cơ hội để người học tham gia và làm chủ hoạt động dạy – học.

Đối với người học: Muốn đạt được kết quả tốt trong học tập, đòi hỏi sinh viên phải tập trung cao độ trong học tập, chủ động tìm tòi khám phá nội dung học tập, chủ động giải quyết các vấn đề phù hợp với khả năng hiểu biết của mình, đề xuất các ý tưởng sáng tạo.

Đối với cơ sở đào tạo: cần có sự đầu tư ưu tiên về cơ sở vật chất công nghệ thông tin, hệ thống thông tin thư viện số, về các phần mềm công nghệ phù hợp. Bên cạnh đó, hệ thống thiết bị công nghệ và phần mềm giảng dạy, quản lý các môn học này phải luôn đảm bảo tính đồng bộ, tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện của người học. Đồng thời, cần đảm bảo đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hỗ trợ cho quá trình dạy – học đủ về số lượng và chất lượng để đảm bảo tất cả các buổi học diễn ra suôn sẻ, thường xuyên, không bị gián đoạn.

5. Kết luận

Với sự phong phú về nội dung và đa dạng về cách thức tạo, lưu trữ, tài nguyên số đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học các môn Lý luận chính trị. Tuy nhiên, sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy cần phải có sự chọn lọc, nếu không, có thể cung cấp quá nhiều thông tin và gây khó khăn cho sinh viên khi cần tìm hiểu thêm về một chủ đề cụ thể. Nó cũng không thể tạo ra một môi trường giảng dạy trực quan, sống động và giúp sinh viên có thể hiểu rõ hơn về các chủ đề chính trị - xã hội như khi dùng phương pháp giảng dạy truyền thống. Để tối ưu hóa sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy môn chính trị xã hội, các giảng viên cần sử dụng tài nguyên số phù hợp với nội dung giảng dạy, lựa chọn các tài nguyên số để sinh viên có thể thuận lợi trong việc nắm bắt nội dung. Mặt khác, phải kết hợp việc sử dụng tài nguyên số với phương pháp giảng dạy truyền thống, sử dụng tài nguyên số như một công cụ hỗ trợ trong việc giảng dạy, chứ không phải là một thay thế hoàn toàn cho phương pháp giảng dạy truyền thống. Sử dụng tài nguyên số trong giảng dạy nếu biết phát huy thế mạnh của nó, kết hợp một cách khéo léo, hợp lý với phương pháp giảng dạy truyền thống sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.*

2. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư về *tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*.

3. Phan Đình Diệu (2008), *Phương pháp giải quyết vấn đề trong giáo dục hiện đại*, Tạp chí Tia Sáng.

4. Thế Đan (2018), *Học trực tuyến: Tốc độ phát triển nhanh mở ra kỷ nguyên đào tạo mới*, <https://vnexpress.net>, 19/11/2018.

USING DIGITAL RESOURCES IN TEACHING POLITICAL THEORETICAL SUBJECTS AT

THE UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRIAL HO CHI MINH CITY

Nguyen Van Duong¹

Nguyen Thi Tuoi²

Ho Chi Minh City University of Food Industry

¹Email: duongnv@hufi.edu.vn

²Email: tuoint@hufi.edu.vn

Submitted date: 18/02/2023, edited date: 16/03/2023, accepted date: 04/04/2023

Abstract: The technological revolution and the emergence of the internet have clearly revealed the shortcomings of traditional teaching and learning methods, requiring modern education to fundamentally and comprehensively innovate in terms of content and methods. , the goal is to create a workforce of “both pink” and “specialized”; both have the knowledge and skills to deal with professional work, and at the same time need to have the qualities and ability to improvise before all very quick and unexpected developments of the situation. In order to improve the quality of teaching in the era of Industry 4.0, Ho Chi Minh City University of Food Industry is strongly innovating in terms of training content, teaching methods, and facilities, including Using digital resources in teaching is very important to improve the teaching quality of political theory subjects of the school today.

Keywords: digital resources, political theory, benefits, positive.

NÂNG CAO TÍNH THỰC TIỄN GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI ĐẠI KỶ NGUYÊN SỐ

ThS. Phạm Kim Thành

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: thanhpk@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 10/02/2023, ngày sửa bài: 12/03/2023, ngày chấp nhận: 05/04/2023

Tóm tắt: *Nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại kỷ nguyên số hiện nay là một đòi hỏi tất yếu, không chỉ góp phần tạo dựng nền tảng tư tưởng vững vàng cho người học, còn giúp học viên, sinh viên vận dụng tốt hơn kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo được đào tạo vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống. Sự nỗ lực cải biến nội dung, phương pháp giảng dạy không ngừng của đội ngũ giảng viên trong thời đại bùng nổ cách mạng công nghệ và sự đổi mới tư duy, tích cực vận dụng tri thức, liên hệ thực tiễn của người học.*

Từ khóa: *giảng dạy, lý luận chính trị, sinh viên.*

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử phát triển của giáo dục thế giới, việc bảo đảm tính thực tiễn dạy học là vấn đề được quan tâm từ rất sớm, cùng với sự xuất hiện của nhiều tư tưởng giáo dục khác nhau cả ở phương Đông và phương Tây; đặc biệt, phải kể đến quan điểm của các nhà triết học duy vật biện chứng. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, sự nghiệp giáo dục phải gắn với mục tiêu, sự nghiệp xây dựng, cải tạo xã hội mới. Giáo dục phải hướng vào chuẩn bị con người có đủ phẩm chất và năng lực cho các lĩnh vực hoạt động khác nhau của đời sống xã hội. Sản phẩm của giáo dục phải đáp ứng yêu cầu lao động sản xuất của xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông... Lý luận cách mạng không phải là giáo điều, mà nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo, lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động” (1). Trong quá trình dạy học cần làm rõ thực chất các vấn đề lý luận để chỉ đạo hoạt động thực tiễn đồng thời phải luôn tổng kết kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn, để bổ sung làm phong phú lý luận và trong một chừng mực nào đó lại được chuyển hóa thành nội dung dạy học ở mức độ cao hơn.

Quan điểm về giáo dục gắn lý luận với thực tiễn của Hồ Chí Minh đã phản ánh sâu sắc truyền thống giáo dục Việt Nam, những tinh hoa giáo dục thế giới đặc biệt là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin vào giáo dục con người Việt Nam nói chung và giáo dục, rèn luyện học sinh viên, sinh viên đại học nói riêng. Đối với các trường đại học, tư tưởng

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỷ nguyên số

giáo dục đó là nền tảng phương pháp luận vững chắc, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động lý luận và thực tiễn để không ngừng đổi mới mục tiêu, chương trình nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, nâng cao tính thực tiễn trong quá trình đào tạo thế hệ trẻ có nền tảng tri thức cao của đất nước.

2. Biện pháp nâng cao tính thực tiễn giảng dạy các môn lý luận chính trị ở Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời đại kỷ nguyên số

Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Tp Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1982, trực thuộc Bộ Công thương, lịch sử hình thành và phát triển Trường được đổi tên và nâng cấp qua nhiều giai đoạn khác nhau; Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh (Tên viết tắt HUFI - Mã trường DCT) là cơ sở giáo dục, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ và có thế mạnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm; Nhận thức đúng vị trí, vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của các môn lý luận chính trị đối với việc trang bị kiến thức, kỹ năng, phát triển tư duy sáng tạo và năng lực hoạt động thực tiễn của mỗi học viên, sinh viên đại học sau khi ra trường, trong những năm qua, trường đang tiến hành đổi mới mạnh mẽ, toàn diện trên tất cả các khâu, các bước của quá trình giáo dục - đào tạo các môn lý luận chính trị. Trong đó, nâng cao tính thực tiễn trong dạy học là một trong những yêu cầu cấp thiết góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa lý luận giáo dục với thực tiễn giáo dục, là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị ở trường hiện nay. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm đã có một đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị với trình độ chuyên môn cao, tuy nhiên, so với yêu cầu của sự bùng nổ cách mạng số thì chất lượng dạy học còn có những hạn chế nhất định, chưa theo kịp sự phát triển của lý luận và thực tiễn. Nội dung dạy học các môn lý luận chính trị còn nặng về lý thuyết, biểu hiện trong từng bài giảng chủ yếu dùng lý luận để giải thích lý luận. Sử dụng các luận cứ lý thuyết như một công cụ đặc dụng để luận giải nội dung dạy học mà ít có luận cứ, dữ liệu thực tiễn, ít liên hệ vận dụng vào thực tiễn đất nước và thực tiễn nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường. Một số môn học chưa mang tính hướng dẫn hành động, chưa khai thác được kinh nghiệm vốn sống của sinh viên trong quá trình học tập. Nhiều chủ đề các môn lý luận còn nặng nề mang tính “hàn lâm”, dàn trải về nội dung, chưa có nhiều những gợi ý, những thiết kế tình huống để khai thác, tận dụng, phát huy kinh nghiệm, vốn sống, sở trường, thế mạnh và hiểu biết nói chung của người học trong giải quyết các vấn đề của nội dung bài học, môn học. Vì vậy, để góp phần nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại kỷ nguyên số hiện nay, cần quan tâm thực hiện tốt một số nội dung biện pháp:

Nhà trường cần chú trọng bồi dưỡng năng lực thực hành sự phạm và kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường.

Chủ thể giáo dục có vai trò quyết định đối với hiệu quả của quá trình giáo dục do đó chăm lo xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến hiệu quả nâng cao tính thực tiễn trong dạy học các môn lý luận chính trị ở bậc đại học. Để làm

tốt điều này cần phải nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ giảng viên, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng. Trước hết, phải làm tốt công tác tuyển chọn giáo viên tạo nguồn cung cấp, bổ sung và phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Nguồn giảng viên lý luận chính trị phải từ các đồng chí có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức cách mạng trong sáng, có lối sống trung thực, mẫu mực nhân văn; trình độ hiểu biết sâu rộng, năng lực nhận thức và khả năng tư duy nhanh nhạy, sáng tạo, có năng khiếu sư phạm, khả năng diễn thuyết, trình bày vấn đề có sức lôi cuốn, cảm hóa người nghe.

Để nâng cao năng lực thực hành sư phạm cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đòi hỏi trường phải đặt ra yêu cầu đối với mỗi giảng viên về mặt kiến thức phải có những hiểu biết cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... có những tri thức cơ bản về tâm lý học và giáo dục học, hiểu biết cơ bản về tin học, ngoại ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học và khoa học giáo dục. Về kỹ năng, mỗi giảng viên lý luận chính trị phải có năng lực xây dựng kế hoạch dạy học; thiết kế biên soạn các bài giảng, xây dựng các tình huống dạy học, đưa người học thâm nhập vào thực tiễn; năng lực thu thập xử lý thông tin, khái quát các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, tổng kết thực tiễn và rút ra những bài học thực tiễn; biết sử dụng thành thạo các phương pháp, hình thức và phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại; có năng lực giao tiếp, ứng xử với học viên; năng lực nghiên cứu khoa học và đánh giá kết quả dạy học.

Cùng với nội dung trên, cần đặc biệt chú ý đến hoạt động đưa giảng viên đi thực tế. Hoạt động này có chương trình kế hoạch thống nhất, chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc đúng mục đích, yêu cầu đi thực tế. Thông qua việc thâm nhập thực tế, giảng viên rút ra từ thực tiễn cuộc sống những bài học kinh nghiệm quý báu, những thông tin bổ ích để tiếp tục hoàn thiện nội dung, phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị đạt chất lượng tốt hơn. Sau mỗi lần đi thực tế, nhất thiết phải tổ chức báo cáo kết quả thu được, tiến hành tọa đàm, trao đổi đánh giá những thông tin thu lượm từ thực tế để mọi giảng viên trong khoa, tổ bộ môn cùng biết nhằm định hướng nhận thức, định hướng thực tiễn cho mỗi giảng viên, làm cơ sở vận dụng vào trong bài giảng của mỗi người.

Giảng viên cần tăng cường lồng ghép các nội dung mang tính thời sự, thực tiễn đất nước và thế giới trong các bài giảng lý luận chính trị

Đó chính là thực tiễn trực tiếp, thời sự diễn ra hằng ngày của con người trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Giảng viên thu nhận được các yếu tố (số liệu, sự kiện, hình ảnh) của thực tiễn này từ các chuyến đi thực tế đến với các cơ sở; thực tiễn đa chiều đã được phản ánh chọn lọc, bình luận trên các phương tiện thông tin đại chúng như sách, báo, tạp chí, tin bài...; thực tiễn mang tính chính thống trong các văn bản chính thống được ban hành của Đảng và Nhà nước (các văn kiện Hội nghị, Đại hội Đảng, các luật, bộ luật...).

Bên cạnh truyền thụ kiến thức mang tính lý thuyết người giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị cần lồng ghép vào trong bài giảng những nội dung liên quan đến chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt chú trọng đến phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước

theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xu thế khách quan của sự toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, thực tiễn vốn đa dạng, phong phú nên việc đưa yếu tố thực tiễn vào bài giảng tùy thuộc nội dung đảm nhận cũng như năng lực của giảng viên. Trong dạy học không thể đưa tất cả những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn vào giảng dạy, đồng thời cũng không thể giải quyết hết mọi vấn đề do thực tiễn đặt ra. Phải lựa chọn những vấn đề thiết thực nhất theo yêu cầu hoạt động nghề nghiệp của từng bộ môn, của cuộc sống xã hội, mạnh dạn loại bỏ những bộ phận không thiết thực trong dạy học các môn lý luận chính trị.

Giảng viên cần bồi dưỡng cho học viên, sinh viên kỹ năng thực hành, liên hệ, vận dụng trong học tập các môn lý luận chính trị

Trong qua trình giảng dạy, giảng viên cần lồng ghép các phần mềm hỗ trợ cho sinh viên làm bài tập như Kahoot, quiz, quizizz... Đây là biện pháp có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng lớn đến chất lượng và hiệu quả việc dạy và học các môn lý luận chính trị, giúp người học nắm vững những kiến thức lý luận; rèn luyện năng lực tư duy vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp; hình thành thái độ, hành vi và những phẩm chất nhân cách tốt đẹp. Thông qua việc bồi dưỡng kỹ năng thực hành liên hệ vận dụng các môn lý luận chính trị, giúp cho học viên có năng lực và phương pháp học tập tốt, năng lực nhận thức, phê phán, sàng lọc thông tin đa chiều có hiệu quả.

Quá trình thực hành liên hệ vận dụng các môn lý luận chính trị chỉ đạt được kết quả khi có sự tự giác, tích cực, nỗ lực của từng cá nhân người học. Chủ động liên hệ các kiến thức đã học với thực tiễn đất nước và thế giới vừa là quá trình tự khám phá để mở rộng kiến thức, vừa là quá trình sàng lọc thông tin phù hợp với sự vận động, biến đổi của thực tiễn xã hội, hạn chế được sự vận dụng lý luận một cách máy móc, giúp cho học viên có cách lập luận các vấn đề một cách chặt chẽ, khoa học, kích thích tính năng động sáng tạo của học viên. Các dạng thực hành liên hệ vận dụng trong quá trình dạy học các môn lý luận chính trị bao gồm: tham gia các buổi hội thảo, thảo luận theo chủ đề do giảng viên hướng dẫn, thực hành giảng bài lý luận chính trị, xử lý các tình huống giáo dục, tổ chức đại hội, sinh hoạt chi bộ, chi đoàn; làm bài tập, viết thu hoạch, nghiên cứu các đề tài lý luận chính trị... Việc liên hệ kiến thức đã học vào sự nghiệp đổi mới đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận là một yêu cầu tất yếu đối với mỗi học viên, sinh viên khi nghiên cứu các môn lý luận chính trị. Đội ngũ giảng viên phải coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên phát huy tính tích cực, tự giác, năng lực làm việc độc lập của học viên trong việc thực hành liên hệ vận dụng, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Kết hợp chặt chẽ giữa các hình thức thực hành liên hệ vận dụng, tạo ra sự cọ sát trên thực tế với nhiều góc độ, giúp học viên hứng thú phát triển toàn diện trong học tập cũng như trong ứng dụng tri thức vào thực tiễn.

Giảng viên phải đặt người học vào vị trí trung tâm, phát huy tính năng động, sáng tạo của học viên, khuyến khích học viên tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia giải quyết các vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra. Giảng viên cho sinh viên hoạt động nhóm tăng kỹ

nawmg làm việc nhóm cho sinh viên, bài giảng của giảng viên phải xây dựng sao cho phù hợp với từng đối tượng học viên, sinh viên. Giảng viên phải xác định được chính xác những nội dung nào cần thiết phải liên hệ thực tiễn, thực hiện thật tốt khâu chuẩn bị bài giảng, vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, các tình huống đưa ra phải sát với nội dung bài giảng, những yếu tố thực tiễn đưa vào bài giảng phải điển hình, các sự kiện thực tiễn phải mang tính thời sự được xã hội đặc biệt quan tâm. Khi đưa các vấn đề thực tiễn vào bài giảng phải có sự phân tích, chứng minh sự liên hệ, sự phù hợp giữa lý luận và thực tiễn, đồng thời giảng viên phải có kết luận mang tính định hướng tư tưởng, tránh cho người học rơi vào tình trạng liên hệ thực tiễn nhiều nhưng không xác định được đâu là thông tin chính thống. Trên cơ sở đó, người học có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của mình, giúp cho họ trưởng thành về trình độ nhận thức, năng lực tư duy thúc đẩy quá trình học tập các môn lý luận chính trị đạt chất lượng tốt hơn.

3. Kết luận

Trong thời đại kỷ nguyên số, với những yêu cầu của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, sự tác động mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống và bản lĩnh chính trị đối với thế hệ trẻ, nhất là đội ngũ sinh viên là tất yếu. Vì vậy, việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục gắn liền với những giải pháp trong công tác giáo dục lý luận chính trị đối với sinh viên không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong công tác lý luận của Đảng, mà còn đảm bảo xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có đủ phẩm chất, năng lực thực sự có thể đảm nhận và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại kỷ nguyên số hiện nay là việc làm cấp thiết, nhằm đem đến cho học viên những hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội, về thế giới quan, nhân sinh quan, đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, để từ đó vạch ra cho mình tư tưởng, lối sống, hoài bão, ý chí, nguyện vọng, những nguyên tắc chuẩn mực đạo đức để gạt bỏ cái cũ, lạc hậu, tiếp thu có chọn lọc cái mới. Việc gắn lý luận với thực tiễn trong quá trình giảng dạy giúp cho các bạn học viên, sinh viên có cái nhìn khách quan vào thực tiễn mà học viên đang sống và học tập.

Tài Liệu Tham Khảo

1. *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập* (2002), tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), *tập 11*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Ngọc Đạt (1997), *Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Hà Thị Đức (2010), *Giáo trình Giáo dục học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

INCREASE THE PRACTICE OF TEACHING POLITICAL THEORETICAL SUBJECTS AT THE UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY OF HO CHI MINH CITY IN THE DIGITAL AGE

Pham Kim Thanh

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: thanhpk@hufi.edu.vn

Submitted date: 10/02/2023, edited date: 12/03/2023, accepted date: 05/04/2023

Abstract: *Improving the practicality in teaching political theory subjects at Ho Chi Minh City University of Food Industry in the current digital era is an indispensable requirement, not only contributing to building a foundation It also helps students to better apply their knowledge, skills, and techniques in their careers and lives. The continuous efforts of the teaching staff to improve the content and teaching methods in the era of technological revolution and innovation in thinking, actively applying knowledge, and making practical contact with learners.*

Keywords: *teaching, political theory, students*

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Phan Thị Thành

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM

Email: thanhpt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 20/2/2023, ngày sửa bài: 20/3/2023, ngày chấp nhận: 08/04/2023

Tóm tắt: Việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học nói chung và ở Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM nói riêng là hết sức cần thiết, bởi “Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ ta”[1]. Hơn thế, các môn lý luận chính trị có tác dụng hình thành thế giới quan khoa học cho sinh viên và biến những tri thức mà sinh viên tiếp nhận được thành những giá trị, niềm tin, lý tưởng, lập trường, trang bị cho sinh viên thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận, ý thức hệ, hình thành được tính độc lập trong tư duy và sử dụng được lý luận, tri thức, kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, từ đó các em sẽ xây dựng cho mình phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, giản dị, có mục tiêu, lý tưởng cao đẹp vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Từ khóa: Chất lượng giảng dạy, các môn lý luận chính trị, nâng cao chất lượng giảng dạy, trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. HCM.

1. Khái quát chung về các môn lý luận chính trị ở các trường Đại học nói chung và ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM nói riêng.

Với phương châm người học luôn chủ động trong quá trình học tập, phương pháp chủ đạo là tự học và lấy người học là trung tâm; người học với tư duy sáng tạo, luôn phải thích ứng với sự thay đổi của xã hội trên nền tảng kiến thức và kỹ năng được đào tạo, được rèn luyện và phát triển mức tự chủ và trách nhiệm để hòa nhập nhanh với cộng đồng. Do đó, triết lý giáo dục của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh là “Học tập chủ động, làm việc sáng tạo, sống có trách nhiệm”.

Từ phương châm lấy người học làm trung tâm, gắn lý thuyết với thực hành, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo nhằm khơi dậy tính năng động, sáng tạo, tự tin của học sinh – sinh viên trong học tập, vậy nên việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng

dạy các môn lý luận chính trị ở các trường Đại học nói chung và ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đang là vấn đề được các trường quan tâm.

Việc giảng dạy và bồi dưỡng các môn lý luận chính trị được xem là hoạt động truyền bá, lĩnh hội, vận dụng sáng tạo tri thức từ những nguyên lý, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận và các phẩm chất chính trị, góp phần phát huy tính tích cực của sinh viên, học viên trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Các môn lý luận chính trị là những khoa học đặc biệt, chứa đựng một khối lượng kiến thức rất rộng, vừa mang tính khoa học, vừa mang tính giai cấp với lập trường tư tưởng rõ ràng. Tuy nhiên, vì là khoa học lý luận nên các quan điểm, nguyên tắc của môn học rất trừu tượng, thường bị xem là khô khan đối với sinh viên [2]. Do đó, theo quan điểm giáo dục mới, để phát huy năng lực người học, việc truyền đạt kiến thức môn lý luận chính trị của giảng viên không phải là việc áp đặt buộc người học xem đó là chân lý bất biến và có sẵn mà phải gợi mở để người học tự rút ra chân lý kết hợp tính sáng tạo tư duy của chính bản thân mình.

Việc nâng cao chất lượng dạy và học các tri thức khoa học nói chung và các môn lý luận chính trị nói riêng ở các trường đại học luôn là cái đích mà các nhà giáo dục, người dạy và người học hướng đến. Chính vì vậy, để đánh giá được chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị không chỉ là quá trình dạy và học mà còn bao gồm cả quá trình bảo đảm chất lượng dạy học. Chất lượng dạy và học các môn lý luận chính trị sẽ được lượng hóa bằng điểm số, bằng các năng lực mà sinh viên có được sau khi học tập các môn học này. Điểm số càng cao chứng tỏ năng lực tri thức của người học càng phát triển và ngược lại, nếu điểm số thấp chứng tỏ chất lượng dạy và học còn nhiều hạn chế.

Như vậy, để có chất lượng đào tạo tốt các môn lý luận chính trị cần phải xác định nhiều nhân tố khác nhau, như: mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên, hoạt động giảng dạy; hoạt động học tập của sinh viên; cơ sở vật chất phục vụ dạy và học... Các nhân tố này tuy có vai trò, ý nghĩa khác nhau và có mối quan hệ tác động lẫn nhau.

2. Thực trạng chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Những năm qua, trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều chủ trương, giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị; trường đã thường xuyên bổ sung, cập nhật, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, giảng dạy các môn lý luận chính trị cho các đối tượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đội ngũ giảng viên luôn nêu cao tính tích cực, nỗ lực trong đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị và đạt nhiều kết quả mới, thiết thực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn giáo dục đại học trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phần lớn các bài giảng đã được giảng viên linh hoạt ứng dụng các phần

mềm dạy học mới theo hình thức E-learning như: Zoom, Microsoft Teams, Google meet hoặc mô hình Blended learning,... tăng dần khả năng sử dụng phương tiện dạy học mới, tính tương tác giữa người dạy và người học được nâng cao; việc duy trì hoạt động dạy học trực tuyến trên phạm vi toàn quốc ngay trong đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến đầu năm 2022 là một minh chứng rõ nét, nét đột phá trong việc ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ trong giáo dục đại học. Cùng với đó, trường luôn quan tâm triển khai các chương trình báo cáo chuyên đề, tập huấn phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; xây dựng các chương trình, kế hoạch tích hợp trong kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy và học hiệu quả, phù hợp; hệ thống ngân hàng đề thi, câu hỏi thi, kiểm tra kết thúc môn học được kiểm định chặt chẽ, thông qua chuyển đổi số; nhất là việc dạy học trực tuyến đã rút ngắn thời gian lên lớp cho giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên thay đổi tư duy, phương pháp dạy học trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số.

Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường còn một số hạn chế: thiếu tính sinh động, còn quá nặng về truyền đạt kiến thức mà chưa hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực, chưa khơi dậy, phát triển tiềm năng tư duy của sinh viên. Giảng viên chưa thực sự quan tâm đến việc dạy học theo định hướng phát triển tư duy, nâng cao khả năng phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống, các vấn đề phức tạp trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề trong kỷ nguyên số hóa. Một bộ phận giảng viên còn thiếu kinh nghiệm giảng dạy, chưa mạnh dạn áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại vào thực tiễn sư phạm; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy chưa thực sự đáp ứng đòi hỏi của chuyển đổi số trong giáo dục đại học;... hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho giảng dạy các môn lý luận chính trị có mặt chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị, làm hạn chế khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, các phương tiện kỹ thuật dạy học. Chất lượng của hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ nghiên cứu các môn các môn lý luận chính trị còn ít được số hóa, chưa cập nhật tài liệu mới, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

3. Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm, với mục đích đi tới sự hiểu biết là chính thay vì học nội dung kiến thức là chính, học kỹ năng thực hành và thái độ thực tiễn trong nghề nghiệp nhiều hơn việc lĩnh hội kiến thức tổng quát,... Phương pháp này sẽ bớt sự nhàm chán, bởi những gì mà thầy cô giảng không đơn điệu, lý thuyết khô cứng mà gắn với thực tiễn...

Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy như sử dụng phương pháp đối thoại trực tiếp giữa người học và người dạy, kết hợp phương pháp thuyết trình và thảo luận, kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại,... Tùy thuộc vào chuyên ngành của sinh viên mà giảng viên sử dụng những phương pháp cụ thể.

Tăng cường tổ chức và hướng dẫn cho sinh viên tự học, bao gồm hướng dẫn mục đích, yêu cầu, nội dung tự học, tài liệu, cách tìm tài liệu và hướng dẫn cách đọc và ghi chép khi tự học. Tự học phải gắn liền với kiểm tra, đánh giá; kiểm tra, đánh giá phải có tác dụng định hướng cho việc dạy và học, đặc biệt là việc tự học của sinh viên, phải mạnh dạn đổi mới phương thức thi cử, đánh giá.

Tiến hành các biện pháp đổi mới công tác thi cử, đánh giá kết quả học tập, từ khâu ra đề, hình thức thi, cách thức thi, tổ chức thi,...

Khuyến khích, gợi mở những đề tài nghiên cứu cho sinh viên tìm hiểu, khám phá. Thông qua đó giúp cho sinh viên say mê với nghề, ...

Đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và học viên, trong đó, giảng viên giữ vai trò chủ đạo, là nhân tố quyết định thành công của đổi mới. Giảng viên cần thường xuyên tìm tòi, khám phá cách dạy cho hiệu quả, không ngừng học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị cần đáp ứng những yêu cầu sau:

Giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có phong kiến thức sâu rộng. Trước hết mỗi giảng viên phải tự nâng cao cho mình về kiến thức chuyên ngành, liên ngành và phương pháp giảng dạy, rút kinh nghiệm đồng thời phải bổ sung những phần còn yếu, còn thiếu; phải tự mình ý thức việc tự học để không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ; ngoài chuyên ngành của mình phải có phong kiến thức rộng. Trong đó, quan trọng nhất là phải nắm chắc nền tảng Triết học Mác - Lê-nin, bởi triết học trang bị thế giới quan, nhân sinh quan, phép biện chứng, phương pháp luận khoa học giúp cho giảng viên soạn và trình bày bài giảng có hệ thống logic và giàu sức thuyết phục. Bên cạnh đó, giảng viên cần có kiến thức rộng, am hiểu chuyên sâu về chuyên ngành của mình giảng dạy.

Giảng dạy các môn lý luận chính trị phải liên hệ với thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn. Giảng viên cần phải liên hệ với thực tiễn của thế giới, của đất nước; của địa phương; của bản thân mỗi học viên [5]. Có thể giảng viên tự liên hệ trong bài giảng và chỉ cho học viên thấy rõ điều đó được thể hiện trong cuộc sống. Giảng viên có thể gợi mở, đàm thoại với đối tượng giảng dạy, dẫn ra những thực tiễn của địa phương, đất nước hay cá nhân và từ đó khái quát làm sáng tỏ về mặt lý luận.

Giảng viên cần có sự liên hệ để tìm hiểu và nắm được cụ thể đối tượng của lớp học, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy. Trên cơ sở đó, chủ động có kế hoạch cho từng bài giảng, tiết giảng sẽ sử dụng những phương pháp nào, thiết bị gì cho phù hợp.

Đổi mới phương pháp giảng dạy phụ thuộc vào bản thân mỗi giảng viên, nhất là trong giai đoạn hiện nay, mỗi giảng viên phải chủ động tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với giảng viên lý luận chính trị là phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của học viên, giúp cho học viên phát huy được tính chủ động, sáng tạo [3]. Sử dụng các phương tiện kỹ thuật nhằm thay đổi phương pháp dạy chay, học chay; giúp học viên tiếp cận được khoa học kỹ thuật, gắn lý luận với thực tiễn, gắn học với hành. Hiện nay, có nhiều cơ sở đào tạo cũng chưa được trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học. Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ hiện đại, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, giảng viên phải sử dụng thành thạo máy tính, một trong những phương tiện hỗ trợ đắc lực, có hiệu quả cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, giúp cho giảng viên soạn bài giảng Power Point, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, hình ảnh hay phim minh họa...

Giảng viên cần chú trọng nghiên cứu khoa học và xem đây là một nhiệm vụ không thể thiếu trong đổi mới phương pháp. Nghiên cứu khoa học là động lực thúc đẩy say mê nghề nghiệp, giúp cho giảng viên làm chủ được tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, biết vận dụng tri thức vào bài giảng cũng như thực tiễn cuộc sống [4]. Mỗi bài viết, mỗi vấn đề nghiên cứu đòi hỏi giảng viên phải vạch ra đề cương, đọc những tài liệu liên quan, vì thế, giảng viên có quá trình tích lũy về lượng để biến đổi về chất; tri thức ngày càng được mở rộng và chuyên sâu. Giảng viên sẽ thực sự chủ động trước mọi vấn đề đặt ra và sẽ kết hợp tốt, sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp trong mỗi giờ giảng để nâng cao kết quả đào tạo.

Coi trọng và tăng cường thực hiện thảo luận đối với học viên. Thông qua thảo luận, học viên có điều kiện trực tiếp trao đổi, đưa ra những chính kiến của mình cả về lý luận và thực tiễn; cả những vấn đề đúng và chưa đúng... Giảng viên kiểm nghiệm được học viên đã nắm được bài giảng đến mức độ nào; phương pháp giảng dạy của giảng viên đã đạt được hiệu quả hay không? Kiến thức của giảng viên còn có chỗ nào chưa thật vững để tự mình điều chỉnh, bổ sung. Thực hiện tốt việc thảo luận buộc học viên phải đọc tài liệu, nghiên cứu, chuẩn bị, từ đó sẽ tạo nên động lực và hứng thú của người học, giúp cho họ nắm vững được lý luận vận dụng vào thực tiễn được tốt và có hiệu quả.

Trên cơ sở phương pháp truyền thống, kế thừa, phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt hạn chế bằng cách kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp hiện đại, sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào bài giảng, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học viên, qua đó, nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Tóm lại, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói chung, cũng là góp phần thiết thực triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TU về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [1]. Có thể nói, những giải pháp được đề cập trên đây là những giải pháp cơ bản và chúng có quan hệ hữu cơ với nhau. Vì thế, chúng chỉ phát huy tác dụng khi được thực hiện một cách đồng bộ, trong đó sự quan tâm đúng mức của Đảng và Nhà nước, của lãnh đạo các cơ sở đào tạo về nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị cũng như việc nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị có ý nghĩa quyết định.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị BCH TƯ lần thứ 8 khóa XI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2014.
2. Nguyễn Tiến Sơn, 2016. *Chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học thể dục – thể thao ở nước ta hiện nay*. Luận án tiến sỹ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
3. Võ Ngọc Vĩnh, 2013. *Quản lý chất lượng dạy học ở trường trung học phổ thông theo hướng tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể*. Luận án tiến sỹ, Đại học Giáo dục, Hà Nội.
4. Mai Đức Ngọc (2020), *Đề tài cấp Bộ về “Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và báo chí truyền thông trực tuyến ở Việt Nam”*, Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Phạm Hương Trà, Nguyễn Đức Luận (2020), *Một số vấn đề về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay*, Tạp chí LLCT và Truyền thông, số 5/2020, tr 18-2

SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING POLITICAL THEORY SUBJECTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY IN THE CURRENT PERIOD

Phan Thi Thanh

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Submitted date: 20/02/2023, edited date: 20/03/2023, accepted date: 08/04/2023

ABSTRACT: *Improving the quality of teaching political theory subjects at universities in general and at the University of Food Industry in Ho Chi Minh City in particular is very necessary, because “Innovation in learning political theory is essential.*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp
Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

in the national education system in order to create new, more effective and better-quality steps, contributing to Marxism-Leninism, Ho Chi Minh's thought and the Party's lines and views play a leading role. in social life; ensure that the young generation of Vietnam is always loyal to the goals and ideals of the Party and to our regime". Moreover, political theory subjects have the effect of forming a scientific worldview for students and turning the knowledge received by students into values, beliefs, ideals, stances, and equipping Students' worldview, human outlook, methodology, ideology, form independence in thinking and use theory, knowledge and experience to solve problems posed in practice. From there, they will build for themselves moral qualities, a pure, healthy, simple, goal-oriented, idealistic lifestyle for the cause of building and defending the socialist Vietnamese Fatherland. Currently.

Keywords: *Teaching quality, political theory subjects, improving teaching quality, Ho Chi Minh City University of Food Industry.*

PHẦN 3
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LUẬT TRONG THỜI ĐẠI
KỶ NGUYÊN SỐ

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

ThS. Trần Thùy Liên

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: lientt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 24/02/2023, ngày sửa bài: 13/03/2023, ngày chấp nhận: 07/04/2023

Tóm tắt: Việc đào tạo luật hiện nay đang thay đổi nhanh chóng trên thế giới và với nhiều mô hình đào tạo khác nhau nhưng chủ yếu theo hai hướng là đào tạo hàn lâm để cấp bằng cử nhân luật và học để hành nghề luật. Bài viết dưới đây, tác giả trao đổi về việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đối với môn Luật Thi hành án dân sự nhằm đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: giảng dạy tích cực, Luật Thi hành án dân sự, Khoa Chính trị - Luật, Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam hiện nay có rất nhiều các cơ sở đào tạo cử nhân luật tương đương với đó là số lượng người học cũng rất lớn. Phần lớn những cử nhân luật này sau khi tốt nghiệp đều hướng đến hành nghề liên quan đến hoạt động pháp luật như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Chấp hành viên, Thanh tra, Quản tài viên, Đấu giá viên, Công chứng viên, Luật sư và Chuyên viên pháp lý trong các doanh nghiệp, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, các hiệp hội, cơ quan truyền thông, ... Điều này cho thấy, việc đào tạo luật cũng như việc chọn lựa các môn học của các trường luật ngày nay là hết sức cần thiết. Trên thực tế, tại các cơ sở đào tạo luật có rất nhiều các môn luật khác nhau nhưng với tư cách là một giảng viên đang dạy môn Luật Thi hành án dân sự thì tôi thiết nghĩ môn học này cũng cần thiết cho các bạn sinh viên. Bởi đây là giai đoạn tiếp sau của giai đoạn xét xử, đảm bảo cho Bản án có hiệu lực pháp luật được thực thi.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng môn học Luật thi hành án dân sự

2.1.1. Tổng quan về thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự xuất phát và gắn liền với hoạt động xét xử của Tòa án, trọng tài, hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Thi hành án dân sự gắn liền với hoạt động xét xử, giải quyết tranh chấp vì xét xử, giải quyết tranh chấp và thi hành án dân sự là hai mặt của quá trình bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét xử, giải quyết tranh chấp là tiền đề của thi hành án dân sự, không có xét xử thì không có thi hành án dân sự. Thi hành án dân sự tiếp nối với xét xử làm cho bản án, quyết định có hiệu lực trên thực tế.

Từ đó có thể hiểu thi hành án dân sự là một dạng hoạt động tư pháp trong việc thực hiện bản án, quyết định dân sự của Tòa án và các quyết định của các cơ quan, tổ chức khác được đưa ra thi hành theo quy định của pháp luật.

Thông qua thi hành án dân sự, người phải thi hành án phải thực hiện các nghĩa vụ về tài sản của họ và người được thi hành án dân sự sẽ nhận được các quyền, lợi ích về tài sản.

Thi hành án dân sự có vai trò, ý nghĩa quan trọng, theo đó, Bản án, quyết định của Tòa án chỉ thực sự có giá trị khi được thi hành trên thực tế nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị- xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước. Đồng thời giúp cho việc phát triển những khiếm khuyết của các quy định của pháp luật trên cơ sở đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, đồng thời kiểm tra lại quá trình xét xử trước đó để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xét xử.

Thi hành án dân sự góp phần thúc đẩy và giải phóng các nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Thi hành án dân sự có tác dụng quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, tạo niềm tin của người dân vào tính nghiêm minh của pháp luật, củng cố quyền lực nhà nước.

2.1.2. Thực trạng môn học luật thi hành án dân sự

Với chương trình đào tạo theo tín chỉ, mỗi sinh viên cần ý thức rõ yếu tố tự học, tự nghiên cứu là quan trọng nhất, thời lượng chương trình học môn học này chỉ có 15 buổi, mỗi buổi 3 tiết bao gồm cả lý thuyết và thực hành nhưng lượng tri thức cần cung cấp cho sinh viên là rất lớn bởi đây là một khâu khá quan trọng, một Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án có được thi hành hiệu quả hay không? Cho nên, sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Song do hạn chế về thời gian nên giảng viên không có đủ thời gian trên lớp để trao đổi, giải đáp những vướng mắc khi sinh viên gặp phải nên đây cũng là trở ngại của môn Luật thi hành án dân sự. Hơn nữa, một số em sinh viên mang tính ỉ lại, không chuẩn bị bài cũng như không đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, thậm chí còn một số ít các bạn sinh viên trong giờ học không tập trung nghe giảng, không ghi chép bài nên không tiếp thu được kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

2.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Luật Thi hành án dân sự.

Bài viết này tác giả không bàn về chương trình và nội dung giảng dạy môn luật thi hành án dân sự mà dưới góc nhìn của một giảng viên của Khoa Chính trị - Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, trực tiếp đang giảng dạy môn học này, tác giả đưa ra một số đổi mới phương pháp giảng dạy, với mong muốn góp phần vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như chất lượng tạo của Khoa Chính trị - Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và đào tạo cử nhân luật nói chung.

Chúng ta đều biết, trong các phương pháp giảng dạy thì mỗi phương pháp đều thể hiện những ưu điểm và nhược điểm riêng của mình, song dựa trên những phương pháp được sử dụng nhiều nhất thì kết quả nghiên cứu thể hiện tỷ lệ phần trăm khả năng tiếp thu kiến thức tương ứng với các hoạt động học tập của người học. Cụ thể là phương pháp thuyết trình (tức là phương pháp giảng dạy truyền thống) thì người học chỉ tiếp thu được 5% kiến thức, tiếp theo là phương pháp đọc giúp người học nhớ được 10% kiến thức, phương pháp xem

trình diễn tình huống thực tế giúp người học nhớ được 30%. Nếu người học thảo luận trong nhóm nhỏ họ sẽ nhớ được 50%. Nếu họ được hướng dẫn bằng các minh họa và sau đó được yêu cầu thực hành, sẽ nhớ được 75%. Và nếu sinh viên trực tiếp tư vấn hoặc giảng dạy cho người khác, họ sẽ nhớ đến 90% kiến thức.

Đối với đặc thù của sinh viên ngành Luật Kinh tế thì phương pháp dạy học theo tình huống là phương pháp tối ưu. Sau khi đã được cung cấp các kiến thức lý thuyết, một bài tập tình huống sẽ giúp sinh viên có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học. Thông qua việc xử lý tình huống, sinh viên sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết.

Phương pháp dạy học bằng tình huống tạo ra những cơ hội giúp sinh viên có được những kinh nghiệm thực tế, trau dồi và phát triển được các kỹ năng thực hành cần thiết khi ra trường. Đặc biệt, việc áp dụng lý thuyết vào thực tế, kỹ năng liên kết kiến thức của các môn học khác nhau để giải quyết các vấn đề và ra quyết định. Với kinh nghiệm làm tại Cơ quan thi hành án dân sự gần 10 năm, giải quyết các vụ án khác nhau nên bản thân sẽ có những tình huống thực tế xảy ra khi còn công tác tại cơ quan này. Chính vì vậy, giảng viên sẽ tổng hợp các tình huống đó và truyền tải đến sinh viên một cách cụ thể nhất và sinh động nhất.

Bên cạnh đó, giảng viên sẽ đưa các tình huống cho các nhóm và yêu cầu các nhóm thảo luận và đưa ra câu trả lời. Phương pháp này giúp sinh viên phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của mình để đưa ra những hướng giải quyết phù hợp. Đồng thời, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông.

Một phương pháp dạy môn Luật Thi hành án dân sự nữa được áp dụng đó là phương pháp tư duy phản biện (tranh luận). Phương pháp này giúp cho sinh viên rèn tư duy lô gic, nhanh nhạy khi giải quyết tình huống, đặc biệt là khả năng tranh biện của sinh viên. Phương pháp này cũng được lấy làm thể lệ cho các cuộc thi tranh biện của các trường đào tạo luật hiện nay. Sau khi ra trường, sinh viên làm việc trong các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm sát) hoặc luật sư sẽ dễ dàng tiếp cận và phát triển kỹ năng tranh tụng tại các phiên tòa, đưa ra luận cứ chứng minh hoặc bảo vệ cho các quan điểm của mình. Tuy nhiên, trước buổi diễn ra tranh luận giảng viên sẽ thông báo cho sinh viên biết để sinh viên có thể chuẩn bị tâm lý và lắng nghe quan điểm của người khác. Điều quan trọng là giảng viên đóng vai trò là trọng tài, điều khiển cuộc tranh luận phải tạo cho sinh viên một không khí thoải mái và cởi mở để sinh viên có thể thẳng thắn tranh luận và đưa ra quan điểm của mình.

Sinh viên được chia nhiều nhóm nhỏ để chuẩn bị sẵn sàng các ý kiến tranh luận. Cả nhóm sẽ giúp những người được lựa chọn đứng ra thay mặt nhóm tranh luận. Sau đó, cuộc tranh luận bắt đầu và sinh viên biểu quyết ủng hộ hay chống đối đề tài. Cụ thể theo những bước sau:

Bước 1: Đưa đề tài tranh luận cho các nhóm và chọn những nhóm tranh luận ủng hộ và chống đối.

Bước 2: Sinh viên tập hợp theo nhóm và chuẩn bị ý kiến tranh luận và chọn hai người trình bày ý kiến tranh luận của nhóm. Một người sẽ trình bày chính để đưa ra các ý kiến tranh luận của nhóm, người còn lại sẽ phản biện các ý kiến tranh luận của nhóm còn lại.

Bước 3: Giảng viên cho phép người trình bày chính của nhóm ủng hộ trình bày trước các ý kiến tranh luận trong khoảng thời gian giới hạn (thông thường là 5 phút).

Bước 4: Giảng viên cho phép người trình bày chính của nhóm chống đối trình bày trước các ý kiến tranh luận trong khoảng thời gian giới hạn thỏa thuận trước (thông thường là 5 phút)

Bước 6: Yêu cầu tất cả sinh viên biểu quyết chọn tranh luận của bên nào là hay nhất và chọn bên chiến thắng cho cuộc tranh luận.

Bước 7: Giảng viên tổng kết, nhận xét đánh giá và đưa ra kết luận, cho điểm.

3. Kết luận

Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập môn Luật Thi hành án dân sự là việc không dễ dàng mà nó đòi hỏi phải có sự kết hợp của rất nhiều yếu tố khác nhau như cơ sở vật chất, chương trình, tài liệu tham khảo, trong đó đặc biệt là phương pháp dạy học của giảng viên cùng với ý thức, thái độ và phương pháp học tập của sinh viên. Trong những năm gần đây, Khoa Chính trị - Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, qua đó một phần đã nâng cao ý thức cũng như thái độ học tập của các bạn sinh viên. Và hy vọng trong những năm tới đây, các môn Luật nói chung và môn Luật Thi hành án nói riêng sẽ luôn tạo được những động lực giúp các bạn sinh viên hứng thú cũng như tiếp thu được kiến thức mà giảng viên truyền tải.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thanh Ái (2010), *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hệ thống tín chỉ;
2. Ths.Hoàng Thị Thanh Hoa – TS. Nguyễn Văn Nghĩa. *Cẩm nang Thi hành án dân sự*. Nxb Tư pháp.

IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING CIVIL JUDGEMENT LAW

Tran Thuy Lien

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: lientt@hufi.edu.vn

Submitted date: 24/02/2023, edited date: 13/03/2023, accepted date: 07/04/2023

Abstract: Law training is currently changing rapidly in the world and with many different training models, but mainly in two directions: academic training to award a bachelor's degree in law and learning to practice law. In the following article, the author

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

discusses the application of active, innovative teaching methods and improving the quality of training for the subject of Civil Judgment Law in order to meet the needs of society in the context of globalization and international integration.

Keywords: *Active teaching, Civil Execution Law, Department of Politics - Law, Ho Chi Minh City University of Food Industry.*

ỨNG DỤNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRONG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY MÔN PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

ThS. Vũ Việt Tiến

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: tienvv@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 22/02/2023, ngày sửa bài: 14/03/2023, ngày chấp nhận: 07/04/2023

Tóm tắt: Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là động lực cho hoạt động thương mại điện tử diễn ra trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng ngày càng phát triển và diễn ra sôi nổi. Bên cạnh hoạt động thương mại điện tử nhà cung cấp và người tiêu dùng thì hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới cũng đang thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong xã hội. Các hoạt động thương mại điện tử đều liên quan đến các chủ thể tham gia, phạm vi lãnh thổ và môi trường hoạt động, đòi hỏi khung pháp lý và quy định pháp luật điều chỉnh các hoạt động trên. Hiện nay, thương mại điện tử đã được đưa vào chương trình đào tạo đại học trở thành một ngành độc lập thì môn học pháp luật thương mại điện tử cũng là học phần khá quan trọng đối với ngành thương mại điện tử dưới góc độ pháp lý.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0; Pháp luật thương mại điện tử; Phương pháp dạy học; Ứng dụng kỹ thuật công nghệ.

I. Mở đầu

Trong bối cảnh hiện nay, hoạt động thương mại điện tử là hoạt động thương mại diễn ra trên môi trường mạng internet thông qua phương tiện điện tử, pháp luật thương mại điện tử dựa trên nền tảng hoạt động thương mại, yếu tố kỹ thuật công nghệ và hình thức tạo tổ chức dưới dạng các trang tin điện tử (website) hoặc ứng dụng (application) để điều chỉnh.

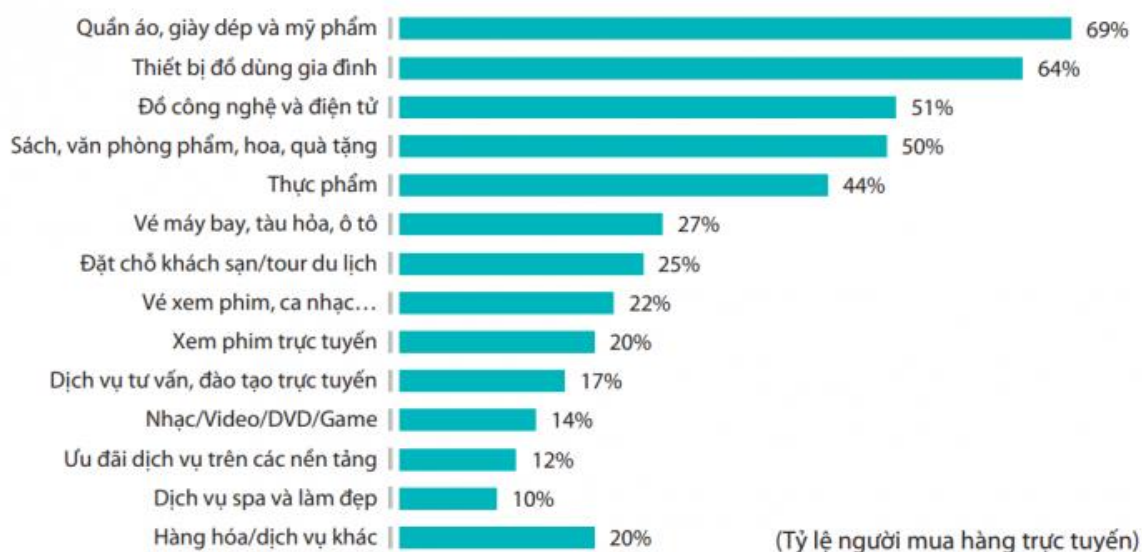
Nếu như ngành thương mại điện tử thuộc khối ngành kinh tế thì môn học pháp luật thương mại điện tử thuộc ngành luật và dựa trên các yếu tố kỹ thuật, công nghệ và kiến thức lĩnh vực kinh tế để trình bày các quy định pháp luật điều chỉnh trong quá trình giảng dạy. Vì vậy, để giảng dạy học phần pháp luật thương mại điện tử một cách hiệu quả đòi hỏi nội dung giảng dạy phải thể hiện kiến thức kinh tế, kỹ thuật công nghệ trong bài giảng, đồng thời người dạy cũng đưa những ví dụ minh họa, thực hành thực tế trên các website, ứng dụng nhằm đảm bảo người học hiểu và áp dụng được những kiến thức của môn học vào thực tiễn công việc và cuộc sống, từ đó hiểu được ý nghĩa thiết thực mà các quy định pháp luật được đặt ra để đảm bảo các hoạt động thương mại điện tử thực hiện đúng theo pháp luật.

II. Nội dung nghiên cứu

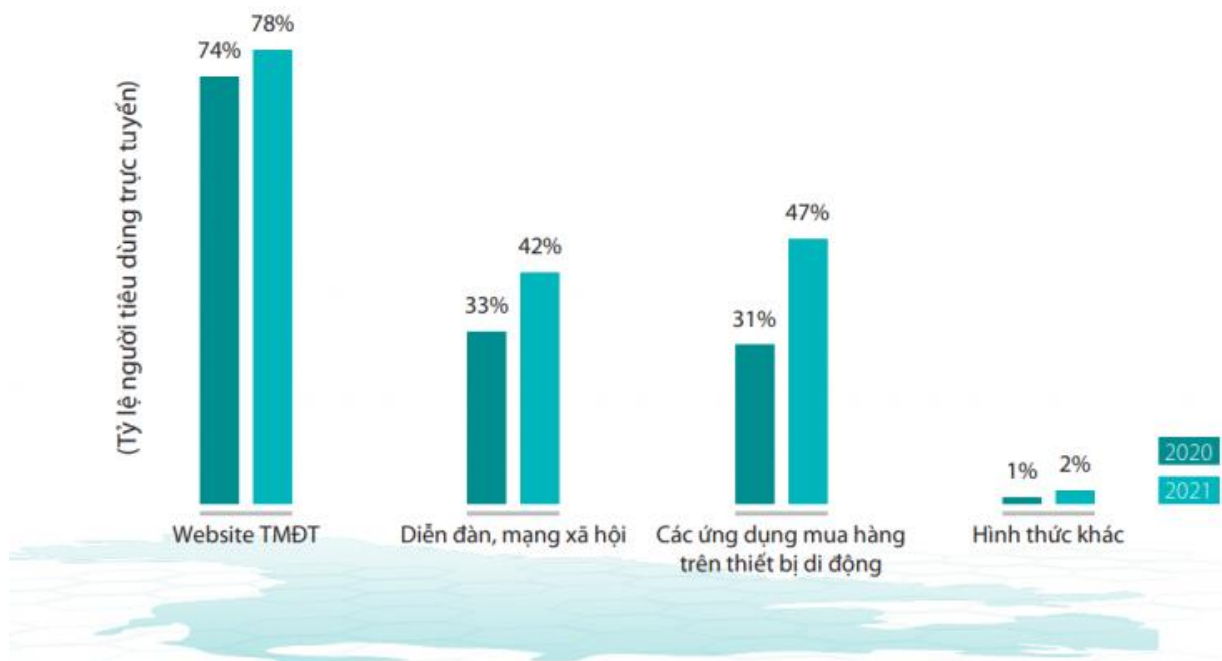
1. Đảm bảo yếu tố kỹ thuật, công nghệ và pháp luật trong nội dung bài giảng.

Theo sách trắng thương mại điện tử Việt Nam 2022, Chi tiêu thương mại điện tử theo từng ngành hàng thì Việt Nam có đến 74,8% người dùng internet tham gia mua sắm trực

tuyến. Trong đó, các mặt hàng được mua sắm online nhiều nhất lần lượt là quần áo, giày dép và mỹ phẩm (69%), thiết bị đồ dùng gia đình (64%), đồ công nghệ và điện tử (51%)... (Hình 1). Đồng thời, các kênh mua sắm trực tuyến thống kê cho thấy có đến 78% người mua hàng trực tuyến là qua các website thương mại điện tử, 42% qua mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo... và 47% qua các ứng dụng mua hàng trên điện thoại di động. (Hình 2).



Hình 1: Chi tiêu thương mại điện tử theo từng ngành hàng



Hình 2: Các kênh mua sắm trực tuyến

Dữ liệu cho ta thấy, chỉ số ngành hàng tiêu dùng chiếm tỷ lệ cao (69%) và các hoạt động diễn ra chủ yếu trên website thương mại điện tử (78%). Như vậy:

Xét dưới góc độ kinh tế, số lượng người tiêu dùng tham gia hoạt động thương mại điện tử khá đông và chủ thể tham gia là giữa nhà sản xuất, người bán và người tiêu dùng.

Xét dưới góc độ kỹ thuật công nghệ, hoạt động thương mại điện tử diễn ra trên các website thương mại điện tử bán hàng có sự tham gia của mạng internet thông qua các tác vụ đặt hàng, xác nhận đơn hàng, thanh toán trực tuyến...

Xét dưới góc độ pháp luật, các quan hệ pháp luật giữa người bán-người mua, nhà cung ứng dịch vụ-người sử dụng dịch vụ, người cung cấp sản phẩm-người tiêu dùng được hình thành cùng với quyền và nghĩa vụ như: giao hàng, thanh toán, chế độ hậu mãi, giải quyết tranh chấp...

Vì vậy, trong nội dung bài giảng pháp luật thương mại điện tử, bên cạnh nội dung, vấn đề pháp lý thì cần có các nội dung về kỹ thuật, nghiệp vụ kinh tế nhằm làm rõ cách thức, phương pháp mà các chủ thể thực hiện hoạt động mua bán, kinh doanh của mình. Đồng thời, nội dung về công nghệ cũng cần được phổ biến để người học hiểu được thế nào là website, ứng dụng web (Web Application), ứng dụng di động (Mobile Application), mạng xã hội (facebook, tiktok) và các hoạt động thương mại điện tử diễn ra trên nền tảng công nghệ nào. Từ đó, liên kết các yếu tố trên giúp người học:

Thứ nhất, người học nhận dạng, phân tích được những quy định pháp luật, rủi ro pháp lý tiềm ẩn hoặc những bất cập còn đang tồn tại.

Thứ hai, tiếp thu một cách dễ dàng hơn về các quy định pháp luật về chủ thể (*đặc biệt về người tiêu dùng, người cung cấp dịch vụ thương mại điện tử*), các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử (*website thương mại điện tử bán hàng, sàn giao dịch thương mại điện tử*)

Thứ ba, người học vận dụng kiến thức và kỹ thuật để giải quyết vấn đề (*giải quyết tranh chấp, phòng tránh rủi ro pháp lý*) hoặc áp dụng vào thực tiễn cuộc sống (*tư vấn pháp lý, ứng dụng vào hoạt động kinh doanh*).

2. Ứng dụng đa phương tiện vào bài giảng, bài thực hành của giảng viên trong công tác giảng dạy.

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua. Trong đó, quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết là “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội”.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

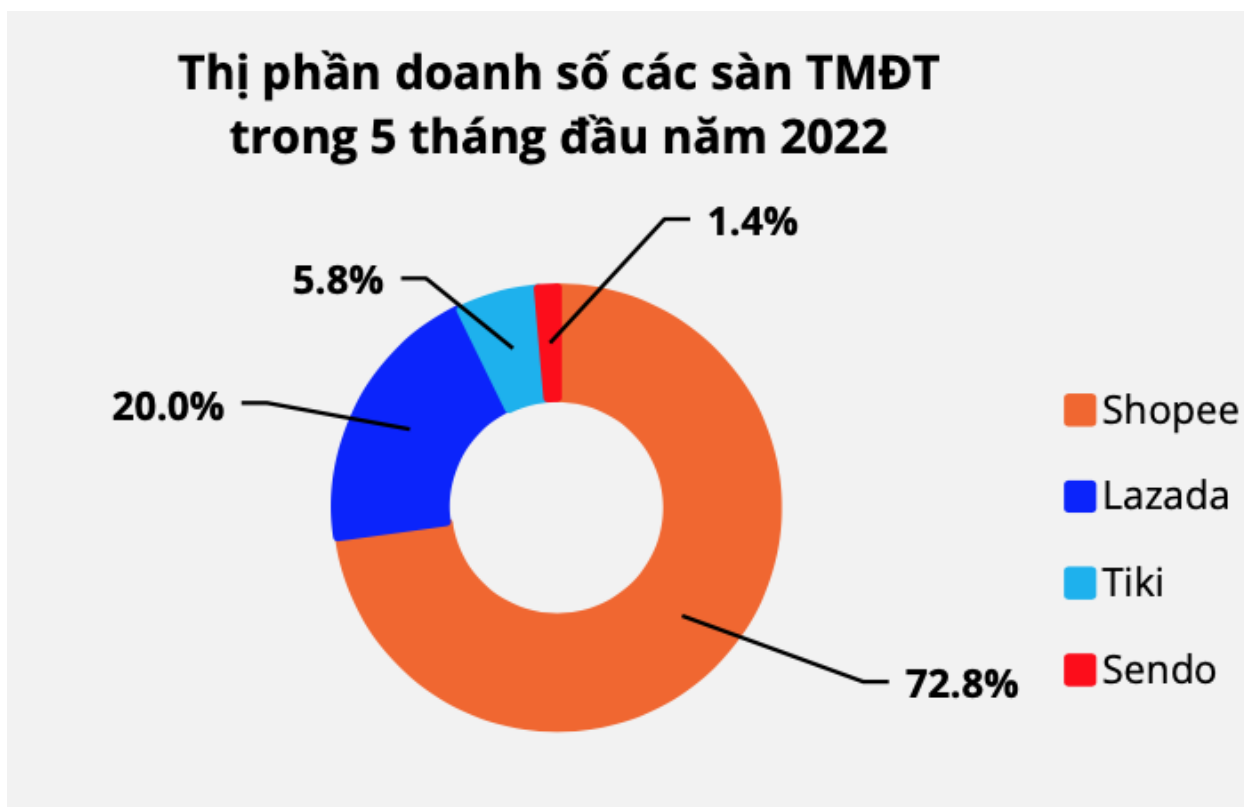
Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiên bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.

Như vậy, với quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo gắn với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội, áp dụng kỹ thuật công nghệ, hiện đại hóa giáo dục nói chung thì đối với học phần pháp luật thương mại điện tử cũng cần được hiện đại hóa, áp dụng kỹ thuật công nghệ trong công tác giảng dạy. Bên cạnh hoạt động thuyết giảng truyền thống thì việc giới thiệu và thực

hành các phần mềm, ứng dụng trên các nền tảng công nghệ sẽ giúp tăng khả năng tiếp cận và tương tác giữa khả năng người dạy, người học và nội dung môn học. Ví dụ điển hình hiện nay:

Quá trình giao kết hợp đồng thương mại điện tử khác biệt với hình thức truyền thống. Bởi lẽ, quá trình được thực hiện trên nền tảng website hoặc ứng dụng thông qua các công cụ, tác vụ có trên website sàn giao dịch thương mại điện tử phổ biến tại Việt Nam được quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP (16/5/2013) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP (25/9/2021) (Hình 3)



Hình 3 Thị phần 4 sàn thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam: Shopee, Lazada, Tiki, Sendo

Việc xác nhận giao dịch giữa các bên được thực hiện bằng chữ ký số, ký số lên thông điệp dữ liệu, văn bản bằng điện tử mà các bên đã thỏa thuận. Đây là hình thức mới được quy định cụ thể tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP (27/9/2018).

Việc cung cấp thông tin và bảo mật thông tin của người tiêu dùng khi tham gia các giao dịch điện tử như: mua hàng, thanh toán trực tuyến, nhận hàng điện tử...

Từ những vấn đề cơ bản như trên của thương mại điện tử, thì việc áp dụng các ứng dụng, kỹ thuật công nghệ, phần mềm vào công tác giảng dạy mang lại nhiều lợi ích cho người dạy lẫn người học:

Thứ nhất, người học có cái nhìn trực quan sinh động đối với bài học, hỗ trợ việc tiếp thu sẽ dễ dàng hơn thông qua việc các quy định pháp luật được cụ thể hóa qua các ứng dụng công nghệ.

Thứ hai, người học cảm nhận ý nghĩa bài học cũng như tính khả thi của pháp luật đối với các hoạt động thương mại điện tử đang diễn ra. Từ đó, người học phát hiện những nội dung bất cập, lỗ hổng pháp lý và đề xuất giải pháp mang tính thực tiễn, hiệu quả.

Thứ ba, giảm gánh nặng thuyết giảng cho người dạy. Thay vì trình bày, thuyết trình thì người dạy phối hợp với các phần mềm, ứng dụng giúp người học hiểu và cảm nhận thực tế các hoạt động thương mại điện tử đang diễn ra và được quy định pháp luật điều chỉnh (*quy trình giao kết hợp đồng, quy trình ký số...*)

III. Kết luận và kiến nghị

Đối với nhà trường.

Trong bối cảnh giáo dục 4.0 hiện nay, chương trình dạy học nói chung và đối với học phần thương mại điện tử nói riêng không chỉ chú trọng lý thuyết như trước đây mà cần phải đi đôi với thực hành. Cụ thể, ngoài việc giảng dạy trên cơ sở bài học lý thuyết (*giáo trình, tài liệu môn học...*) thì cần kết hợp với việc học trên các ứng dụng phần mềm, ứng dụng liên quan đến hoạt động thương mại điện tử (*phần mềm khai báo hải quan điện tử, quy trình đặt hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử...*). Đảm bảo cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo quá trình giảng dạy-học tập luôn được kết nối internet và được hỗ trợ phần mềm, ứng dụng để việc giảng dạy, tiếp thu nội dung bài học được thuận lợi và dễ hiểu hơn. Xây dựng thư viện số, kho dữ liệu điện tử được các khoa quản lý, bổ sung và cập nhật theo đúng chuyên ngành đào tạo của từng khoa.

Đối với giảng viên.

Liên tục cập nhật thông tin, tài liệu mới, quy định pháp luật, cũng như kỹ thuật công nghệ, phần mềm, ứng dụng và nền tảng kỹ thuật số trong công tác giảng dạy. Phối hợp hoạt động thuyết giảng bài học dựa trên nền tảng kỹ thuật số hoặc ví dụ thực tế trên website, phần mềm cụ thể để bài giảng được trực quan sinh động và dễ hiểu hơn. Khuyến khích sinh viên tìm hiểu, trao đổi, chia sẻ những kỹ thuật công nghệ mới, cũng như những vấn đề pháp lý phát sinh khi tham gia vào các giao dịch điện tử.

Đối với người học.

Kết hợp lý thuyết và thực hành bằng cách phân tích các quy định pháp luật dựa trên các nền tảng mà hoạt động thương mại điện tử đang diễn ra. Tìm hiểu các cách thức giao dịch điện tử, từ đó phát hiện và đưa ra những giải pháp mang tính pháp lý để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng riêng và các chủ thể khi tham gia hoạt động thương mại điện tử.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.
2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương Việt Nam, *Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2022*.
3. Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương, *Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0* (Truy cập tại <https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-trong-boi-can-cao-cach-mang-cong-nghiep-4-0-123652>)
4. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
5. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 về thương mại điện tử.
6. Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
7. Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

TECHNOLOGY APPLICATION IN TEACHING LAWS OF E-COMMERCE

Vu Viet Tien

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: tienvv@hufi.edu.vn

Submitted date: 22/02/2023, edited date: 14/03/2023, accepted date: 07/04/2023

Abstract: *The industry revolution 4.0 has been motivating ecommerce transactions to take place domestically as well as internationally on a more regular and dynamic basis. Not only have suppliers and consumers been taking on ecommerce but people from all walks of life started embracing this type of trade. Most of the ecommerce activities related to a certain individual, a certain territorial scope and a certain trade market are required to have a set of legislation or legal regulations to put those transactions under control.*

Ecommerce has currently been adopted as a separate faculty in university curriculums; thus “Laws of E-Commerce” also plays an indispensable part in this major in terms of legislation.

Keyword: *The industry revolution 4.0; Laws of E-Commerce; Teaching method; Technology application.*

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

ThS, NCS. Phan Ái Nhi

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: nhipa@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 18/02/2023, ngày sửa bài: 14/03/2023, ngày chấp nhận: 07/04/2023

Tóm tắt: Giáo dục pháp luật với chức năng định hướng, điều chỉnh hành vi và nhận thức của người học phù hợp với chuẩn mực xã hội là trách nhiệm của các cơ sở đào tạo. Đổi mới phương pháp giảng dạy môn pháp luật theo hệ thống tín chỉ nhằm tăng cường kiểu học tập tích cực, phát huy năng lực cá nhân của người học. Điều này đòi hỏi mỗi người giảng viên phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật đáp ứng với yêu cầu thực tiễn, góp phần đưa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường được phát triển ổn định, hiệu quả và đi vào chiều sâu.

Từ khóa: Phương pháp giảng dạy, Môn pháp luật đại cương, Hệ thống tín chỉ, Chất lượng giáo dục.

1. Mở đầu

Trong tiến trình đổi mới của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chú trọng công tác giáo dục pháp luật. Trên cơ sở thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Thủ tướng Chính phủ đã cụ thể hóa bằng các chương trình hành động cụ thể (Quyết định số 409/QĐ-TTg, Quyết định 705/QĐ-TTg, Quyết định 3957/QĐ-TTg...) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong nhà trường. Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quyết định số 3957/QĐ-BGDĐT ngày 28/9/2017 tiếp tục triển khai thực hiện đề án “nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường đến năm 2021”. Đây được coi là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học; đồng thời cũng chính là cơ sở pháp lý quan trọng trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy môn pháp luật theo hệ thống tín chỉ nhằm đáp ứng với tình hình mới ở các trường Đại học nói chung và Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM nói riêng.

2. Thực trạng giảng dạy môn Pháp luật đại cương tại trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM

Việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ là bước chuyển tất yếu khách quan của nhà trường và cả hệ thống giáo dục đào tạo đại học ở Việt Nam theo xu thế hội nhập quốc tế. Với chương trình đào tạo theo tín chỉ, mỗi sinh viên cần ý thức rõ yếu tố tự học, tự nghiên cứu là quan trọng nhất, thời lượng chương trình sẽ bị rút ngắn song dung lượng tri thức ở từng môn học hầu như không đổi, thời gian còn lại để sinh viên có thời gian tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Cũng chính điều này đã tạo ra khó khăn nhất định khi biên soạn chương

trình đào tạo và triển khai thực hiện chương trình đào tạo trên thực tế. Học phí của sinh viên không tính theo học kỳ như trước đây mà tính theo số tín chỉ sinh viên thực học trong học kỳ đó. Vì bị giới hạn số lượng tín nên khi xây dựng chương trình đào tạo, các khoa chuyên ngành có xu hướng đưa học phần Pháp luật đại cương vào danh sách học phần tự chọn – thay vì học phần này được đưa vào học phần bắt buộc. Chính điều này làm cho hiệu quả của việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong trường đại học sẽ không đồng bộ, không đạt hiệu quả, chất lượng như mong muốn. Thậm chí, đối với một số chuyên ngành, kiến thức từ học phần Pháp luật đại cương là nền tảng để học tốt những học phần khác trong chuyên ngành đào tạo. Chẳng hạn như, đối với khối ngành kinh tế, trong chương trình đào tạo thường có học phần Luật Kinh tế. Nếu trước khi sinh viên học Luật Kinh tế nhưng lại chưa học Pháp luật đại cương thì sẽ có những khó khăn nhất định khi tiếp nhận kiến thức mới. Ví dụ như: Khi nói đến điều kiện để trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật kinh tế nhưng trước đó sinh viên không hiểu được như thế nào là có tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự đầy đủ là gì, lỗi là gì, thế nào là sự kiện bất ngờ, sự kiện pháp lý là gì, khi nào thì quan hệ xã hội sẽ trở thành quan hệ pháp luật, ... thì sẽ khó khăn trong việc tiếp nhận, hiểu và vận dụng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

Pháp luật đại cương là học phần tự chọn tích lũy với 02 tín chỉ nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật. Những tri thức của môn học giúp mỗi sinh viên hình thành được niềm tin đối với pháp luật, xác định thái độ và định hướng hành vi phù hợp với qui định của pháp luật. Xây dựng cho sinh viên cơ sở nhận thức ban đầu theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật để ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường đã hiểu và biết hành động theo pháp luật, sau khi ra trường sẽ trở thành những công dân “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Đào tạo môn pháp luật theo hệ thống tín chỉ luôn xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng học phần (đơn vị tín chỉ). Song do hạn chế thời lượng lên lớp, giáo viên không có quỹ thời gian trên lớp để tiếp xúc, hướng dẫn, trao đổi, giải đáp những vướng mắc khi sinh viên gặp phải nên đây cũng là trở ngại trong dạy học môn Pháp luật đại cương. Quy chế đào tạo tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn so với niên chế. Thế nhưng trên thực tế, đa số sinh viên chưa học tốt môn pháp luật đại cương vì nội dung môn học khá khô và nặng lý thuyết, phương pháp trình bày của một số giảng viên còn chưa tạo sức hấp dẫn với người học. Vì vậy, nâng cao hiệu quả dạy học môn Pháp luật theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên là nhiệm vụ rất quan trọng, bởi đây chính là mục tiêu mà người dạy cần hướng tới.

Thông thường, học phần Pháp luật đại cương được đưa vào giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Sinh viên năm thứ nhất mới vừa rời khỏi trường phổ thông, chưa thật sự làm quen được với phương pháp học tập tích cực chủ động ở bậc đại học. Đây cũng là một khó khăn làm ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả môn học, một bộ phận không nhỏ sinh viên nhà trường chưa thật sự chủ động trong học tập do nhiều nguyên nhân khác nhau. Các giảng viên đều đã vận dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học, trong đó có phương pháp dạy học truyền thống (phương pháp thuyết trình) và phương pháp dạy học tích cực (phương pháp đàm thoại, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, trực quan hình ảnh, hướng dẫn tự học,...). Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực chưa đạt kết quả như mong muốn do

thiếu sự hợp tác của sinh viên, cụ thể là phần lớn sinh viên nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của tự học, ít đọc tài liệu, lười tư duy, ngại phát biểu, học đối phó, một số không làm bài tập giảng viên giao, không quan tâm kết quả học tập. Với thực trạng đó dễ dẫn đến tình trạng giảng viên độc thoại, bài giảng đôi lúc còn thiếu sinh động, gây nhàm chán trong sinh viên. Thực tế này cho thấy, vai trò của giáo viên dạy môn Pháp luật đại cương trong nhà trường là rất quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm tạo hứng thú và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên.

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Pháp luật đại cương tại trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM

3.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật đại cương

Theo chúng tôi, yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng và hiệu quả giảng dạy pháp luật đại cương trước hết là đội ngũ giảng viên. Chất lượng giảng viên phụ thuộc vào phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm của từng giảng viên.

Nâng cao phẩm chất đạo đức. Giảng viên giảng dạy pháp luật đại cương trước hết phải có phẩm chất chính trị và đạo đức mẫu mực. Đó là sự say mê, tâm huyết, có tinh thần trách nhiệm với công việc giảng dạy, khiêm tốn, trung thực, thẳng thắn, nói đi đôi với làm, giản dị..., thể hiện đầy đủ phong cách mô phạm của người giảng viên. Đó là sự tôn trọng, quý mến sinh viên của mình, là đức tính cần kiệm, liêm, chính, chí công vô tư như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Nói cách khác, người giảng viên phải là “tấm gương sống” đối với sinh viên trong cuộc sống, đặc biệt trong việc tuân thủ pháp luật. Để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức đòi hỏi bản thân giảng viên phải rèn luyện, phấn đấu không ngừng; giảng viên cần ý thức cao độ và cần trọng trong lời nói, hành vi của mình trong cũng như quan hệ với sinh viên của mình.

Nâng cao trình độ chuyên môn. Đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật đại cương phải có trình độ chuyên môn vững, phải cập nhật liên tục thông tin mới, tìm kiếm nhiều bài tình huống để ứng dụng kiến thức pháp luật vào tiễn. Muốn vậy, bản thân giảng viên phải tự giác học tập nâng trình độ đồng thời cần chú ý việc tạo tại chỗ bằng cách thường xuyên dự giờ để học rút kinh nghiệm, nêu cao tinh thần tương trợ, giúp đỡ giữa các giảng viên với nhau...

Nâng cao năng lực sư phạm, năng lực. Giảng viên giảng dạy pháp luật đại cương cần có năng lực của sư phạm như: mô phạm trong hành vi và ứng xử, lời nói đi đôi với việc làm; hiểu biết rộng nhiều vực của đời sống; có tài thuyết phục đối tượng cơ sở logic, luận cứ khoa học kết hợp với sử ngôn ngữ khúc chiết, chính xác, giản dị, giàu truyền cảm; biết lựa chọn nội dung đúng, phù hợp với trình độ của sinh viên. Trên cơ sở nắm chắc mục tiêu, đối tượng giảng , nắm chắc nội dung, sử dụng nhuần nhuyễn pháp, giảng viên nên tạo không khí cởi mở, tránh àm cho người học căng thẳng, mệt mỏi dễ chán nản. cần có cách truyền tải tri thức bằng ngôn ngữ giản , dễ hiểu, gần gũi với cuộc sống, đơn giản đối với sinh viên. Muốn nâng cao chất lượng giảng dạy pháp luật đại cương thì đòi hỏi người giảng viên phải có khả năng nghiên cứu khoa học tốt. Do vậy, người giảng viên thông qua các cách thức, hoạt động khác nhau tự bồi dưỡng khả năng nghiên cứu khoa học của bản thân.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học đối với học phần Pháp luật đại cương

Tiếp tục giảm thuyết trình, đẩy mạnh việc giảng dạy theo hướng tăng cường phát huy

tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

Không thể phủ nhận những ưu việt của phương pháp này trong giảng dạy nói chung, đặc biệt với học phần Pháp luật đại cương. Do tính đặc thù của học phần, việc sử dụng phương pháp thuyết trình là tất yếu. Tuy nhiên, do yêu cầu của hình thức đào tạo tín chỉ, chuyển đổi mục tiêu đào tạo từ chú trọng truyền dạy tri thức sang vừa truyền dạy tri thức vừa chú trọng hình thành phẩm chất, năng lực của người học, việc giảng viên giảm thời gian thuyết trình được đặt ra là một việc đương nhiên. Thời gian giảng viên thuyết trình càng giảm xuống thì thời gian dành cho các hoạt động khác càng nhiều. Vấn đề là giảng viên phải lựa chọn, xác định nội dung cần thuyết trình, nội dung bắt buộc giảng viên phải trình bày.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng.

Giáo án điện tử giảng viên biên soạn và thực hiện trên lớp sẽ giúp sinh viên đón nhận thông tin cô đọng hơn, sinh viên có điều kiện ghi chép những nội dung cơ bản, có điều kiện quan sát những dẫn chứng, minh họa mà giảng viên nêu ra một cách dễ dàng. Các giáo án điện tử sẽ nâng tầm đội ngũ giảng viên giảng dạy đồng thời giảng viên cũng có điều kiện để thuyết trình những nội dung liên quan, có thời gian đặt vấn đề để sinh viên cùng nghiên cứu, trao đổi khi nghiên cứu nội dung tại lớp. Nói cách khác, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng sẽ khiến sinh viên đón nhận nội dung môn học hào hứng, dễ chịu hơn. Đặc biệt là các bài giảng mà giảng viên và sinh viên có sự chuẩn bị công phu.

Tăng cường đẩy mạnh việc thực tiễn hóa kiến thức.

Pháp luật đại cương là học phần với kiến thức liên quan đến các bộ luật, điều luật, quy định... nên việc tiếp nhận kiến thức đối với sinh viên rất khó khăn. Do đó, việc giảng viên đơn giản hóa kiến thức bằng những nội dung có liên quan đến đời sống thực tế đời sống, xã hội, đến ngành nghề... gần với sinh viên sẽ giúp sinh viên đón nhận kiến thức môn học dễ dàng hơn. Việc thực tiễn hóa kiến thức được thực hiện thông qua việc giảng viên đưa ra các tình huống pháp luật, bài tập pháp luật để sinh viên làm và trả lời.

Tăng cường việc học nhóm, thảo luận, seminar tại lớp.

Học nhóm một mặt giúp sinh viên chia sẻ thông tin trong việc tìm ra chân lí, mặt khác còn góp phần hình thành kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên. Việc thảo luận, seminar là một yêu cầu bắt buộc đối với giáo dục đại học; giảng viên cần thực hiện nghiêm túc nội dung này. Thực hiện tốt nội dung này sẽ tạo cơ hội để sinh viên được bày tỏ quan điểm cá nhân với các vấn đề có liên quan đến nội dung học phần cũng như những vấn đề của đời sống xã hội mà các em quan tâm; đây cũng là cơ hội để sinh viên hình thành kỹ năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng xử lý các tình huống,... của mình. Các buổi thảo luận, seminar sẽ góp phần tạo nên không khí thoải mái, giảm bớt căng thẳng khi học tập môn học.

Tăng cường giao nhiệm vụ về nhà cho sinh viên, nhóm sinh viên.

Việc giao nhiệm vụ về nhà cho sinh viên, nhóm sinh viên thông qua các bài tập lớn, bài tiểu luận, các chủ đề có liên quan đến môn học là một việc làm cần thiết để tạo ra ý thức học tập nghiêm túc, từ đó hình thành thói quen cho sinh viên. Điều quan trọng là giảng viên phải chọn lựa vấn đề, chủ đề phù hợp, có giá trị với sinh viên; phải lập kế hoạch tiến độ thực hiện và đôn đốc kiểm tra, giám sát thực hiện theo tiến độ kế hoạch, có thưởng phạt nghiêm túc đối với sinh viên, phải tận tình giúp đỡ khi sinh viên gặp khó khăn trong quá trình triển khai.

Thực hiện nghiêm túc đề cương hướng dẫn sinh viên tự học.

Đề cương hướng dẫn sinh viên tự học học phần là tài liệu được xây dựng theo định hướng tăng cường tính chủ động của sinh viên khi học tập, nghiên cứu môn học. Điều quan trọng là sử dụng đề cương như thế nào cho có hiệu quả nhất đối với cả sinh viên và giảng viên. Nếu sử dụng tốt đề cương nhiệm vụ, công việc của giảng viên sẽ nhẹ nhàng hơn vì nhiều nội dung thuộc trách nhiệm của sinh viên bắt buộc phải học, phải nghiên cứu. Do đó, giảng viên sẽ có nhiều thời gian hơn để triển khai các hoạt động khác thay vì giảng dạy nội dung buổi học.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên.

Hiện nay, việc nghiên cứu khoa học trong cả giảng viên và sinh viên đều chưa thật sự cao, hiệu quả nghiên cứu khoa học thấp. Việc kết hợp nghiên cứu khoa học giữa giảng viên và sinh viên thường chỉ mới dừng lại ở việc giảng viên giao nhiệm vụ cho sinh viên làm bài tiểu luận tính điểm. Để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập học phần Pháp luật đại cương, một trong những yêu cầu là phải đẩy mạnh nghiên cứu khoa học đối với đội ngũ giảng viên và sinh viên, kết hợp nghiên cứu khoa học giữa giảng viên và sinh viên; tổ chức các buổi tọa đàm khoa học về những chuyên đề pháp luật, tổ chức các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học pháp luật với các vấn đề xã hội.

3.3. Đổi mới phương pháp học tập, thay đổi thái độ học tập của sinh viên

Thái độ của sinh viên đối với học phần là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Khi sinh viên thờ ơ với học phần, coi môn học chỉ là học phần phụ, học phần điều kiện dẫn tới có sự coi thường, từ đó không thấy được giá trị thiết thực mà học phần mang lại, không có sự đầu tư tương xứng cho việc nghiên cứu học tập học phần. Thái độ học tập không đúng đắn là nguyên nhân của tình trạng bỏ tiết, đi muộn, về sớm, đến lớp không tích cực tham gia các hoạt động học tập, không hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên giao; về nhà không chủ động nghiên cứu, tìm hiểu thêm. Do vậy, muốn nâng cao chất lượng học phần Pháp luật đại cương, về phía sinh viên trước hết cần thay đổi thái độ học tập, giảng viên phải làm cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa, giá trị mà môn học mang lại cho mình, từ đó ý thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với học phần. Việc thay đổi ý thức học tập với học phần là nguyên nhân giúp sinh viên hình thành động cơ, mục đích học tập đúng đắn, từ đó có quyết tâm học tập và có hành động tương xứng để đạt được mục đích bản thân đặt ra. Cùng với ý thức, thái độ thì phương pháp học tập có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng học tập học phần. Việc thay đổi cần được thực hiện theo hướng tăng cường tính chủ động, tích cực của sinh viên; sinh viên hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ học tập giảng viên giao ở nhà trước khi lên lớp; sinh viên tham gia các hoạt động học tập tại lớp. Bên cạnh đó, chủ động tìm hiểu nghiên cứu các tình huống pháp luật, sự kiện pháp luật diễn ra hàng ngày, tập xử lý các tình huống thực tế dựa trên kiến thức pháp luật đã được học từ kiến thức học phần. Tuy nhiên, quá trình học tập này chỉ có hiệu quả cao khi kết hợp hài hòa với phương pháp dạy học của giảng viên và những nhiệm vụ mà giảng viên triển khai.

4. Kết luận

Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập học phần Pháp luật đại cương là việc làm cần thiết, đòi hỏi phải có sự kết hợp của nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt là phương pháp dạy học

của giảng viên cùng ý thức thái độ và phương pháp học tập của sinh viên. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của nhà trường, là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi ngành đào tạo, giúp cho sinh viên hiểu và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Để nâng cao hiệu quả của nhiệm vụ này, nhà trường cần xác định đưa học phần Pháp luật đại cương vào danh mục học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo; thay đổi tư duy giáo dục theo hướng kết hợp hài hòa giữa tri thức khoa học và kiến thức xã hội; có sự phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan nhà nước và toàn xã hội. Đây là điều kiện bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện đúng vai trò và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Bộ GD-ĐT (2013). *Kỉ yếu Hội nghị Tổng kết đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường giai đoạn 2010-2012.*
3. Bộ môn Khoa học xã hội (2015). *Báo cáo Hội thảo khoa học “Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Pháp luật đại cương tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng”* (tài liệu lưu hành nội bộ).
4. Vũ Thị Hồng Vân (2016). *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học - Một yêu cầu cấp bách hiện nay.* Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số định kì tháng 3, tr 59-61.

IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING SECTION GENERAL LAW FOR NON – SPECIALIZED STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY

Phan Ai Nhi

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: nhipa@hufi.edu.vn

Submitted date: 18/02/2023 Edited date: 14/03/2023, Accepted date: 07/04/2023

Abstract: Legal education with the function of orienting and adjusting learners' behaviors and perceptions in accordance with social standards is the responsibility of training institutions. Renovate the method of teaching legal subjects according to the credit system in order to enhance the active learning style and promote the individual capacity of learners. This requires each lecturer to constantly innovate the content and methods of legal education to meet practical requirements, contributing to the stable development of legal education dissemination in schools, effectively and deeply.

Keywords: Teaching method, General law subject, Credit system, Education quality

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU VÀ LẬP LUẬN SINH VIÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

ThS, NCS. Nguyễn Phước

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: phuocn@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 24/02/2023, ngày sửa bài: 13/03/2023, ngày chấp nhận: 07/04/2023

Tóm tắt: *Chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng cho sự phát xã hội của mỗi quốc gia, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, nhất là ở các nước kém phát triển và ở các nước đang phát triển. Việt Nam được xếp vào loại các nước đang phát triển. Sự phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia đòi hỏi thị trường lao động đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra, đó là yêu cầu về kiến thức, kỹ năng làm việc cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực tự chủ cá nhân tương ứng với trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Để đáp ứng được yêu cầu đó, thì giáo dục và đào tạo có vai trò là rất quan trọng. Đặc biệt, là giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học.*

Thực tế cho thấy giữa tăng trưởng kinh tế và chất lượng giáo dục đại học có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động đặt ra, cụ thể kiến thức và các kỹ năng mà thị trường lao động yêu cầu. Điều này ảnh hưởng nhất định tới quá trình phát triển của kinh tế, xã hội đất nước ta về sau này. Bài viết đề cập đến chất lượng giáo dục đại học, cụ thể chất lượng giảng dạy môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận sinh viên luật chuyên ngành luật kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Từ khóa: *Chất lượng đào tạo; ngành Luật; cơ sở đào tạo Luật; chất lượng giáo dục, kỹ năng nghiên cứu, lập luận.*

1. Chất lượng giảng dạy môn kỹ năng nghiên cứu và lập luận

Khái niệm chất lượng giảng dạy đại học là rất rộng, mang tính đa chiều, thể hiện dưới nhiều góc độ khác nhau dựa trên quan điểm lợi ích các bên tham gia, cụ thể người học (sinh viên), cơ sở đào tạo đại học và người sử dụng lao động [1].

Thứ nhất, người học (sinh viên)

Hiện nay, đa số các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự chủ, tự chủ tài chính và tự chủ hoạt động giáo dục đào tạo. Để cơ sở giáo dục đại học tồn tại và phát triển thì vấn đề quan trọng nhất phải có người học.

Sinh viên quyết định đăng ký vào cơ sở đào tạo đại học dựa trên cơ sở nhu cầu, mục đích về kiến thức ở bậc đại học và các thông tin liên quan đến danh tiếng của trường đại học, cụ thể dựa trên năm yếu tố sau: Chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ giảng viên, văn hóa công sở của nhà trường, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp đại học.

Sinh viên đã trúng tuyển vào học các hệ đào tạo của nhà trường, sẽ được thuyết phục trực tiếp (i) bằng triết lý đào tạo. Tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM với

ba triết lý giáo dục: “Học tập sáng tạo, làm việc hiệu quả, sống có trách nhiệm”, cùng với bốn giá trị cốt lõi: “Nhân văn, đoàn kết, tiên phong, đổi mới”; (ii) bằng môi trường đào tạo gồm cơ sở vật chất, năng lực của đội ngũ giảng viên, văn hoá phục vụ, phương pháp giảng dạy và chương trình đào tạo.

Để quá trình giảng dạy đại học có chất lượng, bản thân người học phải: có nhận thức đúng về việc học, đó là mục đích việc học là tiếp thu kiến thức, trang bị cho mình những kỹ năng, tốt nghiệp ra trường, có công việc làm ổn định, đúng với chuyên ngành đã học. Song song với nhận thức đúng về việc học, thì người học có nghị lực và quyết tâm; có hoài bão, ước mơ; có lòng yêu ngành, yêu nghề; có phương pháp học tập và tổ chức công việc một cách khoa học.

Thứ hai, cơ sở giáo dục đại học

Giá trị cốt lõi của một trường đại học được khẳng định ở triết lý đào tạo. Triết lý đào tạo dựa trên chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên của nhà trường.

Về chương trình đào tạo

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đã xây dựng một chương trình đào tạo cử nhân luật, chuyên ngành luật kinh tế có ba nhóm kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, tạo nền tảng để người học có thể triển khai phát triển các kiến thức đó trong hoạt động nghề nghiệp của mình trong tương lai.

Mỗi nhóm kiến thức được đảm bảo bằng hệ thống các chương trình môn học và giáo trình, học liệu phù hợp; có phương pháp giảng dạy hợp lý và có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

Môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản, có 7 chương, 02 tín chỉ, trong đó: 01 tín chỉ lý thuyết tương ứng 15 tiết học, 01 tín chỉ thực hành tương ứng 30 tiết học, cùng với học liệu đó là tập bài giảng Kỹ năng nghiên cứu và lập luận, tác giả Nguyễn Phước biên soạn.

Về đội ngũ giảng viên

Một là, phải đạt chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Hai là, phải là người tinh thông về nghề nghiệp, có phương pháp giảng dạy khoa học, dễ hiểu; có khả năng gợi mở, tạo hứng thú và truyền cảm hứng, động viên, khuyến khích người học.

Ba là, giúp người học xây dựng phương pháp học tập và tổ chức công việc cũng như thực hiện các kế hoạch nghiên cứu khoa học.

Về cơ sở vật chất

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng yêu cầu việc dạy và học. Song song với cơ sở vật chất, thái độ ứng xử của đội ngũ viên chức hành chính đối với người học, với đồng nghiệp và công việc của mình sẽ tạo nên giá trị của văn hoá trường học cũng có tác động không nhỏ tới đối tượng khách hàng của nhà trường.

Thứ ba, người sử dụng lao động

Người sử dụng lao động, họ sử dụng kết quả của quá trình đào tạo, được coi là khâu cuối cùng của quá trình đào tạo, họ là chủ thể sử dụng lao động đã được đào tạo ở lĩnh vực

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

ngành nghiệp đó, trong hợp đồng lao động có hai chủ thể đó là người sử dụng lao động và người lao động; đồng thời cũng là chủ thể tạo cơ hội để các cơ sở giáo dục đại học được phối hợp trong đào tạo theo nguyên tắc gắn lý thuyết với thực hành; họ tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá chương trình đào tạo.

Môn học Kỹ năng nghiên cứu và lập luận được xây dựng theo nguyên tắc trên đó là gắn lý thuyết và thực hành

2. Đánh giá chất lượng giảng dạy môn kỹ năng nghiên cứu và lập luận

Thứ 1: Đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo đại học được đánh giá dựa trên mười tiêu chuẩn sau: (1) Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học; (2) Tổ chức và quản lý; (3) Chương trình giáo dục; (4) Hoạt động đào tạo; (5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; (6) Người học; (7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; (8) Hoạt động hợp tác quốc tế; (9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác; (10) Tài chính và quản lý tài chính

Thứ 2: Đánh giá chất lượng đào tạo được thực hiện qua quá trình đào tạo và thực tiễn lao động tại doanh nghiệp.

Việc đánh giá chất lượng quá trình đào tạo do người sử dụng lao động đưa ra sẽ là khách quan và chính xác hơn. Người sử dụng lao động cần người lao động được đào tạo ở bậc đại học có bốn mục tiêu: về kiến thức, về kỹ năng làm việc cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực tự chủ cá nhân. Các nhóm kỹ năng này của người học được bộc lộ qua quá trình lao động của họ tại đơn vị sử dụng lao động [1].

Thứ 3: Đánh giá chất lượng giảng dạy môn học Kỹ năng nghiên cứu và lập luận bằng hình thức điểm số thông qua bài kiểm tra, bài thi theo năm cấp độ sau: biết, hiểu, áp dụng, phân tích và sáng tạo [5]. Do vậy, việc xây dựng đề cương môn học, biên soạn tài liệu học tập, thiết kế bài giảng, kế hoạch lên lớp, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, xây dựng đề thi phải đáp ứng được hình thức trên.

3. Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận

Chất lượng đào tạo là vấn đề quan tâm đặc biệt của các cơ sở đào tạo đại học, đây là vấn đề quyết định tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo, với xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa các quan hệ lao động và trước yêu cầu ngày càng cao của xã hội về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật đáp ứng nhu cầu lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức hành nghề như văn phòng luật sư, phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại...v.v thì việc nâng cao chất lượng giảng dạy chuyên ngành luật ở các cơ sở đào tạo Luật nói chung, môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận nói riêng càng trở nên bức thiết.

Cùng với chủ trương đào tạo đa ngành của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, với chủ trương này phù hợp với xu thế chung của các trường đại học trên thế giới. Khoa Chính trị Luật được thành lập 4 năm nay, với mục tiêu là cơ sở đào tạo cử nhân luật chuyên ngành luật kinh tế có uy tín, chất lượng cho lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động đặt ra.

Để đạt được mục tiêu trên, thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo

Từ năm 2019 cho đến nay, môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận đã ba lần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo ngành luật kinh tế với hình thức đào tạo chính quy theo hướng đáp ứng các yêu cầu của thị trường sử dụng nguồn nhân sự có chuyên môn về luật, trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường sử dụng lao động có sử dụng nguồn nhân lực này (cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, văn phòng, công ty luật...) [2].

Bên cạnh đó, từ năm 2020, đề cương môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận được xây dựng theo định hướng thực hành [3]. Hoạt động giảng dạy môn học này đã và đang từng bước gắn lý thuyết với thực hành.

Thứ hai, với mục tiêu của môn học Kỹ năng nghiên cứu và lập luận là nhằm đào tạo sinh viên tốt nghiệp đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, chuyên môn thuộc lĩnh vực được đào tạo, có kỹ năng thực hành xã hội và khả năng thích ứng, cạnh tranh cao trên thị trường lao động. Môn học thiết kế nhằm giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tăng cường khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập.

Theo đó, các nội dung kiến thức môn học phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp, cùng với đó là việc mở rộng khối kiến thức lựa chọn ngành và chuyên ngành nhằm tăng tính chủ động cho người học trong việc lựa chọn và tích lũy kiến thức. Bên cạnh đó, do xác định được tầm quan trọng của khâu thực hành nên trong cấu trúc môn học, nội dung thực hành luôn chiếm một tỷ lệ thích đáng và được bố trí ở các dạng và thời điểm thích hợp. Các nội dung này được cấu trúc nhằm trang bị cho người học kiến thức, rèn luyện thái độ và bồi dưỡng kỹ năng thực hành.

Thứ ba, hệ thống giáo trình, học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo môn học thường xuyên được cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu của môn học.

Thứ tư, chất lượng đội ngũ giảng viên ngày càng được tăng cường.

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu, nhà trường luôn nỗ lực xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên vững vàng chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Khoa cũng có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn cao là các phó giáo sư, tiến sĩ thuộc ngành Luật hiện đang công tác tại các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương, các luật sư của các văn phòng luật nổi tiếng, các giảng viên của các cơ sở đào tạo Luật ở trong nước và nước ngoài.

Thứ năm, về người học

Giữ vững truyền thống, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của nhà trường [6], các sinh viên, học viên thuộc ngành Luật Kinh tế của khoa Chính trị Luật trải qua quy trình tuyển sinh chặt chẽ và thoả mãn các điều kiện tương đối cao về trình độ học vấn, về tư cách đạo đức.

Sinh viên khoa Chính trị Luật thường là những người đã xác định được mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai, do vậy, cách thức mà họ tham gia quá trình đào tạo các môn học trong chương trình đào tạo cử nhân luật nói chung, môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận tại trường luôn thể hiện sự chủ động, sáng tạo, không thực hiện nhiệm vụ học tập một cách đối phó. Điều đó giúp người học tích lũy được những kiến thức cần thiết để phục vụ cho các nhu cầu công việc của mình trong tương lai.

Hiện tại, sinh viên ngành Luật kinh tế đang thực tập nghề tại các văn phòng luật sư, được văn phòng giao cho nhiều công việc có tính chất thường xuyên. Điều đó khẳng định: người học đã thực sự xác định được mục tiêu học tập môn học của mình – học gắn với hành.

4. Kết luận

Với sự cố gắng và nỗ lực, trong thời gian qua, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM đã và đang định hướng, đồng hành với khoa Chính trị Luật thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của mình, từ đó góp phần xây dựng hình ảnh và vị thế của khoa Chính trị Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM trên thị trường và trong các cơ sở đào tạo Luật trên cả nước.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Huế, *Nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành luật tại đại học kinh tế quốc dân đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia pháp luật kinh doanh trong điều kiện hội nhập, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, Quyết định số 1846/QĐ-DCT ngày 01/09/2021 V/v ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ
3. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM, Thông báo số 68/TB-DCT ngày 25/01/2022 V/v đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học.
4. Trung Tâm Nghiên cứu Cải Tiến Phương Pháp Dạy và Học Đại Học, *Phương pháp giảng dạy đại học theo học chế tín chỉ*, TP.HCM 2010.
5. Benjamin Boom, 1956, *Learning outcome*, nguồn: www.cee.hcmus.edu.vn
6. www.hufi.edu.vn

IMPROVING THE TEACHING QUALITY OF RESEARCH AND REASONING SKILLS FOR STUDENTS MAJORING IN ECONOMIC LAW AT THE HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY

Nguyen Phuoc

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: phuocn@hufi.edu.vn

Post date: 24/02/2023, edit date: 13/03/2023, receive date: 07/04/2023

Abstract: *The quality of human resources plays an important role for the social development of each country, contributing to improving competitiveness and promoting economic growth, especially in less developed countries and in developing countries. Vietnam is classified as a developing country. The economic and social development of each country requires the labor market to meet new requirements, which are the requirements for knowledge, individual working skills, teamwork skills and competence corresponds to the level of economic and social development. To meet that requirement, education and training play a very important role. In particular, is vocational education, undergraduate and postgraduate education.*

Hội thảo Khoa học Khoa Chính trị - Luật, năm 2023

Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị và Pháp luật tại Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời đại Kỹ nguyên số

In fact, there is a dialectical relationship between economic growth and the quality of higher education. However, the quality of higher education in Vietnam has not yet met the needs of the labor market, specifically the knowledge and skills required by the labor market. This has a certain influence on the economic and social development of our country in the future. The article mentions the quality of higher education, specifically the quality of teaching the subject of Research and Argumentative Skills for law students majoring in economic law at Ho Chi Minh City University of Food Industry

Keywords: *quality of training; law; legal; schools of law; quality of education; research and argumentative skills*

MỘT SỐ YÊU CẦU KHI SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG TRONG GIẢNG DẠY MÔN LUẬT DÂN SỰ CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Thị Huyền

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: huyennt@hufi.edu.vn

Ngày gửi: 22/02/2023, ngày sửa bài: 14/03/2023, ngày chấp nhận: 07/04/2023

Tóm tắt: Để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội thì việc đổi mới phương pháp dạy học đã trở thành một tất yếu. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để đạt mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Bài viết này đưa ra một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, chủ động trong giảng dạy môn Luật dân sự dành cho sinh viên chuyên ngành Luật kinh tế tại trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Nguồn nhân lực, phương pháp dạy học tích cực, chủ động, Luật dân sự, người dạy, người học, giảng dạy....

1. Đặt vấn đề

Dạy bằng phương pháp giảng dạy tích cực chính là tìm mọi cách giúp người học được chủ động trong việc học, cho họ được làm việc, được khám phá tiềm năng của chính mình. Người dạy cần giúp người học có được sự tự tin, có trách nhiệm với bản thân để từ đó chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng. Và muốn người học có được sự tự tin và tin tưởng vào giá trị của chính mình, họ cần được học theo phương pháp chủ động. Chỉ khi người học được tự khám phá kiến thức, tự học, tự làm và tự bổ sung cho nhau thì kiến thức mới trở thành tri thức của người học, chuyển thành hành động, thành thói quen hàng ngày của họ.

2. Giới thiệu nội dung môn học Luật dân sự

Trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh tế của Trường ĐHCN Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh, môn học Luật dân sự được chia ra làm hai học phần cơ bản là Luật dân sự 1 có số tín chỉ là 2(2;0), Luật dân sự 2 có số tín chỉ là 3(2;1) với thời lượng giảng dạy trên lớp là 90 tiết bao gồm cả lý thuyết và thực hành [1].

Luật dân sự 1: Phần chung bao gồm các qui phạm pháp luật qui định những vấn đề có tính nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ hệ thống luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nhiệm vụ, nguyên tắc, chủ thể, khách thể của quan hệ pháp luật dân sự, và một số chế định như giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, chế định quyền sở hữu, quyền thừa kế.

Luật dân sự 2: Bao gồm các quy định chung hợp đồng, các loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất... và chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng [2].

Vì đây là một môn học quan trọng, giúp sinh viên có thể tư vấn, giải quyết các vụ việc dân sự phát sinh thường xuyên trong quan hệ tài sản, nhân thân..và cũng là cơ hội để

người học cũng được tiếp cận được nhiều vụ việc trong thực tế ngay xung quanh mình, tích lũy kiến thức, kỹ năng hành nghề sau này

3. Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học chủ động đạt hiệu quả

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh luôn có thế mạnh trong việc đào tạo như cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, hệ thống chương trình đào tạo tiên tiến, hiện đại... Các giảng viên thường xuyên sử dụng các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, hướng vào sinh viên. Khi giảng dạy, giảng viên luôn coi sinh viên là trọng tâm, là nền tảng. Chúng tôi cho rằng, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, về nguyên tắc phải có một chiến lược đồng bộ từ những vấn đề ở tầm vĩ mô đến những vấn đề cụ thể như mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học. Do vậy quá trình giảng dạy tích cực phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất: Cơ sở vật chất hiện đại.

Cơ sở vật chất của trường được đầu tư khang trang, đầy đủ tiện nghi, có những không gian học tập mở và phát triển kỹ năng toàn diện cho sinh viên, giúp nâng cao tương tác trên lớp và chất lượng dạy học, giúp người học học tập sáng tạo cũng như rộng mở các cơ hội nghiên cứu phát triển giải pháp và phần mềm quản lý phục vụ yêu cầu doanh nghiệp và xã hội. Trường có thư viện điện tử với hàng ngàn đầu sách là kho tài liệu quan trọng và vô cùng cần thiết cho sinh viên trong quá trình tự học, tự nghiên cứu. Hệ thống Wifi của trường hoạt động tốt, nhanh và mạnh sẽ đáp ứng nhu cầu truy cập nhanh khi giảng viên yêu cầu tra cứu vụ án, án lệ, các bài viết tham khảo ngay trong quá trình học tại lớp

Thứ hai: Nguồn tài liệu giảng dạy

Đề cương môn học Luật dân sự được thiết kế theo hướng mở, kết hợp lý thuyết và thực hành và đảm bảo luôn được thường xuyên chỉnh sửa, cập nhật theo quy định của Nhà trường. [4].

Tài liệu học tập phong phú. Ngoài các giáo trình, tài liệu tham khảo của các trường Đại học uy tín, giảng viên bộ môn còn soạn các bài giảng cho riêng mình, được thiết kế phù hợp với chương trình đào tạo, trình độ sinh viên. Bài giảng luôn có các câu hỏi ôn tập, bài tập trắc nghiệm, bài tập tình huống để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp [4].

Ngoài ra thư viện của trường cũng là một kho tài liệu vô cùng phong phú với hơn 10.000 đầu sách tập trung ở các lĩnh vực về khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh. Song song đó, hệ thống thư viện điện tử kết nối với hệ thống e-learning. Ngoài ra, thư viện còn được trang bị các công nghệ thiết bị quản lý thư viện hiện đại và tiên tiến như mượn - trả sách tự động... **Ngoài ra**, còn có phòng thuyết trình, phòng nghiên cứu, phòng thảo luận nhóm, phòng xem phim, phòng hội thảo trực tuyến, không gian truyền thông sáng tạo

Thứ ba: Người dạy

Trước hết, Giảng viên phải đọc và nắm thật chắc mục tiêu của chương trình, quan điểm xây dựng chương trình, nghiên cứu kỹ để hiểu rõ cấu trúc và nội dung năng lực môn học; Trong quá trình giảng dạy, giảng viên hoàn thiện các phương pháp dạy học đang sử dụng để góp phần nâng cao hiệu quả, tiến tới nâng cao chất lượng của việc dạy học; Bổ sung, phối hợp với nhiều phương pháp dạy học để khắc phục những mặt hạn chế của các phương pháp đang sử dụng nhằm đạt mục tiêu dạy học đề ra. Người giảng viên không thuyết giảng như trước đây mà chỉ đóng vai trò là người dẫn dắt, định hướng, gợi mở vấn đề (và khi cần

có thể chỉ ra cách giải quyết vấn đề khuôn mẫu). Ở đây, tùy theo từng tình huống cụ thể mà thầy cô giáo là người hướng dẫn sinh viên học tập, trao đổi với sinh viên, giải đáp những thắc mắc của sinh viên về những kiến thức đề cập trong bài học, hoặc là người khuyến khích sinh viên sáng tạo, tự bổ sung cho bài đã học bằng vốn tri thức tiếp thu từ các nguồn khác nhau như sách vở, báo chí, đời sống... Đối với những ý kiến, những bài viết, bài vấn đáp sáng tạo, có nhiều ý tưởng mới của sinh viên, thầy cô giáo nên đưa ra lời khen ngợi hay khuyến khích bằng cách cho điểm cao, cộng điểm sẽ tăng thêm hứng thú sáng tạo của sinh viên[4].

Muốn đáp ứng được yêu cầu trên, trong quá trình dạy học, người giáo viên phải tạo ra được sự tác động qua lại giữa vốn kinh nghiệm đã có của sinh viên với các vấn đề pháp luật mà bài học đặt ra. Người giáo viên phải bằng mọi cách huy động và sử dụng tối đa vốn kinh nghiệm đã có của sinh viên trong việc vận dụng luật để giải thích, xử lý, đánh giá các tình huống pháp luật, phán đoán và lựa chọn những hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực pháp luật. Bên cạnh đó, người giáo viên cũng phải đưa ra được các bài tập tình huống về các vấn đề tranh chấp dân sự... để sinh viên tập giải quyết theo vốn tri thức và kinh nghiệm mà bản thân sinh viên tích lũy được trong quá trình tự nghiên cứu giáo trình luật và tìm hiểu thực tiễn áp dụng pháp luật. Cách dạy học như vậy sẽ tạo cơ hội để các em kiểm chứng, trải nghiệm vốn hiểu biết trong quá trình tự học cũng như vốn kinh nghiệm của mình trong cuộc sống. Ở đây, tính độc lập, năng động, tự giác trong việc chiếm lĩnh tri thức mới, khắc sâu những tri thức pháp luật đã học của sinh viên sẽ có cơ hội phát huy ở mức độ cao hơn.

Chúng tôi cũng rất chú trọng tới việc đưa ra những tình huống, những vấn đề điển hình, chứa đựng nhiều mâu thuẫn và có thể có nhiều hướng giải quyết khác nhau trong bài học trên lớp. Đây là một trong những đặc trưng chủ yếu của giờ học đổi mới theo hướng tích cực. Đặc trưng này giữ vai trò chủ đạo trong dạy học tích cực vì, theo quy luật chung, “tự duy chỉ bắt đầu khi và ở nơi xuất hiện tình huống có vấn đề”. Tình huống của những vấn đề độc đáo mà bài học đặt ra không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với việc thu hút trí tuệ, tình cảm, suy nghĩ, kích thích các em suy nghĩ, giải thích, phân tích phán đoán mà còn là cơ sở giúp các em lựa chọn được những phương án giải quyết tốt nhất, đáp ứng được yêu cầu áp dụng luật vào những tình huống tương tự trong tương lai. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, những tình huống có vấn đề được nêu trong bài học mà giáo viên chủ động lựa chọn từ trước phải là những tình huống chứa vấn đề điển hình, đòi hỏi sinh viên phải huy động toàn bộ năng lực sẵn có, phải cố gắng đạt tới một trình độ kinh nghiệm pháp luật cao mới giải quyết được chúng. [4].

Thứ tư: Người học – Sinh viên: phải là người chủ động tự học, tự chuẩn bị bài từ trước, năng động, sáng tạo trong giờ học tại lớp, biết phát huy vốn kiến thức của mình để xây dựng bài học mới; mạnh dạn nêu những thắc mắc hoặc trao đổi mở rộng bài học với thầy cô giáo, chủ động nêu ý kiến cá nhân trong khi tìm hiểu hoặc học bài xong, biết vận dụng các vấn đề từ bài học vào những trường hợp tương tự...[5].

4. Kết luận:

Những phân việc kể trên không chỉ khiến cho sinh viên trở thành nhân vật trung tâm trong lớp học mà còn tạo cho sinh viên có cơ hội để hoàn toàn chủ động trong suy nghĩ, tìm tòi, phát hiện vấn đề từ bài học thông qua sự dẫn dắt của các thầy cô giáo; từ đó sinh viên

có khả năng làm chủ các kiến thức thu nhận được trong nhà trường, biết vận dụng chúng một cách linh hoạt vào cuộc sống, công tác sau này. Còn đối với các thầy cô giáo, thông qua cách dạy trên, vừa cung cấp cho sinh viên những tri thức nền tảng vừa giúp họ có khả năng tư duy, có năng lực hành động năng động và mạnh mẽ trong học tập, lao động và trong cuộc sống

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Khoa Chính trị - Luật (2023) *Chương trình đào tạo ngành luật kinh tế Khóa 12*,
2. Khoa Chính trị - Luật (2023) *Bài giảng Luật dân sự 1*
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Bộ luật dân sự 2015*, NXB Sự thật
4. Trần Thanh Ái (2010), “*Đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hệ thống tín chỉ. 5: 42-53.
5. Phạm Hoa Tình (2014), “*Sử dụng tình huống để nâng cao hiệu quả trong giảng dạy môn học pháp luật đại cương*”, Báo cáo khoa học sáng kiến kinh nghiệm trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp.1-11.

SOME REQUIREMENTS WHEN USING ACTIVE TEACHING METHODS IN TEACHING CIVIL SUBJECTS FOR LEGAL AND ECONOMIC LAW SUBJECTS AT THANH PHUC INDUSTRIAL UNIVERSITY

Nguyen Thi Huyen

Ho Chi Minh City University of Food Industry

Email: huyennt@hufi.edu.vn

Submitted date: 22/02/2023, edited date:14/03/2023, accepted date: 07/04/2023

Abstract: *In order to train high-quality human resources to meet the increasing demands of society, the innovation of teaching methods has become a necessity. Therefore, in the teaching process, teachers must use many different teaching methods to achieve their goals in terms of knowledge, skills, and attitudes. This article sets out some requirements when using active and active teaching methods in teaching Civil Law for students majoring in Economic Law at the University of Food Industry in Ho Chi Minh City.*

Keywords: *Human resources, active and proactive teaching methods, civil law, teachers, learners, teaching....*